**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

# PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

| | |
|---|---|
| *Ban chỉ đạo Cổ phần hóa* | *Doanh nghiệp Cổ phần hóa* |
| *Công ty TNHH Một thành viên* | *Công ty TNHH Một thành viên* |
| *Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam* | *Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam* |
| *Trưởng ban* | *Chủ tịch HĐTV* |
| **Thành viên Hội đồng Thành viên** | |
| TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM | TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM |
| **Đinh Văn Sơn** | **Hồ Công Kỳ** |

*Đơn vị Tư vấn*
*CTCP Chứng khoán Dầu khí*
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PHÓ GIÁM ĐỐC
*Đặng Minh Quang*

*Tháng 11 /2017*

# MỤC LỤC

**PHẦN 1 ..... 3**

**TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA ..... 3**

**I. CÁC THÔNG TIN CHÍNH VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA ..... 4**

1. Thông tin chung về doanh nghiệp ..... 4
2. Ngành nghề kinh doanh ..... 4
3. Quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp ..... 5
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý Tổng Công ty ..... 7
5. Các công ty con, công ty liên kết ..... 11
6. Thông tin các Nhà máy điện đang vận hành *(trực thuộc PV POWER và công ty con)* ..... 16
7. Bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp: ..... 20

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA (2013-2016) ... 22**

1. Lĩnh vực kinh doanh ..... 22
2. Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất Tổng Công ty ..... 27
3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính Công ty mẹ ..... 38
4. Nguồn nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 55
5. Hoạt động bảo trì, sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện ..... 60
6. Tình hình ký kết các Hợp đồng mua bán điện (PPA) ..... 64
7. Công tác Nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ Khoa học – Công nghệ, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực ..... 65
8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành ..... 66
9. Những thuận lợi, khó khăn tác động đến hoạt động của Tổng Công ty trước cổ phần hóa: ..... 69

**III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ..... 71**

1. Thực trạng về lao động ..... 71
2. Thực trạng về tài sản và đất đai ..... 73
3. Tái cơ cấu Tổng Công ty ..... 74

**IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ..... 79**

1. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ..... 79
2. Một số vấn đề cần lưu ý liên quan đến giá trị doanh nghiệp để CPH: ..... 83

**PHẦN 2 ..... 84**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 84**

**I. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 85**

1. Mô hình tổ chức Tổng Công ty sau cổ phần hóa: ..... 85
2. Chức năng nhiệm vụ ..... 88

**II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN ..... 103**
**III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 105**
1. Môi trường kinh doanh ..... 105
2. Chiến lược phát triển của PV POWER sau cổ phần hóa ..... 110
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa ..... 112
**IV. PHƯƠNG ÁN ĐÀO TẠO VÀ SẮP XẾP LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 121**
1. Đánh giá hiện trạng lao động khi sắp xếp lại chuẩn bị cổ phần hóa ..... 121
2. Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực sau cổ phần hóa của PV POWER như sau: ..... 121
3. Chính sách đào tạo nhân lực sau cổ phần hóa ..... 122
4. Phương án sắp xếp lao động của PV POWER sau cổ phần hóa: ..... 122
5. Phương án phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi: ..... 123
**V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 125**
1. Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (PV POWER Cà Mau): ..... 125
2. Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (PV POWER Nhơn Trạch): ..... 129
3. Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV POWER Hà Tĩnh): ..... 132

**PHẦN 3 ..... 136**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ..... 136**
**I. KHÁI LƯỢC PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA PV POWER ..... 137**
1. Các văn bản pháp lý ..... 137
2. Mục tiêu cổ phần hóa ..... 138
3. Hình thức cổ phần hóa ..... 139
**II. THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN ..... 140**
1. Tên gọi của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa ..... 140
2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ ..... 140
**III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BÁN CỔ PHẦN ..... 144**
1. Phương án phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO) ..... 144
2. Phương án phát hành cho người lao động ..... 146
3. Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược ..... 149
4. Kế hoạch xử lý số cổ phần không bán hết ..... 152
**IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA ..... 154**
1. Chi phí cổ phần hóa ..... 154
2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa ..... 155
**V. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU PV POWER ..... 157**

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ..... 159**
**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG CÔNG TY CỔ PHẦN ..... 160**
1. Về các Hợp đồng vay vốn: ..... 160
2. Vấn đề khác: ..... 160
**VIII. KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT ..... 161**
1. Cơ chế khi thực hiện chào bán cho nhà đầu tư chiến lược: ..... 161
2. Hỗ trợ PV POWER hoàn tất xử lý tài chính trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần: ..... 161
3. Tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các dự án mới trong tương lai ..... 162
**PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY CON PV POWER GIAI ĐOẠN 2013- 2016 ..... 163**
A. CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ..... 163
B. CTCP Thủy điện ĐakĐrinh ..... 164
C. CTCP Thủy điện Hủa Na ..... 166
D. CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ..... 167
E. CTCP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn ..... 169
F. Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí ..... 170
**PHỤ LỤC 02: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM IPO ..... 172**
1. Nguyên tắc xác định giá đấu giá khởi điểm IPO cho PV POWER ..... 172
2. Các phương pháp sử dụng ..... 172
3. Chi tiết phương pháp định giá ..... 173
4. Tổng hợp kết quả định giá: ..... 176
**PHỤ LỤC 03: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN**
**PHỤ LỤC 04: CÁC MẪU BIỂU VỀ LAO ĐỘNG**
**PHỤ LỤC 05: HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT**
**PHỤ LỤC 06: TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

# DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các đơn vị trực thuộc của PV POWER ..... 11
Bảng 2: Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn của PV POWER tại thời điểm 31/12/2016 ..... 12
Bảng 3: Danh sách các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của PV POWER tại 31/12/2016 ..... 13
Bảng 4: Các nhà máy điện của PV POWER ..... 23
Bảng 5: Sản lượng điện sản xuất năm 2013-2016 ..... 23
Bảng 6: Kết quả kinh doanh hợp nhất của PV POWER ..... 27
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu hợp nhất theo hoạt động PV POWER ..... 28
Bảng 8: Cấu phần Doanh thu Hợp nhất PV POWER ..... 29
Bảng 9: Lợi nhuận hợp nhất PV POWER ..... 32
Bảng 10: Một số chỉ số hiệu quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của PV POWER ..... 33
Bảng 11: Tỷ lệ chi phí trên doanh thu hợp nhất PV POWER ..... 34
Bảng 12: Cơ cấu chi phí hợp nhất PV POWER ..... 35
Bảng 13: Bảng cân đối kế toán hợp nhất PV POWER 2013-2016 ..... 35
Bảng 14: Một số chỉ số vay nợ hợp nhất PV POWER ..... 37
Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ PV POWER 2013 – 2016 ..... 38
Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận ..... 39
Bảng 17: Chi tiết doanh thu theo hoạt động Công ty mẹ PV POWER ..... 40
Bảng 18: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động Công ty mẹ PV POWER ..... 40
Bảng 19: Các chỉ tiêu kết quả hoạt động Công ty mẹ PV POWER ..... 41
Bảng 20: Hiệu quả hoạt động các Nhà máy điện trực thuộc Công ty mẹ giai đoạn 2013-2016 ..... 43
Bảng 21: Cơ cấu chi phí công ty mẹ PV POWER ..... 43
Bảng 22: Bảng cân đối kế toán công ty mẹ PV POWER 2013 - 2016 ..... 44
Bảng 23: Các chỉ số hoạt động của Công ty mẹ PV POWER ..... 45
Bảng 24: Các chỉ số nợ của Công ty mẹ PV POWER ..... 46
Bảng 25: Các chỉ tiêu khả năng thanh toán Công ty mẹ PV POWER ..... 47
Bảng 26: Thông tin các hợp đồng vay nợ Công ty mẹ PV POWER ..... 48
Bảng 27: Dự kiến lịch trả nợ các khoản vay dài hạn của PV POWER (cập nhật đến 31/12/2016) ..... 51
Bảng 28: Các khoản đầu tư tài chính của PV POWER năm 2016 ..... 52
Bảng 29: Danh mục đầu tư Công ty con của PV POWER năm 2016 ..... 52
Bảng 30: Hiệu quả hoạt động tại các Công ty con của PV POWER giai đoạn 2013-2016 ..... 53
Bảng 31: Giá trị cổ tức từ các Công ty con ..... 54
Bảng 32: Chi tiết danh mục đầu tư tài chính của PV POWER năm 2016 ..... 54
Bảng 33: Chỉ tiêu của nguồn khí đầu vào và hợp đồng khí PV POWER đã kí ..... 55
Bảng 34: Các Hợp đồng mua bán khí đã ký kết ..... 56
Bảng 35: Các Hợp đồng than đã ký kết ..... 59
Bảng 36: Các Hợp đồng dầu đã ký kết ..... 59

Bảng 37: Lịch trình bảo trì, sửa chữa các NMĐ của PV POWER ..... 63
Bảng 38: Sản lượng điện sản xuất của PV POWER so với cả nước ..... 68
Bảng 39: Cơ cấu lao động của PV POWER tại ngày 31/12/2015 ..... 71
Bảng 40: Cơ cấu lao động của PV POWER ..... 72
Bảng 41: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 ..... 73
Bảng 42: Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp PV POWER ..... 80
Bảng 43: Ngành nghề kinh doanh chính ..... 103
Bảng 44: Kế hoạch đầu tư các dự án điện than ..... 113
Bảng 45: Kế hoạch đầu tư các dự án điện khí ..... 113
Bảng 46: Kế hoạch thoái vốn của PV POWER giai đoạn 2017-2022 ..... 113
Bảng 47: Sản lượng điện thương mại của các Nhà máy điện của PV POWER ..... 115
Bảng 48: Kế hoạch đầu tư các dự án nhiệt điện khí ..... 117
Bảng 49: Hiệu quả hoạt động SXKD của PV POWER giai đoạn 2018-2022 ..... 117
Bảng 50: Nhu cầu vốn và cân đối nguồn vốn của PV POWER giai đoạn 2018-2022 ..... 117
Bảng 51: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa ..... 122
Bảng 52: Cơ cấu vốn điều lệ PV POWER sau cổ phần hóa ..... 142
Bảng 53: Lộ trình đấu giá dự kiến ..... 145
Bảng 54: Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động ..... 149
Bảng 55: Lộ trình dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động ..... 149
Bảng 56: Chi phí cổ phần hóa ..... 154
Bảng 57: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa ..... 155
Bảng 58: Lộ trình thực hiện phương án cổ phần hóa ..... 159
Bảng 59: Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản ..... 163

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| AEC | Cộng đồng chung ASEAN |
| ATSKMT | An toàn sức khỏe và Môi trường |
| BDSC | Bảo dưỡng sửa chữa |
| BTU | Đơn vị nhiệt Anh |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| CDM | Xây dựng (Thiết kế và Quản lý) |
| CHLB | Cộng Hòa Liên Bang |
| CNQSDĐ | Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất |
| COFA | Hợp đồng khung về mua bán than dài hạn |
| CPH | Cổ phần hóa |
| CSH | Chủ sở hữu |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| Dầu DO | Distillate oil – Dầu Diesel |
| Dầu FO | Fuel oil - Dầu nhiên liệu |
| Dầu HFO | Heavy fuel oil – Dầu FO nặng |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng Cổ đông |
| ĐLDK | Điện lực Dầu khí |
| DNNN | Doanh nghiệp Nhà Nước |
| DT | Doanh thu |
| EOH | Giờ vận hành tương đương |
| EUR | Euro |
| EVN | Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| IPP | Dự án điện độc lập |
| KHCN | Khoa học – Công nghệ |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| NHNN | Ngân hàng Nhà Nước |
| NHTM | Ngân hàng Thương mại |
| NMĐ | Nhà máy điện |
| O&M | Vận hành và Bảo dưỡng |
| OEM | Original Equipment Manufacturer - Nhà sản xuất thiết bị gốc |

| | |
|---|---|
| PPA | Hợp đồng mua bán điện |
| PPP | Hình thức đối tác công tư |
| PR | Quan hệ công chúng |
| R&D | Research and Development - nghiên cứu phát triển |
| RCEP | Hiệp định Đối tác kinh tế khu vực toàn diện |
| ROA | Lợi nhuận trên tổng tài sản |
| ROE | Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu |
| ROS | Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TBD | Thái Bình Dương |
| TGĐ | Tổng Giám đốc |
| TMCP | Thương mại Cổ phần |
| TMĐT | Tổng mức đầu tư |
| TNHH MTV | Trách nhiệm hữu hạn một thành viên |
| TPP | Hiệp định đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương |
| Tr.đồng | Triệu đồng |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| TTCK | Thị trường Chứng khoán |
| UBND | Ủy Ban Nhân dân |
| UNCTAD | Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển |
| VND | Việt Nam đồng |
| Vốn ĐT | Vốn đầu tư |

# PHẦN 1

# TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

## I. CÁC THÔNG TIN CHÍNH VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

### 1. Thông tin chung về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM POWER CORPORATION
- Tên viết tắt: PV POWER
- Địa chỉ: Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 04 22210 288 Fax: 04 22210 388
- Mã số thuế: 0102276173
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 27tháng 10 năm 2016.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Tổng Công ty là 21.774.301.577.676 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 22.740.605.664.345 đồng theo Báo cáo tài chính riêng (Công ty mẹ) đã kiểm toán.

### 2. Ngành nghề kinh doanh[1]

Ngành nghề kinh doanh của PV POWER bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, cụ thể:
  - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
  - Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện;
  - Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng;
  - Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
  - Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện;
  - Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;
  - Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch;
  - Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)

---

[1] *Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2016.*

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:
  - Bán buôn than các loại;
  - Xuất khẩu, năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện.
- Lắp đặt hệ thống điện: lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:
  - Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP);
  - Xuất khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Đầu tư, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác:
  - Cung cấp giải pháp giảm phát khí thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;
  - Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác: kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê phương tiện vận tải, cẩu, kéo;
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Tổng Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**3. Quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp**

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam là công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 10 năm 2016.

Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như sau**:**

- Ngày 17/05/2007: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 1468/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Tháng 12/2007: Tổng Công ty ra mắt 5 đơn vị thành viên mới, bao gồm Công ty TNHH Một thành viên quản lý Dự án PMC1, PMC2, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí PV POWER Land.
- Tháng 03/2008: Khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na.
- Tháng 12/2008: Ký kết hợp đồng mua bán điện Nhà máy Cà Mau 1&2, Nhà máy Nhơn Trạch 1 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Tháng 06/2009: Khởi công xây dựng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 – nhà máy điện khí có quy mô lớn tại Trung tâm điện lực Nhơn Trạch.
- Tháng 08/2009: Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.
- Tháng 11/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy Phong điện Phú Quý, dự án năng lượng tái tạo đầu tiên của Tổng Công ty.
- Tháng 12/2010: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hòa lưới điện quốc gia.
- Tháng 01/2011: Khởi công Dự án Nhà máy Thủy điện ĐăkĐrinh. Tháng 11/2011 tổ chức khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba.
- Tháng 03/2013: thực hiện thành lập Chi nhánh Tổng Công ty – Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí (PV POWER Coal) trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Chi nhánh – Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí (PV Coal) từ Tập đoàn.
- Tháng 09/2013: Khánh thành và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.
- Năm 2014: Vận hành Thương mại Nhà máy Thủy điện ĐăkĐrinh.
- Tháng 11/2014: thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV POWER Ha Tinh) để tiếp nhận và vận hành an toàn Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 từ Tập đoàn, đồng thời thực hiện giải thể Ban Chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1.
- Tháng 12/2015: Hoàn thành bàn giao Nhà máy Phong điện Phú Quý sang Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (công ty con của EVN).
- Tháng 12/2015: Hoàn thành việc sáp nhập Công ty TNHH 1 TV Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER RE) vào Công ty mẹ với thời điểm sáp nhập là 0h00’ ngày 29/12/2015.
- Tháng 12/2015: Nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1,là nhà máy Nhiệt điện Than đầu tiên của Việt Nam được vận hành với tổng công suất 1.200 MW từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

## 4. Cơ cấu tổ chức và quản lý Tổng Công ty

### *4.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Tổng Công ty*

Theo Quyết định 2092/QĐ-DKVN ngày 05/07/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV POWER, Quyết định số 2015/QĐ-DKVN ngày 19/08/2008, Quyết định số 1991/QĐ-DKVN ngày 13/07/2011, Quyết định số 1993/QĐ-DKVN ngày 02/10/2012 và Quyết định số 895/QĐ-DKVN ngày 04/4/2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, PV POWER là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - công ty con phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xác định GTDN (31/12/2015), Tổng Công ty có cơ cấu như sau:

- Hội đồng thành viên TCT;
- Ban Tổng Giám đốc TCT;
- Kiểm soát viên TCT;
- Các Ban chuyên môn cơ quan Tổng công ty (gồm Văn Phòng và 08 Ban chuyên môn);
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (04 Chi nhánh): Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau, Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh và Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí;
- Các Công ty con (06 Công ty con);
- Các Công ty liên kết & đầu tư tài chính dài hạn (12 Công ty).

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện thành lập thêm Ban Pháp chế &Quan hệ công chúng với mục tiêu tập trung và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp chế cũng như công tác quan hệ công chúng, phát triển thương hiệu của Tổng Công ty.

Đồng thời, trong tháng 4/2016, Tổng Công ty cũng đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD), giảm số lượng đầu tư vào các Công ty liên kết & đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty từ 12 công ty xuống còn 11 công ty.

Ngoài ra,Tổng Công ty cũng đã hoàn thành các thủ tục liên quan để thành lập Chi nhánh Tổng Công ty ĐLDK Việt Nam – Ban Chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí (trên cơ sở Nghị quyết số 40/NQ-DKVN ngày 9/1/2017 của HĐTV Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) trong Quý 1/2017.

Mô hình tổ chức hiện tại của Công ty được nêu chi tiết tại sơ đồ sau:

**Mô hình tổ chức quản lý trước CPH:**

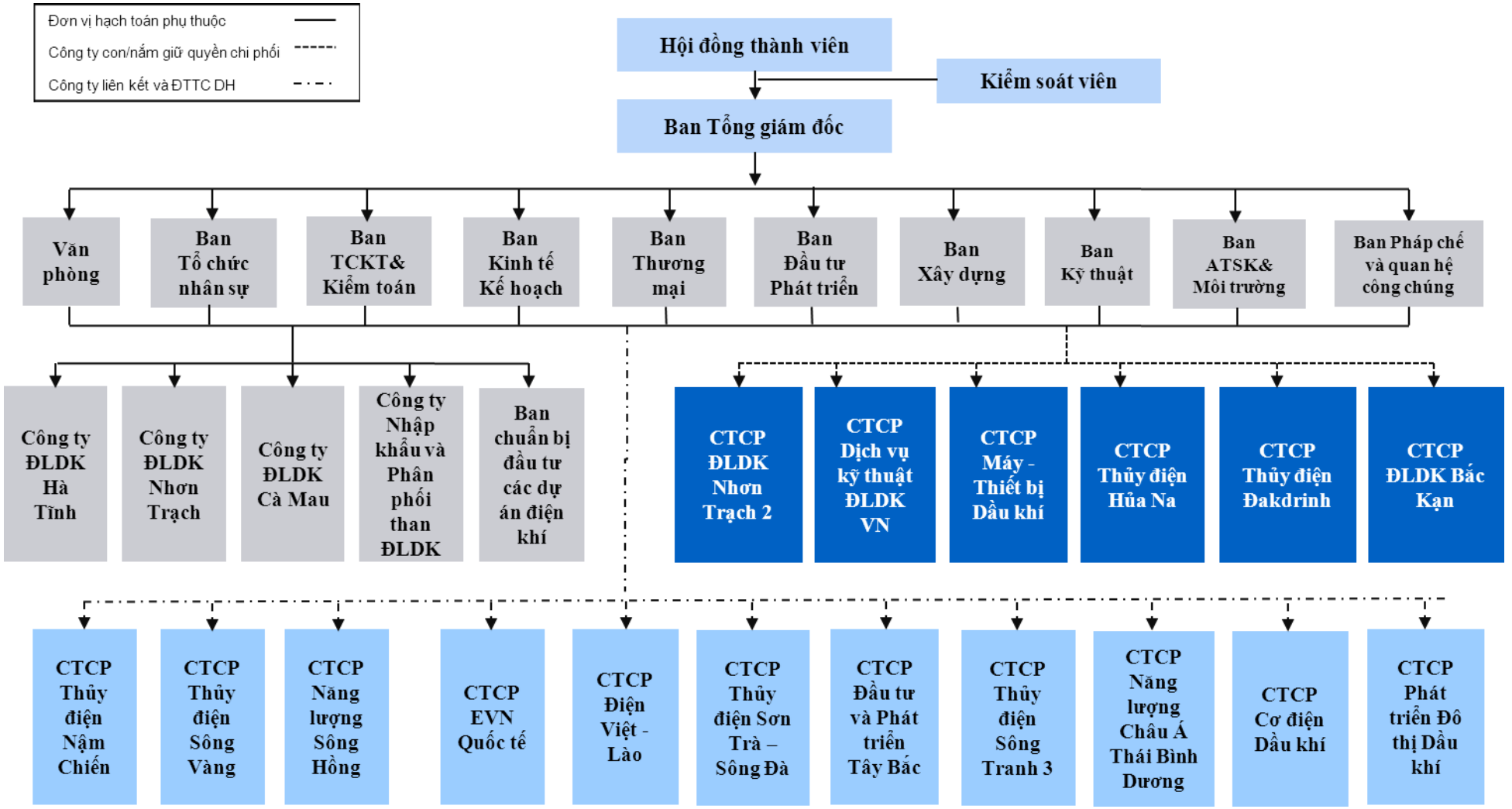

***4.2. Các Ban chức năng và Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty*** *(gọi tắt là các Ban)*

**a) Chức năng chung của các Ban:**

Các Ban chức năng Công ty mẹ - Tổng Công ty đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc Tổng Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ - Tổng Công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

**b) Nhiệm vụ chung của các Ban:**

Trong phạm vi chức năng của mình và theo các quy định về phân cấp trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, các Ban có nhiệm vụ sau:

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Tổng Công ty;
- Xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban;
- Tổ chức xử lý, giải quyết các công việc thuộc nhiệm vụ và theo thẩm quyền của Ban; đề xuất giải pháp thực hiện các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban;
- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Phân tích, tổng hợp, cập nhật thông tin và đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và từng đơn vị theo định kỳ và/hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Tổng Công ty;
- Tham gia phối hợp với các Ban liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

**c) Chức năng cụ thể của các Ban:**

- **Văn phòng:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác Hành chính – quản trị; Thư ký – tổng hợp; Văn thư – lưu trữ; Quản lý công tác an ninh, quốc phòng, bảo mật của cơ quan Tổng Công ty.

- **Ban Tổ chức nhân sự:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác tổ chức, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; công tác cán bộ; thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng; lao động, tiền lương và chế độ chính sách; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; công tác thi đua khen thưởng; công tác an sinh xã hội.

- **Ban tài chính Kế toán và Kiểm toán:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác tài chính, kế toán và kiểm toán của toàn Tổng Công ty.

- **Ban Kinh tế - Kế hoạch:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác kế hoạch, thống kê; công tác lập tổng dự toán cho các kỳ sửa chữa định kỳ của các Nhà máy điện; công tác đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư/chủ quản đầu tư; các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu đầu vào (khí, dầu, than), tiêu thụ tro xỉ; theo dõi tổng hợp, đánh giá báo cáo Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác.

- **Ban Thương mại:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác thương mại (không bao gồm lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, tiêu thụ tro xỉ), thị trường, xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ của Tổng Công ty.

- **Ban Đầu tư phát triển:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác đầu tư, đánh giá giám sát đầu tư phát triển; công tác thoái vốn tạicác đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty.

- **Ban Xây dựng:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác xây dựng của Tổng Công ty.

- **Ban Kỹ thuật:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện; kỹ thuật công nghệ các dự án; nghiên cứu khoa học – công nghệ, thiết bị và công nghệ thông tin của Tổng Công ty.

- **Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác an toàn, sức khỏe, môi trường trong toàn Tổng Công ty; công tác bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy điện và dự án đầu tư của Tổng Công ty.

- **Ban Pháp chế và quan hệ công chúng:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác Pháp chế; Quan hệ công chúng (PR) - Phát triển thương hiệu- Văn hóa doanh nghiệp; công tác Đối ngoại và quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

***4.3. Các đơn vị trực thuộc (tính đến thời điểm hiện tại) bao gồm:***

**Bảng 1: Các đơn vị trực thuộc của PV POWER**

| TT | Đơn vị trực thuộc | Ngày thành lập theo ĐKKD | Ngành nghề | Địa bàn hoạt động |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau | 04/09/2008 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Cà Mau |
| 2 | Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | 11/9/2008 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Đồng Nai |
| 3 | Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh | 14/11/2015 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Hà Tĩnh |
| 4 | Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Nhập khẩu và phân phối Than ĐLDK | 19/3/2013 | Thu xếp,cung ứng, giao nhận than cho các NMĐ | Các nhà máy điện của PVN/ PV POWER |
| 5 | Chi nhánh – Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí | 06/02/2017 | Chuẩn bị đầu tư dự án điện khí | Hà Nội |

**5. Các công ty con, công ty liên kết**

Tại thời điểm công bố Giá trị doanh nghiệp, PV POWER có 06 công ty con, 03 công ty liên kết và góp vốn đầu tư tài chính dài hạn khác vào 08 công ty[2] *(Chi tiết về hoạt động kinh doanh của các công ty con tại Phụ lục số 01).*

Tính đến 31/12/2016, tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của PV POWER đạt 5.735.543 triệu đồng *(chưa trừ khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư)*.

[2]*Tại thời điểm 31/12/2016, khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà ở Dầu khí Miền Nam đã được thoái toàn bộ.*

PV POWER chủ yếu góp vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện (chiếm 95%), 5% vốn đầu tư còn lại cho các đơn vị tư vấn, kỹ thuật điện và một số lĩnh vực khác.

**Bảng 2: Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn của PV POWER tại thời điểm 31/12/2016**

| TT | Loại hình doanh nghiệp | Số lượng đơn vị | Giá trị đầu tư *(triệu đồng)* | Tỷ trọng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty con | 6 | 4.906.023 | 85,54% |
| 2 | Công ty liên kết | 3 | 392.311 | 6,84% |
| 3 | Công ty đầu tư tài chính dài hạn | 8 | 437.209 | 7,62% |
| | Tổng cộng | 17 | 5.735.543 | 100% |

Các đơn vị thành viên sản xuất điện do PV POWER giữ cổ phần chi phối đều giữ được nhịp độ sản xuất kinh doanh và hoàn thànhtốt các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đề ra. Hầu hết các đơn vị sản xuất điện đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện.Trong năm 2016, Lợi nhuận được chia từ các công ty con là 575,34 tỷ đồng, đạt 11,7% trên giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty.

Tuy nhiên, lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết và các công ty đầu tư tài chính dài hạn chưa cao. Chủ yếu là do các công ty mới bước vào giai đoạn sản xuất kinh doanh nên hoạt động chưa có hiệu quả (kết quả sản xuất kinh doanh lỗ).

Do đó, mục tiêu của PV POWER trong giai đoạn tới là thực hiện thành công công tác thoái vốn tại các công ty liên kết & các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**Bảng 3: Danh sách các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của PV POWER tại 31/12/2016**

| TT | Tên doanh nghiệp | Loại hình | Ngày thành lập | Ngành nghề kinh doanh chính | Địa bàn hoạt động | Vốn góp của chủ sở hữu (Tr.đồng) | Vốn chủ sở hữu (Tr.đồng) | Tỷ lệ vốn góp của PV POWER |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Công ty con** | | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | CTCP | 20/06/2007 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Đồng Nai | 2.848.760 | 4.908.434 | 60% |
| 2 | Công ty CP Thủy điện ĐăkĐrink | CTCP | 21/3/2007 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Quảng Ngãi | 1.020.690 | 1.091.073 | 94,83% |
| 3 | Công ty CP Thủy điện Hủa Na | CTCP | 16/5/2007 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Nghệ An | 2.256.592 | 2.236.156 | 84,14% |
| 4 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLDK Việt Nam | CTCP | 27/11/2007 | Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa NMĐ | Các nhà máy điện của PVN/PV POWER | 150.000 | 193.466 | 51% |
| 5 | Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn | CTCP | 16/12/2009 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Bắc Kạn | 85.236 | 72.992 | 95,54% |

| TT | Tên doanh nghiệp | Loại hình | Ngày thành lập | Ngành nghề kinh doanh chính | Địa bàn hoạt động | Vốn góp của chủ sở hữu (Tr.đồng) | Vốn chủ sở hữu (Tr.đồng) | Tỷ lệ vốn góp của PV POWER |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí[3] | CTCP | 01/03/2010 | Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị và phụ tùng thay thế | Trong nước | 386.386 | 452.285 | 51,58% |
| | **Công ty liên kết** | | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến | CTCP | 15/1/2004 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Sơn La | 951.250 | 891.622 | 30,72% |
| 2 | Công ty CP Thủy điện Sông Hồng | CTCP | 4/8/2006 | Khai thác, sản xuất kinh doanh điện | Yên Bái | 74.626 | 71.199 | 44,07% |
| 3 | Công ty CP Thủy điện Sông Vàng | CTCP | 1/12/2004 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Quảng Nam | 148.207 | 54.160 | 31,91% |
| | **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc | CTCP | 16/6/2006 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Sơn La | 362.548 | 57.733 | 9,93% |
| 2 | Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3 | CTCP | 28/4/2008 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Quảng Nam | 345.926 | 343.114 | 8,48% |

[3]Tiền thân của Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí là Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Máy, thành lập năm 1956.

| TT | Tên doanh nghiệp | Loại hình | Ngày thành lập | Ngành nghề kinh doanh chính | Địa bàn hoạt động | Vốn góp của chủ sở hữu (Tr.đồng) | Vốn chủ sở hữu (Tr.đồng) | Tỷ lệ vốn góp của PV POWER |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty CP EVN Quốc tế | CTCP | 25/9/2008 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Lào, Campuchia | 366.771 | 374.566 | 7,85% |
| 4 | Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí | CTCP | 25/01/2008 | Tư vấn, thiết kế, xây dựng đô thị | Các dự án trong và ngoài ngành | 280.689 | 254,6 | 6,48% |
| 5 | Công ty CP Cơ điện Dầu khí | CTCP | 11/8/2009 | Thi công xây dựng các công trình điện | Các dự án trong và ngoài ngành | 10.000 | 8.031 | 13,51% |
| 6 | Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương | CTCP | 7/7/2010 | Đầu tư, xây dựng và vận hành NMNĐ; kinh doanh điện | Các dự án trong và ngoài ngành | 11.000 | 10.049 | 5% |
| 7 | Công ty CP Điện Việt Lào | CTCP | 11/7/2003 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Lào | 2.181.534 | 3.022.050 | 14,12% |
| 8 | Công ty CP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà | CTCP | 24/4/2007 | Sản xuất kinh doanh điện năng | Quảng Ngãi | | | |

**6. Thông tin các Nhà máy điện đang vận hành** *(trực thuộc PV POWER và công ty con)*

***6.1. Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2:***

- Địa điểm: tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Đơn vị quản lý: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực dầu khí Cà Mau.
- Công nghệ: nhiệt điện khí chu trình hỗn hợp sử dụng công nghệ mới, hiện đại hàng đầu thế giới do Tập đoàn Siemens CHLB Đức sản xuất. Mỗi nhà máy có cấu hình 2-2-1, (2 tua bin khí thế hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang, tuần hoàn tự nhiên, 3 cấp áp lực có tái sấy, 1 tuabin hơi).
- Nhiên liệu chính cung cấp cho nhà máy là khí thiên nhiên lấy từ hệ thống khí PM3 – CAA và Lô 46 Cái Nước với mức tiêu thụ khoảng 6 triệu m3/ngày và nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
- Tổng công suất: 1.500 MW (750 MW x 2).
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 20 năm (kể từ khi đi vào vận hành thương mại).
- Nhà máy Điện Cà Mau 1 chính thức phát điện lên lưới Quốc gia ngày 04/04/2007, vận hành thương mại tháng 3/2008.
- Nhà máy Điện Cà Mau 2 chính thức phát điện lên lưới Quốc gia vào tháng 08/2008, vận hành thương mại tháng 12/2008.
- Ưu đãi thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được miễn trong thời gian 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm thứ 3 PV POWER áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

***6.2. Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1:***

- Địa điểm: tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị quản lý: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Công nghệ: sử dụng nhiên liệu chính là khí tự nhiên, nguồn khí cung cấp từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn, nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Nhà máy có cấu hình 2-2-1 (2 Turbine khí - 2 lò thu hồi nhiệt - 1 Turbine hơi), đấu nối với 4 đường xuất tuyến 220KV: đi Phú Mỹ mạch 1&2, đi Cai Lậy và đi Mỹ Tho mạch 2.
- Công suất: 450 MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại hoặc ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.
- Các tổ máy GT11, GT12, ST18 và chu trình hỗn hợp lần lượt hòa lưới điện quốc gia vào tháng 05/2008, 07/2008, 04/2009 và 08/2009.

- Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chính thức vận hành thương mại chu trình đơn vào ngày 30/6/2008 và chính thức đi vào vận hành chu trình hỗn hợp vào ngày 22/8/2009.
- Ưu đãi thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được hưởng lãi suất ưu đãi bằng 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi dự án hoạt động và theo quy định của nhà nước trong những năm tiếp theo nhưng không quá 28%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm cuối cùng PV POWER được áp dụng ưu đãi miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

***6.3. Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2:***

- Địa điểm: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Công nghệ: Là nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng công nghệ tuabin khí thế hệ F, có hiệu suất cao và rất thân thiện với môi trường. Nhà máy có cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tuabin khí thế hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang tuần hoàn tự nhiên ba cấp áp lực có tái sấy và 1 tuabin hơi ba cấp áp lực phù hợp với công nghệ thiết kế của lò thu hồi nhiệt.
- Toàn bộ nhà máy được vận hành tự động trên hệ thống điều khiển SPPA-T3000, đây là hệ thống điều khiển tiên tiến nhất của Tập đoàn Siemens – Đức. Tính đến thời điểm hiện tại, trong số các nhà máy điện tương tự tại Việt Nam chỉ duy nhất nhà máy điện Nhơn Trạch 2 áp dụng công nghệ tiên tiến này.
- Nhiên liệu chính để vận hành nhà máy là khí thiên nhiên (khoảng 3 triệu m3/ngày đêm) và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Trong quá trình vận hành nếu có sự cố về việc cung cấp nhiên liệu khí thì nhà máy sẽ tự động chuyển sang vận hành bằng nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
- Tổng công suất: 750 MW.
- Hàng năm nhà máy cung cấp cho lưới điện quốc gia sản lượng điện trung bình khoảng 5 tỷ kWh thông qua sân phân phối 220 kV, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ nơi có phụ tải cao nhất cả nước.
- Thông tin về PPA: đã ký hợp đồng mua bán điện chính thức với công ty mua bán điện EPTC thời hạn 10 năm.
- Vận hành thương mại: tháng 10/2011.
- Ưu đãi thuế: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Từ năm 2011 – 2014, Nhơn Trạch 2 được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp và Công ty sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo

***6.4. Nhà máy thủy điện Nậm Cắt:***

- Địa điểm: Xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn.
- Công suất: 3,2MW. Hàng năm cung cấp lên hệ thống điện quốc gia khoảng 13 triệu kWh, giải quyết tới 1/3 nhu cầu tiêu thụ điện và đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng công nghiệp của tỉnh Bắc Kạn.
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực miền Bắc thời hạn 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.
- Dự án được khởi công vào tháng 4/2007, đã đi vào vận hành, hoàn thành công tác hòa lưới điện quốc gia ngày 17/4/2012 và đã tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 10/5/2012.
- Ưu đãi thuế: Nậm Cắt đang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% năm, hiện không còn được hưởng ưu đãi thuế.

***6.5. Nhà máy thủy điện Hủa Na:***

- Địa điểm: Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Thuỷ điện Hủa Na.
- Tổng công suất: 180MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại (năm 2013), trong đó quy định giá bán bình quân cho cả đời dự án. Tuy nhiên, Hủa Na hiện đang đàm phán lại giá điện theo vốn đầu tư quyết toán.
- Tuy nhiên, Hủa Na hiện đang đàm phán lại giá điện theo vốn đầu tư quyết toán/2013 với sản lượng điện bình quân hàng năm theo F/S dự kiến đạt khoảng 716,6 triệu kWh.
- Ưu đãi thuế: Dự án nằm trong quy hoạch điện quốc gia (Quy hoạch Điện VII), hưởng cơ chế 797/400. Theo luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, sửa đổi bổ sung số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, trong đó miễn thuế 04 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2013) và giảm 50% thuế suất trong 09 năm tiếp theo (từ 2017).

***6.6. Nhà máy thủy điện Đakđrinh:***

- Địa điểm: Xã Sơn Tân – huyện Sơn Tây- tỉnh Quảng Ngãi. Đây là dự án điện có công suất lớn nhất trong quy hoạch bậc thang thủy điện lưu vực sông Trà Khúc.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần thủy điện Đakđrinh.
- Tổng công suất lắp máy: 125MW.
- Nhà máy được thiết kế với 2 tổ máy và trạm phân phối 110kV, có nhiệm vụ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng hàng năm dự kiến 540,9 triệu kWh, đồng thời làm tăng lưu lượng cấp nước về mùa khô cho vùng hạ du và cắt lũ cho hạ lưu về mùa lũ, đặc biệt sẽ tạo nguồn nước ngọt phục vụ cho khu kinh tế Dung Quất.

- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại chính thức. Hợp đồng có hiệu lực từ 01/5/2014.
- Vận hành thương mại chính thức: tháng 6/2014.
- Ưu đãi thuế: Đakđrinh đang được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% năm, hiện đang được hưởng ưu đãi thuế như sau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm đầu kể từ năm 2014 đến hết năm 2017; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2018 đến hết năm 2026 (mức thuế phải đóng 10%/năm); sau năm 2016 thì đóng 100% thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20%/năm.
- Ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất, khấu trừ tiền thuê đất vào Chi phí Đền bù Giải phóng mặt bằng mà Công ty đã bỏ ra để đầu tư dự án.

***6.7. Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1***

- Địa điểm: Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
- Công nghệ: Sử dụng công nghệ đốt than phun trực tiếp tiên tiến, hiệu suất cao, đáp ứng tốt yêu cầu về bảo vệ môi trường, hàng năm khi đi vào vận hành nhà máy sẽ cung cấp cho hệ thống khoảng 7,2 tỷ kWh, góp phần đáp ứng nhu cầu của phụ tải của khu vực nói chung và hệ thống điện quốc gia nói riêng. Đây là một trong những nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất tại Việt Nam và là một trong số ít các dự án nhiệt điện than đã đạt mức nội địa hóa đạt khoảng 30% đối với thiết kế, chế tạo, vật tư thiết bị trong nước, trong đó có gói thầu có tỷ lệ nội địa hóa lên đến 55% do các đơn vị trong nước sản xuất. Than cho nhà máy là than nội địa và than cám 5 với lượng tiêu thụ dự kiến 2,9 triệu tấn/năm.
- Doanh thu hàng năm của nhà máy dự kiến khoảng từ 7.000 – 8.000 tỷ đồng, góp phần vào tổng doanh thu của Tập đoàn và ngân sách. Nguồn vốn đầu tư gồm vốn chủ sở hữu của PVN và vốn vay có tỷ lệ 30/70.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện với EVN thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại.
- Tổ máy số 1 đi vào vận hành thương mại từ 31/12/2014 và tổ máy số 2 từ ngày 12/5/2015, đến nay đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia trên 7,5 tỷ kWh. Đến tháng 3/2017, sản lượng điện thương mại đạt hơn 7,577 tỷ kWh điện thương phẩm, tiêu thụ gần 3,387 triệu tấn than, 650 tấn dầu DO, 13.356 tấn dầu HFO.
- Ưu đãi thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, được miễn thuế 4 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế suất trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang còn lỗ lũy kế, chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

## 7. Bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp:

### *7.1. Bộ máy quản lý điều hành*

Cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành của PV POWER gồm có:

***Hội đồng thành viên:*** Hội đồng thành viên (HĐTV) là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV POWER; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại PV POWER, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của PV POWER tại các doanh nghiệp khác.

***Tổng Giám đốc:*** Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của PV POWER theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, phù hợp với Điều lệ của PV POWER và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

***Kiểm soát viên:*** Chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của HĐTV, Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và trong quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

***Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:*** PV POWER có 05 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc đề nghị, được Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương và các lợi ích khác.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành PV POWER theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán và thiết lập bộ máy kế toán của PV POWER; đề xuất các giải pháp tài chính nhằm bảo đảm nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển PV POWER; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại PV POWER theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

***Bộ máy giúp việc:*** Bộ máy giúp việc gồm Văn phòng, các Ban chuyên môn nghiệp vụ của PV POWER, có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

### *7.2. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc*

*7.2.1. Hội đồng Thành viên*

- Ông Hồ Công Kỳ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Quý: Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Hà Đức Thu: Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Vũ Huy An: Thành viên Hội đồng thành viên

*7.2.2. Ban Tổng Giám đốc& Kế toán trưởng*

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Văn Nghiệp: Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Phạm Xuân Trường: Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích: Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Duy Giang: Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Tưởng: Phó Tổng Giám đốc
- Bà Hà Thị Minh Nguyệt: Kế toán trưởng

*7.2.3. Kiểm soát viên*

- ÔngVũ Quốc Hải: Kiểm soát viên phụ trách
- Bà Vũ Thị Ngọc Dung: Kiểm soát viên
- Bà Lý Thị Thu Hương: Kiểm soát viên

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA (2013-2016)

### 1. Lĩnh vực kinh doanh

Tính đến thời điểm hiện tại, PV POWER hoạt động trong các mảng kinh doanh bao gồm: sản xuất và kinh doanh điện; nhập khẩu, kinh doanh và phân phối than; sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng đồng thời cung cấp vật tư, thiết bị thay thế cho các NMĐ. Tuy nhiên, phần lớn doanh thu vẫn đến từ mảng sản xuất và kinh doanh điện, các mảng kinh doanh còn lại mang tính chất bổ trợ cho hoạt động chính của Tổng Công ty, có tỷ trọng doanh thu thấp so với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.

#### *1.1. Sản xuất và kinh doanh điện*

*1.1.1. Về sản xuất điện:*

Trọng tâm phát triển của PV POWER là các nhà máy điện khí. Tính đến nay, PV POWER đã đầu tư và đưa vào vận hành 3 dự án điện khí là Cà Mau 1 & 2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 với tổng công suất lên đến 2.700 MW. Các nhà máy điện này được đặt tại các tỉnh miền Nam, địa bàn có nhu cầu điện rất lớn và thường xuyên trong tình trạng thiếu điện, do đó đã phần nào đảm bảo nguồn điện cho khu vực. Ngoài các dự án điện khí, PV POWER cũng thực hiện đầu tư vào một số dự án thủy điện như Hủa Na tại tỉnh Nghệ An với công suất lắp đặt 180 MW, đã được đưa vào vận hành trong năm 2013, thủy điện ĐakĐrinh tại Quảng Ngãi với công suất lắp đặt 125 MW, thủy điện Nậm Cắt tại Bắc Kạn với công suất 3,2 MW. PV POWER cũng từng đầu tư vào 1 dự án điện gió là dự án điện gió Phú Quý tại Bình Thuận với công suất 6,3 MW nhưng sau đó đã bàn giao lại cho EVN[4]. Cuối năm 2015, PV POWER nhận bàn giao nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1 từ PVN và chính thức ghi nhận doanh thu mảng điện than trong năm 2016.

Với chiến lược phát triển dựa vào các nhà máy nhiệt điện, trong thời gian tới PV POWER sẽ thoái vốn khỏi các nhà máy thủy điện Hủa Na, ĐakĐrinh và Bắc Kạn tập trung phát triển các dự án điện khí mới.

- **Công suất lắp đặt:**

Tính đến 31/03/2017, tổng công suất lắp đặt của các nhà máy thuộc PV POWER đạt 4.208,2 MW, cụ thể:

[4]*Thực hiện phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 145/TTg-KTN ngày 27/01/2014, PVPOWER đã hoàn thành việc bàn giao các tài sản* ***liên quan đến vận hành nhà máy Phong điện Phú Quý cho Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (công ty con của Tập đoàn*** *Điện lực Việt Nam) theo Biên bản chuyển giao Nhà máy Phong điện Phú Quý từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 21/12/2015.*

**Bảng 4: Các nhà máy điện của PV POWER**

| TT | Tên Nhà máy | Công suất lắp đặt | Vận hành | Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhiệt điện Cà Mau 1 | 750 MW | 03/2008 | Không tham gia |
| 2 | Nhiệt điện Cà Mau 2 | 750 MW | 12/2008 | Không tham gia |
| 3 | Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 | 450 MW | Tổ máy GT11: 05/2008<br>Tổ máy GT12: 07/2008<br>Tổ máy ST18: 04/2009<br>Chu trình hỗn hợp: 08/2009 | 01/07/2012 |
| 4 | Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 | 750 MW | Tổ máy GT11: 21/2/2011<br>Tổ máy GT12: 07/3/2011<br>Chu trình hỗn hợp: 16/10/2011 | 01/07/2012 |
| 5 | Thủy điện Nậm Cắt | 3,2 MW | 2013 | Không tham gia |
| 6 | Thủy điện Hủa Na | 180 MW | 2013 | 2013 |
| 7 | Thủy điện Đakđrinh | 125 MW | 2014 | 2015 |
| 8 | Nhiệt điện Vũng Áng 1 | 1.200 MW | 2015 | 2016 |

- **Sản lượng điện:**
  - Trong giai đoạn từ 2013-2016, tổng sản lượng điện của PV POWER 70,89 tỷ kWh.
  - Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trong giai đoạn này đạt 9,1%/năm.

**Bảng 5: Sản lượng điện sản xuất năm 2013-2016**

*Đơn vị: triệu kWh*

| Nhà máy | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Cà Mau 1&2 | 8.052 | 7.446 | 7.900 | 8.127 |
| Nhơn Trạch 1 | 2.774 | 2.789 | 3.314 | 3.562 |
| Nhơn Trạch 2 | 4.670 | 4.764 | 5.350 | 5.222 |
| Nậm Cắt | 9 | 16 | 15 | 15 |
| Hủa Na | 643 | 690 | 450 | 558 |
| Đarkđrinh | - | 354 | 525 | 464 |
| Vũng Áng 1 | | | | 3.184 |

*1.1.2. Việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh:*

Thị trường phát điện cạnh tranh bắt đầu chính thức vận hành từ tháng 7/2012. PV POWER có 2 nhà máy điện (Nhơn Trạch 1&2) tham gia thị trường ngay từ những ngày đầu vận hành. Sau đó, 2 nhà máy khác cũng tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh là Thủy điện Hủa Na (2013) và Thủy điện ĐakĐrinh (2015). Sau hơn 4 năm tham gia thị trường, PV POWER nói chung và các nhà máy điện thuộc PV POWER nói riêng đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, đạt được các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đề ra, luôn có lợi nhuận khi tham gia thị trường *(ngoại trừ cho giai đoạn đại tu NMĐ Nhơn Trạch 1 do không có công suất để bù đắp chi phí cố định trong thời gian dừng máy)*.

Để tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, PV POWER phải luôn nỗ lực tìm ra các phương án chào giá, phương án vận hành theo tiêu chí tối ưu hóa lợi nhuận nhưng vẫn phải đảm bảo các công tác liên quan tới kỹ thuật, hạn chế tối đa ảnh hưởng lên các tổ máy do thay đổi công suất *(đối với nhà máy nhiệt điện khí)* và sử dụng tối ưu nguồn năng lượng sơ cấp có hạn *(đối với các nhà máy thủy điện)*. Qua đó, việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đã góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV POWER.

***1.2. Dịch vụ kỹ thuật điện***

Cùng với công tác sản xuất điện năng, việc phát triển dịch vụ kỹ thuật điện là một trong những mục tiêu quan trọng trong kế hoạch kinh doanh của PV POWER. Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER Services - PVPS) được thành lập theo định hướng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và PV POWER nhằm từng bước làm chủ khoa học công nghệ, vận hành hiệu quả các thiết bị máy móc hiện đại, từng bước thay thế nhà thầu nước ngoài và chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên, bảo trì, trung/đại tu…cho các nhà máy điện tại PV POWER.

PV POWER Services đã thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện của PV POWER với mục tiêu phát huy nội lực và từng bước nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề; chủ động trong công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, xây dựng lộ trình giảm thiểu chi phí bảo dưỡng nhà thầu phụ OEM, đảm bảo hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí ở mức tối đa. Đến nay, đã thực hiện thành công công tác Trung tu/Đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, Trung tu Nhà máy điện Cà Mau 2, Trung tu/Đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Trung tu mở rộng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (hoàn thành vượt tiến độ), Trung tu Nhà máy điện Hủa Na. Thành công của công tác Trung tu/Đại tu đánh dấu một mốc quan trọng trong sự phát triển dịch vụ kỹ thuật điện, chứng minh năng lực cán bộ của PV POWER Services đáp ứng yêu cầu sửa chữa bảo dưỡngnhà máy điện và sẵn sàng tiếp nhận thêm công việc dần dần thay thế chuyên gia, giảm chi phí thực hiện công việc.

Doanh thu từ dịch vụ kỹ thuật điện ước khoảng 7.700 tỷ đồng, chiếm 5% doanh thu toàn Tổng Công ty (giai đoạn 2011-2016). Tuy nhiên, phần lớn doanh thu vẫn do các nhà thầu phụ (các nhà sản xuất thiết bị gốc) cung cấp do giá trị hợp đồng chủ yếu vẫn nằm ở phần trang thiết bị cần thay thế. Trong giai đoạn 2012 – 2015, doanh thu phần việc do PV POWER Services trực tiếp thực hiện ước đạt 725 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng doanh thu của PV POWER Services. Năm 2016, doanh thu của PV POWER Services đạt 1.257 tỷ đồng.

Mục tiêu gia tăng tỷ lệ nội địa hóa dịch vụ kỹ thuật điện của PV POWER còn gặp khó khăn do công tác đàm phán với nhà thầu phụ về việc chuyển đổi hình thức hợp đồng, đồng thời công tác đào tạo chuyên sâu cũng gặp khó khăn do nhà chế tạo thiết bị gốc được lắp đặt chỉ tổ chức đào tạo cho nhân sự của họ mà không tổ chức cho khách hàng và hơn nữa là các trang thiết bị đều có hàm lượng công nghệ cao, không dễ dàng để chế tạo tại Việt Nam.

***1.3. Dịch vụ cung ứng than***

Thực hiện nội dung Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013, theo đó PV POWER đã thành lập đơn vị cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Chi nhánh PV POWER - Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí (PV Coal) được thành lập tại Quyết định số 86/QĐ/HĐTV-ĐLDK ngày 19/03/2013 của Hội đồng thành viên PV POWER trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng vốn, tài sản, nhân sự và kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ các hợp đồng của Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí - Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PV Coal). PV Coal có nhiệm vụ xuyên suốt là đảm bảo nguồn than (trong nước, nhập khẩu) ổn định phục vụ vận hành cho các nhà máy điện than thuộc PVN và PV POWER.

Đến hết năm 2015, PV Coal đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ:

- Hoàn thành việc nghiên cứu xây dựng Đề án nhập khẩu than;
- Đề xuất các cơ chế, quy chế quản lý để chuẩn bị cho công tác cung cấp than nhập khẩu cho các dự án nhiệt điện của PVN và PV POWER;
- Tìm kiếm nguồn than từ Úc, Indonesia, Nga… và ký kết các Hợp đồng khung về mua bán than dài hạn (COFA/MOU) cho các dự án điện.
- Đàm phán Hợp đồng mua bán than với Vinacomin cấp than cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; Triển khai các công tác tiếp nhận than an toàn hiệu quả với khối lượng giao nhận cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 gần 2 triệu tấn than; Thực hiện công tác giám sát giao nhận than cho nhà máy; Đàm phán Hợp đồng cấp than cho giai đoạn vận hành thương mại Nhà máy Vũng Áng 1.
- Đã chủ trì đàm phán và đạt được thỏa thuận với Vinacomin về vấn đề nguồn than cung cấp cho Nhà máy điện Thái Bình 2 để làm cơ sở công tác chuẩn bị đầu tư (thiết kế), chạy thử

và 05 năm tiếp theo của giai đoạn vận hành thương mại; Tham gia góp ý với Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 trong công tác khảo sát và nghiên cứu phương án vận chuyển than cho Nhà máy điện.

## 2. Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất Tổng Công ty[5]

### *2.1. Kết quả kinh doanh Hợp nhất Tổng Công ty*

**Bảng 6: Kết quả kinh doanh hợp nhất của PV POWER**

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Tổng doanh thu** | **23.380.660** | **24.356.534** | **23.231.210** | **28.211.770** |
| | *Doanh thu bán điện* | *23.321.436* | *24.107.269* | *21.824.558* | *27.209.025* |
| | *Doanh thu cung cấp dịch vụ* | *59.223* | *33.589* | *607.753* | *155.395* |
| | *Doanh thu bán hàng hóa* | - | *212.137* | *768.847* | *666.301* |
| | *Doanh thu hợp đồng xây lắp* | - | *3.539* | *16.186* | *181.050* |
| | *Doanh thu bán bất động sản* | - | - | *13.866* | |
| **2** | **Lợi nhuận gộp** | **2.739.024** | **3.737.682** | **5.228.164** | **3.782.560** |
| | *Bán điện* | *2.681.465* | *3.727.908* | *5.061.270* | *3.637.646* |
| | *Cung cấp dịch vụ* | *57.624* | *5.181* | *156.824* | *109.394* |
| | *Bán hàng hóa* | - | *4.317* | *8.517* | *12.366* |
| | *Xây lắp* | - | *276* | *1.005* | *23.154* |
| | *Bất động sản* | - | - | *548* | |
| 3 | Doanh thu tài chính | 257.172 | 1.063.833 | 522.636 | 458.804 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 2.795 | 52.661 | 6.291 | -6.104 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 672.274 | 2.912.736 | 3.003.374(*) | 1.695.642 |
| **6** | **Lợi nhuận sau thuế** | **584.274** | **2.761.437** | **2.560.342(*)** | **1.517.444** |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của PV POWER*

*Ghi chú (*): Lợi nhuận trước thuế năm 2015 theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của PV POWER là gần 1.816 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, PV POWER thực hiện cập nhật các điều chỉnh theo Biên bản thanh tra ngày 04/05/2016 do Đoàn thanh tra Bộ Tài chính thực hiện. Do đó, lợi nhuận trước thuế của PV POWER được điều chỉnh tăng khoảng*

[5]Số liệu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2015 của Tổng công ty được trình bày trong Phương án này là số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra ngày 04/05/2016 do Đoàn thanh tra Bộ Tài chính thực hiện theo Quyết định số 447/QĐ-BTC ngày 08/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thanh tra tài chính tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

*1.187 tỷ đồng, đạt hơn 3.0003 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo báo cáo kiểm toán là hơn 1.386 tỷ đồng, sẽ được điều chỉnh tương ứng tăng khoảng 1.174 tỷ đồng, đạt 2.560 tỷ đồng.*

**Biểu đồ: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất PV POWER (tỷ đồng)**

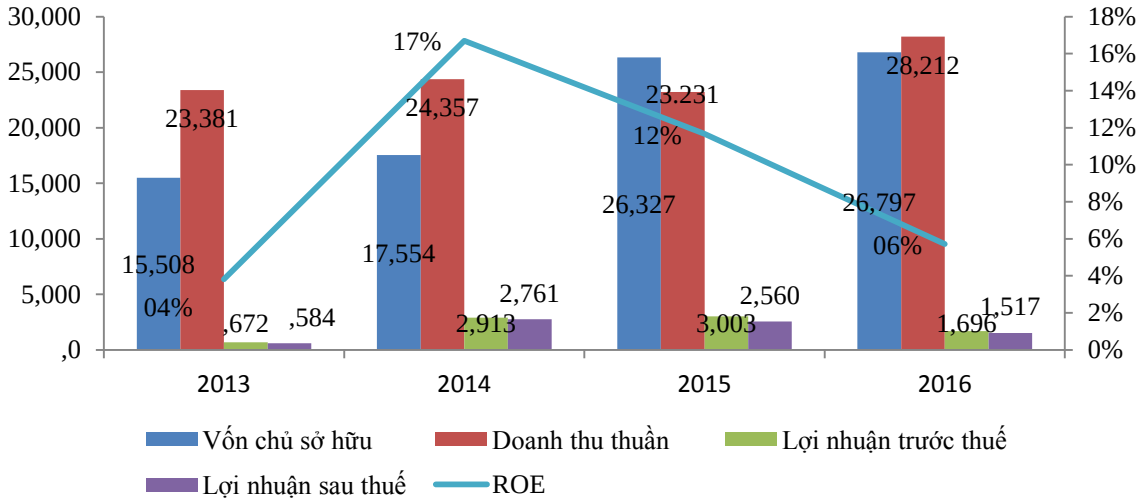


**Doanh thu:**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của PV POWER là sản xuất và kinh doanh điện. Năm 2013, tỷ trọng doanh thu bán điện đạt 99,7% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. Cuối năm 2014, Tổng Công ty có thêm một công ty con hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và trong năm 2015, Công ty mẹ thực hiện hợp đồng quản lý vận hành thuê nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 cho PVN dẫn đến tỷ trọng doanh thu bán điện trong doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm xuống (đạt 99% năm 2014 và 94% năm 2015). Đến hết năm 2016, tỷ trọng sản xuất kinh doanh điện tăng nhẹ từ 94% lên 96% chủ yếu do không còn doanh thu vận hành thuê nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Năm 2016, PV POWER bắt đầu ghi nhận doanh thu bán điện từ Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng nên doanh thu tăng mạnh hơn 4.980 tỷ đồng.

**Bảng 7: Cơ cấu doanh thu hợp nhất theo hoạt động PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu bán điện/ Tổng DT | 99,75% | 98,98% | 93,94% | 96,45% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ/ Tổng DT | 0,25% | 0,14% | 2,62% | 0,55% |
| Doanh thu bán hàng hóa/ Tổng DT | 0,00% | 0,87% | 3,31% | 2,36% |
| Doanh thu hợp đồng xây lắp/ Tổng DT | - | 0,01% | 0,07% | 0,64% |
| Doanh thu bán bất động sản/ Tổng DT | - | - | 0,06% | |

PV POWER có đặc điểm là lượng điện sản xuất chủ yếu đến từ nhiệt điện, chỉ một phần nhỏ đến từ thủy điện. Sản lượng điện sản xuất hàng năm phần lớn vẫn được bán cho Tập đoàn Điện lực

Việt Nam theo hợp đồng mua bán điện. Giá bán điện phụ thuộc tương đối nhiều vào chi phí nhiên liệu đầu vào (nhiên liệu khí đối với các nhà máy nhiệt điện khí và nhiên liệu than đối với các nhà máy nhiệt điện than). Doanh thu từ bán điện của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn bởi hai yếu tố là sản lượng điện bán và giá nhiên liệu.

Doanh thu bán điện của PV POWER năm 2013 đạt 23.321 tỷ đồng, năm 2014 đạt 24.107 tỷ đồng, năm 2015 đạt 21.824 tỷ đồng và trong năm 2016 đạt 27.209 tỷ đồng tương đương 124 % doanh thu năm 2016. Phần lớn doanh thu bán điện của PV POWER đến từ 5 nhà máy điện là Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng. Do Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1, Vũng Áng là chi nhánh trực thuộc của Công ty mẹ PV POWER nên xét trong cơ cấu tổng doanh thu hợp nhất, đóng góp của Công ty mẹ vẫn chiếm đa số.

**Bảng 8: Cấu phần Doanh thu Hợp nhất PV POWER**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu TCT, *trong đó:* | 23.381 | 24.357 | 23.231 | 28.212 |
| *Doanh thu của Công ty mẹ* | *16.861* | *16.117* | *14.601* | *18.248* |
| *Doanh thu các Công ty con* | *6.520* | *8.240* | *8.630* | *9.964* |
| *Doanh thu CTCP Nhơn Trạch 2* | *5.881* | *7.065* | *6.729* | *7.983* |
| DT Công ty mẹ/DT hợp nhất TCT | 72,11% | 66,17% | 62,85% | 64,68% |
| DT các Công ty con/DT hợp nhất TCT | 27,89% | 33,83% | 37,15% | 35,32% |
| DT Nhơn Trạch 2 /DT hợp nhất TCT | 25,15% | 29,01% | 28,97% | 28,30% |

Năm 2014, sản lượng điện của PV POWER giảm nhẹ mặc dù Nhà máy thủy điện ĐakĐrinh bắt đầu đi vào hoạt động và đóng góp thêm 354 triệu kWh do Nhà máy điện Cà Mau 1&2 thực hiện đại tu, đồng thời nguồn khí đốt bị gián đoạn nên sụt giảm công suất. Mặc dù vậy, doanh thu bán điện trong năm vẫn tăng nhẹ nhờ vào việc doanh thu của Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tăng mạnh (Nhơn Trạch 2 tăng thêm 1.200 tỷ đồng, Nhơn Trạch 1 tăng thêm 400 tỷ đồng). Việc tăng doanh thu của Nhơn Trạch 2 một phần do được hồi tố doanh thu cho các giai đoạn trước với số tiền 650 tỷ đồng.

Năm 2015 lại chứng kiến xu hướng ngược lại. Mặc dù sản lượng điện tăng mạnh lên trên 17,6 tỷ kWh, tức tăng gần 10% so với 2014 nhưng doanh thu bán điện lại giảm trên 2.000 tỷ đồng. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do trong năm 2015, giá dầu giảm mạnh khiến cho giá khí thiên nhiên bán cho các nhà máy điện Cà Mau 1, Cà Mau 2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 làm nguyên liệu đầu vào đều giảm, giá bán điện của các nhà máy do đó cũng giảm theo, trong đó giảm mạnh

nhất là Cà Mau 1&2 từ 1.631 VND/kWh xuống chỉ còn 1.141 VND/kWh. Ngoài việc giá bán điện giảm, trong năm 2015, Nhơn Trạch 2 cũng ghi giảm khoản doanh thu do hồi tố giá khí với EVN/EPTC số tiền 317 tỷ đồng nên doanh thu bị giảm tương ứng. Năm 2015, Công ty mẹ ghi nhận khoản doanh thu hồi tố1.044 tỷ đồng của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

**Lợi nhuận gộp:**

Mảng sản xuất và kinh doanh điện đóng góp phần lớn cho doanh thu của Tổng Công ty và cũng là nguồn lợi nhuận gộp chủ yếu. Trong giai đoạn từ 2013-2016, lợi nhuận gộp của Tổng Công ty tăng mạnh từ 2.739 tỷ đồng năm 2013 lên thành 3.738 tỷ đồng năm 2014, đạt 5.228 tỷ đồng năm 2015 và 3.782,5 tỷ đồng trong năm 2016.

Trong năm 2014, lợi nhuận gộp của PV POWER cao hơn năm 2013 gần 1.000 tỷ đồng, nguyên nhân một phần từ lợi nhuận gộp của Nhơn Trạch 2 tăng mạnh, do việc Nhơn Trạch 2 được hồi tố khoản doanh thu 650 tỷ đồng trong khi không có chi phí gia tăng tương ứng đồng thời chi phí khấu hao máy móc thiết bị giảm 140 tỷ đồng (do giãn thời gian khấu hao máy móc thiết bị từ 10 năm lên thành 14 năm) nhưng giá điện vẫn tính theo hợp đồng PPA nên khấu hao giảm nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu.

So với năm 2014, đến năm 2015, lợi nhuận gộp của Tổng Công ty vẫn tiếp tục tăng mạnh nhờ đóng góp của các đơn vị thành viên. Đáng chú ý trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty, việc tăng lợi nhuận gộp chủ yếu là phần đóng góp của Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2. Đây là năm mà Nhơn Trạch 2 đạt sản lượng điện kỉ lục xấp xỉ 5,5 tỷ kWh, đồng thời các yếu tố tích cực về tình hình thời tiết, giá khí nhiên liệu giúp cho Nhơn Trạch 2 tăng sản lượng phát điện cạnh tranh. Do vậy, lợi nhuận gộp của Nhơn Trạch 2 giảm không nhiều so với năm 2014 (năm 2014 đạt 1.652 tỷ đồng; năm 2015 đạt 1.642 tỷ đồng), không làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Tổng Công ty năm 2015. Trong khi đó, Nhơn Trạch 1 được hồi tố hơn 1.044 tỷ đồng và ghi nhận tăng doanh thu khoản này, phần doanh thu gia tăng này đóng góp trực tiếp vào lợi nhuận gộp của toàn Tổng Công ty.

Lợi nhuận gộp năm 2016 giảm do Nhà máy điện Vũng Áng trong giai đoạn đầu vận hành còn chưa ổn định dẫn đến lỗ trong năm 2016 hơn 800 tỷ, đồng thời năm 2016 PV POWER không có khoản doanh thu hồi tố 1.044 tỷ đồng.

**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính của PV POWER trong các năm từ 2013 –2016 đạt lần lượt 257 tỷ đồng, 1.064 tỷ đồng, 523 tỷ đồng và 459 tỷ đồng trong năm 2016, trong đó nguồn doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

Năm 2014, PV POWER ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính lên đến hơn 1.000 tỷ, tuy nhiên lãi tiền gửi ngân hàng không có nhiều biến động. Khoản tăng lên so với năm 2013 chủ yếu

đến từ việc Tổng Công ty thu được tiền lãi vay từ hợp đồng cho EVN nhận nợ (360 tỷ đồng) và do trong năm 2014, đồng EURO giảm giá đã đóng góp cho Tổng Công ty 425 tỷ đồng lãi chênh lệch tỷ giá. Đến năm 2015, doanh thu hoạt động tài chính đạt 523 tỷ đồng, trong đó lãi tiền gửi là 260 tỷ đồng và lãi từ hợp đồng nhận nợ của EVN là 169 tỷ đồng, lãi chênh lệch tỷ giá chỉ còn 29 tỷ đồng. Năm 2016, Tổng Công ty ghi nhận lãi tiền gửi 249 tỷ và chênh lệch tỷ giá lên đến 108 tỷ đồng.

**Chi phí tài chính:**

Chi phí tài chính là khoản chi phí lớn nhất của PV POWER sau chi phí giá vốn hàng bán. Trong giai đoạn từ 2013-2016, chi phí tài chính của PV POWER lần lượt là 1.940 tỷ đồng, 1.516 tỷ đồng, 1.698 tỷ đồng và 1.797 tỷ đồng. Chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá là hai khoản chi phí tài chính chủ yếu. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015, lỗ chênh lệch tỷ giá là 1.843 tỷ đồng, tuy nhiên, tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp PV POWER thực hiện điều chỉnh giảm 1.129 tỷ đồng lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ của dự án NMĐ Vũng Áng 1 nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo biên bản thanh tra của Bộ Tài chính nên còn 714 tỷ đồng.

Chi phí lãi vay của Tổng Công ty trong 4 năm từ 2013-2016 lần lượt là 886 tỷ đồng, 1.199 tỷ đồng, 864 tỷ đồng và 1.329 tỷ đồng trong năm 2016. Chi phí lãi vay tăng mạnh trong năm 2016 là do Tổng Công ty nhận NMĐ Vũng Áng 1 và ghi nhận thêm hơn 17.000 tỷ đồng nợ ngân hàng từ ngày 31/12/2015, lãi vay của các khoản nợ này khoảng 736 tỷ đồng trong năm 2016.

Do đặc điểm hoạt động trong ngành điện, đầu tư lớn, phải đi vay nợ rất nhiều bằng đồng ngoại tệ nên Tổng Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ biến động chênh lệch tỷ giá. Năm 2013 ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá khoảng 940 tỷ đồng, trong đó: lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay ngoại tệ cuối kỳ khoảng 518 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản là 423 tỷ đồng. Năm 2014, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đạt 231 tỷ đồng, trong đó: lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay ngoại tệ cuối kỳ là 89 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư XDCB là 142 tỷ đồng. Năm 2015, lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận là 714 tỷ đồng do trong năm 2015 tỷ giá USD tăng trong những tháng cuối năm dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay ngoại tệ cuối kỳ là 387 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán là 89 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản là 239 tỷ đồng. Trong năm 2016, do tỷ giá đồng USD tăng mạnh nên khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay ngoại tệ cuối kỳ ở mức cao là gần 295 tỷ đồng.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Hoạt động chính của PV POWER là sản xuất và kinh doanh điện nên chi phí bán hàng rất thấp.Tổng Công ty ghi nhận chi phí bán hàng trong cácnăm 2013-2016 chỉ là 0,6 tỷ đồng, 2,6 tỷ

đồng, 17,1 tỷ đồng và 17 tỷ đồngvà chiếm dưới 0,1% doanh thu do đặc thù hoạt động bán điện. Chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt là 376 tỷ đồng, 399 tỷ đồng, 991 tỷ đồng và 738 tỷ đồng. Nhìn chung, chi phí quản lý doanh nghiệp không có nhiều biến động giữa các năm và trung bình hàng năm là 400 tỷ đồng. Năm 2015, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do phát sinh các chi phí như: Tổng Công ty thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ nhân viên (bao gồm cả cán bộ nhân viên tại chi nhánh Hà Tĩnh) và chi phí công tác an sinh xã hội.

**Lợi nhuận:**

**Bảng 9: Lợi nhuận hợp nhất PV POWER**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận trước thuế | 672 | 2.912 | 3.003 | 1.696 |
| Lợi nhuận sau thuế | 584 | 2.761 | 2.560 | 1.517 |
| *Thuế suất hiệu dụng (*)* | *13%* | *5%* | *15%* | *11%* |
| Lợi nhuận phân phối cho chủ sở hữu công ty mẹ | 510 | 2.190 | 2.169 | 1.075 |
| *%LN phân phối cho công ty mẹ/LN sau thuế* | *87%* | *79%* | *85%* | *78%* |

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của PV POWER*

*Ghi chú (*): Thuế suất hiệu dụng do PSI tính toán từ tổng số thuế THU NHẬP DOANH NGHIỆP phải nộp chia cho Lợi nhuận trước thuế của DN theo BCTC hợp nhất kiểm toán của PV POWER.*

Lợi nhuận của Tổng Công ty tốt dần lên trong giai đoạn từ 2013-2015. Lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt là 672, 2.912, 3.003 và 1.696 tỷ đồng trong giai đoạn này. Riêng trong năm 2014, nhờ có diễn biến thuận lợi về tỷ giá và doanh thu hồi tố đột biến từ Nhơn Trạch 2 nên lợi nhuận trước thuế tăng 2.400 tỷ đồng so với 2013. Đến năm 2015, không còn yếu tố tích cực từ tỷ giá như năm 2014, tuy nhiên do doanh thu hồi tố từ Nhơn Trạch 1 hơn 1.044 tỷ dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng nhẹ so với năm 2014. Đến năm 2016, tuy không còn các yếu tố đột biến và NMĐ Vũng Áng 1 trong giai đoạn đầu hoạt động chưa thực sự ổn định, công ty vẫn ghi nhận 1.705 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Nếu loại trừ yếu tố đột biến, năm 2016 đã đạt trên 87% so với năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty trong giai đoạn này lần lượt là 584, 2.761, 2.560 và 1.517tỷ đồng, ứng với các mức thuế suất hiệu dụng (tỷ lệ giữa thuế thực trả và thu nhập) là 13%, 5%, 15% và 11%. Thuế suất hiệu dụng tăng mạnh trong năm 2015 do trong năm này, nhà máy điện Nhơn Trạch 1 không còn được áp dụng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%. Tuy nhiên năm

2016, Nhà máy điện Vũng Áng vẫn trong giai đoạn lỗ nên thuế suất hiệu dụng giảm so với năm 2015.

**Hiệu quả kinh doanh:**

**Bảng 10: Một số chỉ số hiệu quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ROE) | 3,82% | 16,70% | 11,67 % | 5,71% |
| Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (ROA) | 1,11% | 5,50% | 4,25% | 2,15% |
| Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần (ROS) | 2,50% | 11,34% | 11,02% | 5,38% |
| Biên lợi nhuận gộp | 11,71% | 15,35% | 22,51% | 13,41% |
| Biên lợi nhuận hoạt động | 2,91% | 11,84% | 13,10% | 5,98% |
| Biên lợi nhuận trước thuế | 2,88% | 11,96% | 12,93% | 6,01% |

Năm 2014, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty tăng mạnh nhờ các yếu tố tích cực về tỷ giá và hồi tố doanh thu. ROE hợp nhất năm 2014 đạt 21,06 %, tăng mạnh so với mức 4,45% của năm 2013.

Đến năm 2015, lợi nhuận sau thuế tăng nhẹ, tuy nhiên do Tổng Công ty nhận bàn giao NMĐ Vũng Áng 1 vào thời điểm cuối năm nên vốn chủ sở hữu thời điểm cuối năm tăng gần 8.700 tỷ đồng, ROE trong năm chỉ đạt 11,75%. Nếu loại bỏ ảnh hưởng của NMĐ Vũng Áng 1 (giảm trừ phần vốn điều lệ tăng thêm) thì ROE vẫn tương đối tích cực, đạt khoảng 14,54%.

Năm 2016, Tổng công ty bắt đầu ghi nhận doanh thu chi phí từ NMĐ Vũng Áng. Tuy nhiên do trong thời điểm đầu vận hành,chi phí phát sinh cho các khoản vay cao (bao gồm chi phí lãi vay, chi phí bao lãnh khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ các khoản vay bằng đồng ngoại tệ nên NMĐ Vũng Áng lỗ hơn 800 tỷ trong năm 2016 (Hoạt động tài chính của NMĐ Vũng Áng 1 lỗ khoảng 940 tỷ đồng năm 2016), dẫn đến ROE năm 2016 giảm mạnh.

**Biểu đồ: So sánh ROE hợp nhất Tổng công ty**

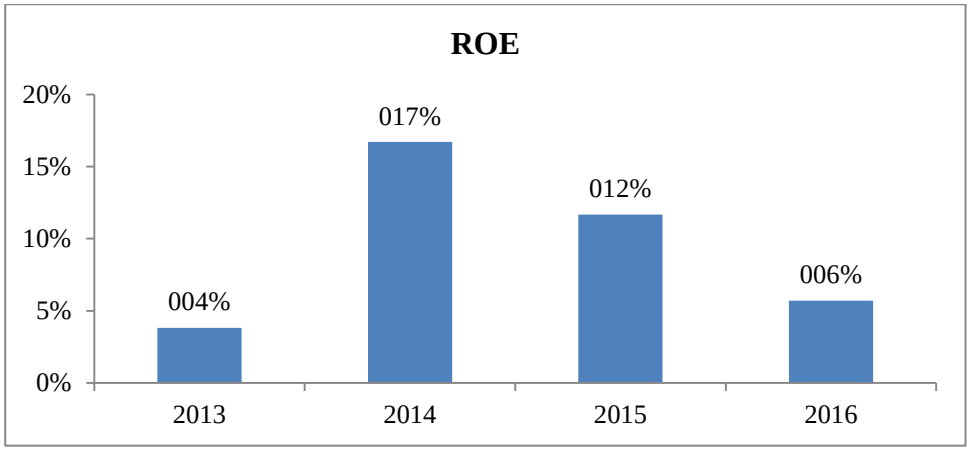

### *2.2. Cơ cấu chi phí hợp nhất Tổng Công ty*

Về cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của Tổng Công ty, tiếp theo là chi phí tài chính. Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty trong giai đoạn 2013-2016 như sau:

**Biểu đồ: Cơ cấu chi phí hợp nhất PV POWER**

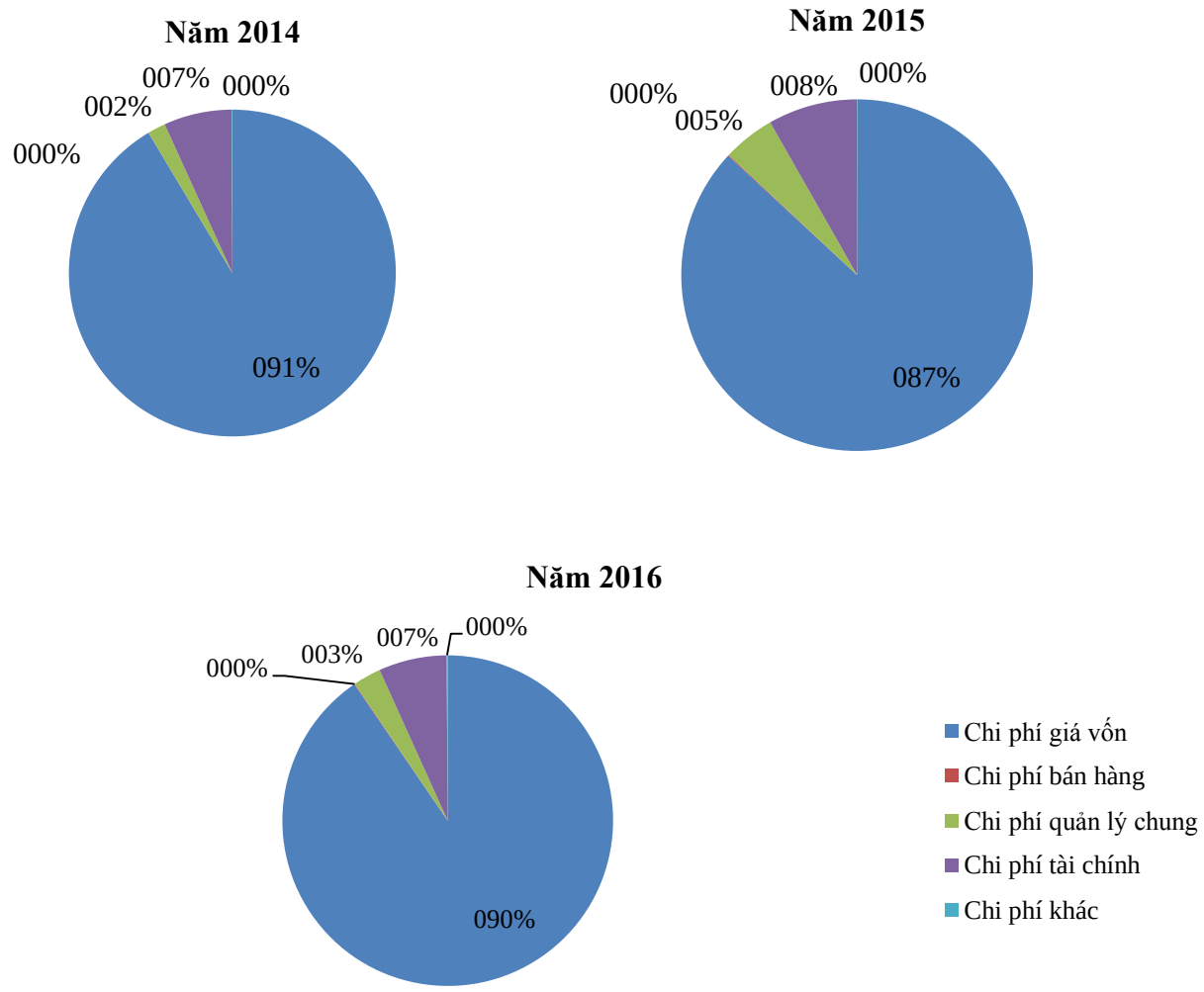


*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của PV POWER*

Tổng chi phí năm 2014 là 22.553 tỷ đồng, giảm 1,86% so với năm 2013, năm 2015 là 20.715 tỷ đồng, giảm 2,88% so với năm 2014, chủ yếu do chi phí giá vốn giảm. Năm 2016, tổng chi phí tăng 30% so với năm 2015 do PV POWER nhận bàn giao NMĐ Vũng Áng.

**Bảng 11: Tỷ lệ chi phí trên doanh thu hợp nhất PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí giá vốn/DT | 88,29% | 84,65% | 77,49% | 86,6% |
| Chi phí bán hàng/DT | 0,00% | 0,01% | 0,07% | 0,1% |
| Chi phí quản lý chung/DT | 1,61% | 1,64% | 4,26% | 2,6% |
| Chi phí tài chính/DT | 8,30% | 6,22% | 7,31% | 6,4% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí khác/DT | 0,10% | 0,07% | 0,03% | 0,1% |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của PV POWER*

Chi phí giá vốn chiếm trung bình 85% doanh thu, năm 2015 chi phí giá vốn chỉ chiếm hơn 78% do chi phí nhiên liệu giảm mạnh và Nhơn Trạch 1 ghi nhận thêm doanh thu hồi tố O&M hơn 1.044 tỷ đồng.

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí hợp nhất PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí giá vốn/ Tổng chi phí | 89,82% | 91,42% | 86,90% | 90,44% |
| Chi phí bán hàng/ Tổng chi phí | 0,00% | 0,01% | 0,08% | 0,06% |
| Chi phí quản lý chung/ Tổng chi phí | 1,63% | 1,77% | 4,78% | 2,74% |
| Chi phí tài chính/ Tổng chi phí | 8,44% | 6,72% | 8,20% | 6,66% |
| Chi phí khác/ Tổng chi phí | 0,10% | 0,07% | 0,03% | 0,10% |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của PV POWER*

### *2.3. Tình hình tài chính Hợp nhất Tổng Công ty*

#### *2.3.1. Cơ cấu tài sản Hợp nhất Tổng Công ty*

**Bảng 13: Bảng cân đối kế toán hợp nhất PV POWER 2013-2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **51.222** | **49.180** | **71.283** | **69.732** |
| **Tài sản ngắn hạn** | **14.926** | **15.039** | **16.016** | **18.519** |
| Tiền & tương đương tiền | 6.083 | 5.518 | 6.073 | 4.671 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 281 | 55 | 150 | 60 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 5.570 | 5.560 | 5.848 | 10.230 |
| *+ Phải thu của khách hàng* | *3.144* | *4.976* | *4.491* | 9.827 |
| *+ Trả trước cho người bán* | *918* | *198* | *237* | 257 |
| *+ Phải thu ngắn hạn khác* | *1.494* | *460* | *1.227* | 146 |
| Hàng tồn kho | 2.694 | 3.635 | 3.701 | 3.347 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 297 | 270 | 244 | 211 |
| **Tài sản dài hạn** | **36.296** | **34.141** | **55.267** | **51.214** |
| Giá trị TSCĐ | 28.723 | 25.646 | 51.115 | 48.350 |

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Đầu tư tài chính dài hạn | 5.885 | 855 | 781 | 931 |
| Tài sản dài hạn khác | 1.592 | 7.640 | 2.432 | 1.933 |
| **Tổng nguồn vốn** | **51.222** | **49.180** | **71.283** | **69.732** |
| **Nợ ngắn hạn** | **9.481** | **11.417** | **17.043** | **18.078** |
| Vay và nợ ngắn hạn | 3.268 | 3.726 | 6.651 | 5.888 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn | 6.213 | 7.691 | 10.391 | 12.190 |
| *+ Phải trả cho người bán* | *4.256* | *5.197* | *4.797* | 6.169 |
| *+ Người mua trả tiền trước* | *11* | *74* | *41* | 4 |
| *+ Phải trả ngắn hạn khác* | *154* | *138* | *3.837* | 6.017 |
| **Nợ dài hạn** | **26.233** | **20.209** | **27.913** | **24.858** |
| Vay và nợ dài hạn | 26.229 | 19.675 | 27.074 | 24.669 |
| Phải trả dài hạn khác | 5 | 4 | 7.32 | 189 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **15.508** | **17.554** | **26.327** | **26.797** |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 13.107 | 13.107 | 21.774 | 21.774 |
| Vốn chủ sở hữu khác | 2.401 | 4.447 | 4.553 | 5.022 |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của PV POWER*

**Về tăng trưởng tài sản**: Hoạt động kinh doanh chủ yếu của PV POWER là sản xuất và kinh doanh điện. Hoạt động kinh doanh này có đặc điểm là tài sản chỉ tăng trưởng trong các năm Tổng Công ty có thực hiện đầu tư lớn, ngoài các năm đó, tài sản thường giảm đi do giảm khấu hao tài sản cố định và trả nợ gốc vay. Năm 2014, tổng tài sản của Tổng Công ty giảm nhẹ từ trên 51 nghìn tỷ xuống còn trên 49 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2015, tổng tài sản tăng mạnh lên trên 71 nghìn tỷ đồng do PV POWER nhận bàn giao Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 từ PVN. Năm 2016, tổng tài sản Tổng Công ty đạt hơn 69 nghìn tỷ, giảm nhẹ so với năm 2015 chủ yếu do khấu hao TSCĐ trong sử dụng.

**Về cơ cấu tài sản**: với đặc điểm kinh doanh như trên, phần lớn tài sản của Tổng Công ty là tài sản cố định (bao gồm nhà cửa, máy móc, vật kiến trúc), thường chiếm trên 50% tổng tài sản của Tổng Công ty. Khi có các dự án mới đi vào hoạt động, tỷ trọng tài sản cố định sẽ còn lớn hơn (năm 2015 là gần 80%). Ngoài ra, một số tài sản khác cũng chiếm tỷ trọng lớn như tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng.

**Về cơ cấu nguồn vốn**: trong cơ cấu nguồn vốn của PV POWER, nợ phải trả thường chiếm khoảng 65% tổng nguồn vốn, trong đó nợ ngắn hạn chiếm khoảng 34%, nợ dài hạn là 66%. Thông thường, nếu Tổng Công ty không thực hiện các dự án mới thì nợ dài hạn sẽ được trả dần, làm giảm tỷ trọng nợ dài hạn trong cơ cấu nguồn vốn. Tính đến 31/12/2016, tổng nợ phải trả của Tổng Công ty

khoảng 42,94 nghìn tỷ đồng, chiếm 63,1% tổng nguồn vốn, trong đó nợ dài hạn là 24,86 nghìn tỷ đồng.

**Về nguồn vốn chủ sở hữu**: năm 2015, do nhận bàn giao Nhà máy điện Vũng Áng 1 nên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tăng mạnh lên hơn 26 nghìn tỷ đồng, trong đó, phần vốn góp chủ sở hữu là 21,7 nghìn tỷ đồng.

*2.3.2. Tình hình vay nợ hợp nhất Tổng Công ty*

**Biểu đồ: Tình hình vay nợ và sử dụng nguồn vốn vay**

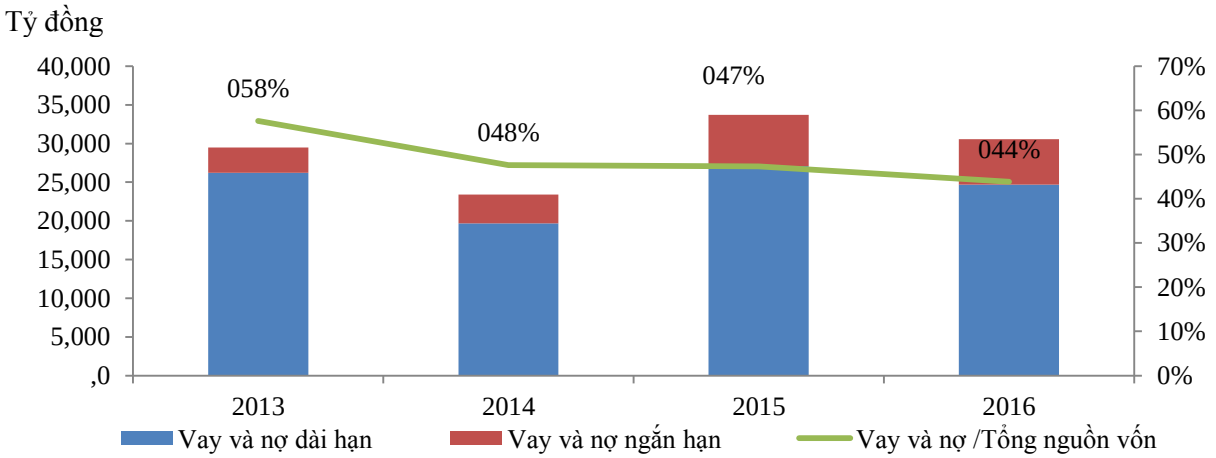


*Nguồn:Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của PV POWER*

Vay dài hạn của PV POWER và các công ty con chủ yếu là để tài trợ cho việc đầu tư các dự án nhà máy điện, vay ngắn hạn chủ yếu là các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm, còn một phần rất nhỏ là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty con: Công ty CP Thủy điện Bắc Kạn, Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLDK (PVPS), Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMachino). Các khoản vay ngắn hạn tính đến 31/12/2016 là hơn 5.888 tỷ đồng trong đó khoảng 5.752 tỷ đồng là các khoản nợ dài hạn đến hạn trả.

Với tình hình tài chính hiện tại PV POWER chưa cần vay vốn lưu động phục vụ thanh toán chi phí nhiên liệu cho các NMĐ và các chi phí hoạt động khác.

**Bảng 14: Một số chỉ số vay nợ hợp nhất PV POWER**

| Chỉ số nợ (lần) | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Nợ phải trả/ Tổng tài sản | 0,70 | 0,64 | 0,63 | 0,62 |
| Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu | 2,30 | 1,80 | 1,71 | 1,60 |
| Vay/ Tổng tài sản | 0,58 | 0,48 | 0,47 | 0,44 |
| Vay/ Vốn chủ sở hữu | 1,90 | 1,33 | 1,28 | 1,14 |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất của PV POWER*

Các chỉ số nợ của PV POWER có xu hướng giảm do Tổng Công ty đang trong giai đoạn hoạt động ổn định, đầu ra được đảm bảo và có dòng tiền ổn định để thanh toán nợ.

## 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính Công ty mẹ[6]

### *3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ*

**Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ PV POWER 2013 – 2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Tổng doanh thu** | **16.861** | **16.117** | **14.601** | **18.247** |
| | *Doanh thu bán điện* | *16.827* | *16.079* | *14.135* | *18.210* |
| | *Doanh thu cung ứng than* | *15* | *8* | - | - |
| | *Doanh thu dịch vụ kỹ thuật điện* | *19* | *30* | *466* | *38* |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 1.538 | 1.540 | 3.070 | 1.836 |
| | *Bán điện* | *1.537* | *1.530* | *3.006* | *1.817* |
| | *Cung ứng than* | *0,3* | *0,1* | - | |
| | *Dịch vụ kỹ thuật điện* | *1* | *9* | *64* | *19* |
| 3 | Doanh thu tài chính | 206 | 705 | 917 | 786 |
| 4 | Doanh thu khác | 29 | 15 | 6 | 11 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 669 | 1.370 | 2.517 (*) | 1.034 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 589 | 1.233 | 2.141(*) | 939 |

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER*

*Ghi chú (*):Theo Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER, lợi nhuận trước thuế đạt gần 1.327 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt gần 965 tỷ đồng. Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, PV POWER thực hiện điều chỉnh tăng thêm lợi nhuận trước thuế 1.190 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.175 tỷ đồng căn cứ vào biên bản thanh tra của Bộ tài chính. Theo đó, năm 2015 lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ PV POWER đạt gần 2.517 tỷ đồng và 2.141 tỷ đồng.*

**Biểu đồ: Tổng doanh thu và vốn chủ sở hữu PV POWER 2013 - 2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

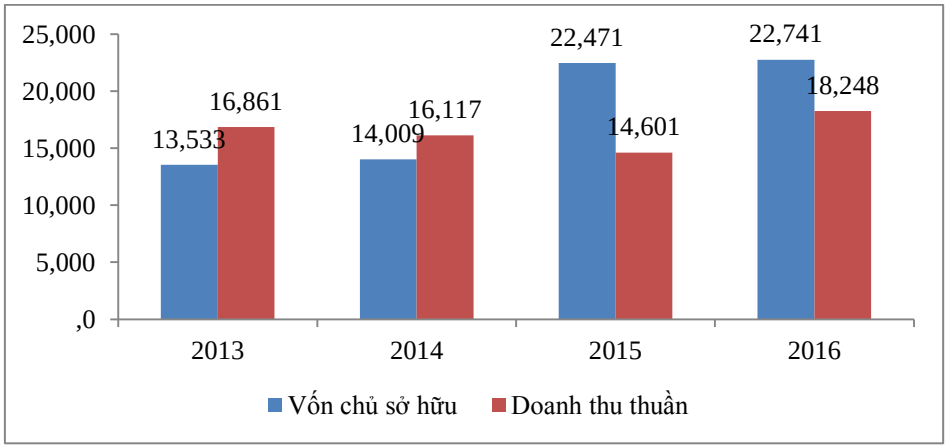


[6]Số liệu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2015 của Tổng công ty được trình bày trong Phương án này là số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra ngày 04/05/2016 do Đoàn thanh tra Bộ Tài chính thực hiện theo Quyết định số 447/QĐ-BTC ngày 08/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thanh tra tài chính tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER*

**Biểu đồ: Kết quả kinh doanh PV POWER 2013 – 2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

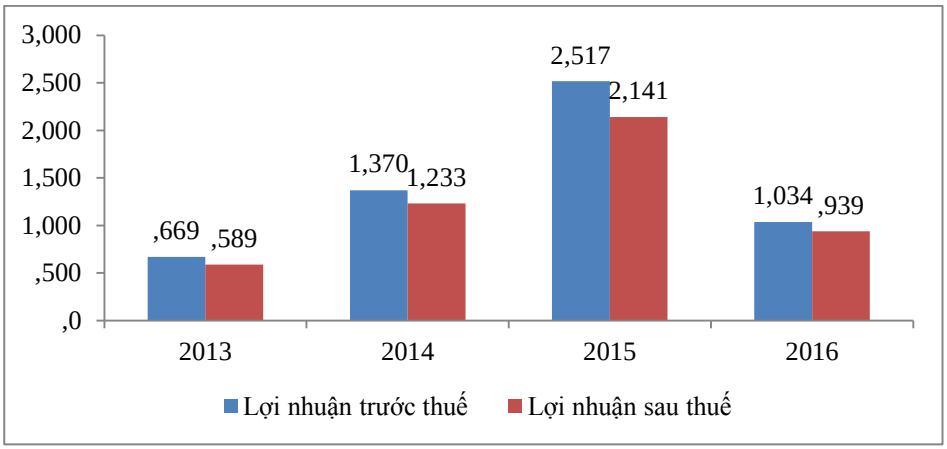


**Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu thuần | 16.861 | 16.117 | 14.601 | 18.248 |
| | *Doanh thu Cà Mau 1,2* | *13.327* | *12.143* | *9.010* | *8.269* |
| | *Doanh thu Nhơn Trạch 1* | *3.504* | *3.942* | *5.125* | *5.278* |
| | *Doanh thu Vũng Áng* | | | | *4.692* |
| | *Khác* | *30* | *32* | *466* | *7* |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 1.538 | 1.540 | 3.070 | 1.836 |
| | *Cà Mau 1,2* | *1.238* | *1.048* | *1.305* | *945* |
| | *Nhơn Trạch 1* | *300* | *477* | *1.701* | *695* |
| | *Vũng Áng* | | | | *196* |
| | *Khác* | *1* | *14* | *64* | |

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER*

**Doanh thu:**

Trong năm 2014, doanh thu của PV POWER giảm 744 tỷ đồng so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm doanh thu năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 là do giảm sản lượng điện. Sản lượng điện giảm là do các nhà máy điện của Công ty mẹ gặp các khó khăn trong quá trình sản xuất: (i) Nhà máy điện Cà Mau chịu ảnh hưởng bởi sự cố giàn khí MP3 và ngừng máy đại tu tại 50.000 giờ EOH từ 1/7/2014 đến 28/8/2014 và (ii) Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 có thời gian ngừng máy khắc phục sự cố tổ máy, khắc phục sửa chữa bơm tuần hoàn và xử lý bất thường van điều áp.

Đến năm 2015, giá khí đầu vào của các nhà máy giảm mạnh, làm cho doanh thu của Tổng Công ty trong năm chỉ đạt 14,6 nghìn tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2014 mặc dù sản lượng điện trong năm tăng mạnh: Cà Mau 1&2 tăng từ dưới 7,5 tỷ kWh lên thành 7,9 tỷ kWh, Nhơn Trạch 1 từ 2,8 tỷ kWh lên trên 3,3 tỷ kWh.

Trong năm 2016, ngoài ra Tổng Công ty ghi nhận doanh thu từ nhà máy điện Vũng Áng dẫn đến doanh thu của PV POWER trong năm 2016 đạt hơn 18.248 tỷ đồng tương ứng với 125% doanh thu cả năm 2015.

Công ty mẹ PV POWER hiện đang quản lý trực tiếp 4 nhà máy điện là Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1. Các nhà máy điện là nguồn doanh thu chủ yếu cho Tổng Công ty.

Cơ cấu doanh thu trong giai đoạn 2013-2016 của PV POWER theo từng lĩnh vực hoạt động như sau:

**Bảng 17: Chi tiết doanh thu theo hoạt động Công ty mẹ PV POWER**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu bán điện | 16.783 | 16.827 | 14.135 | 18.210 |
| Doanh thu cung ứng than | - | 15 | - | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 11 | 19 | 466 | 38 |
| Tổng doanh thu thuần | **16.861** | **16.117** | **14.601** | **18.248** |

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER*

**Bảng 18: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động Công ty mẹ PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu bán điện | 99,80% | 99,76% | 96,81% | 99,79% |
| Doanh thu cung ứng than | 0,09% | 0,05% | 0,00% | 0,00% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 0,11% | 0,19% | 3,19% | 0,21% |
| Tổng doanh thu | 100% | 100% | 100% | 100% |

**Lợi nhuận gộp** *(Chi tiết theo bảng 16):*

Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ trong năm 2014 không biến động nhiều so với năm 2013 mặc dù doanh thu giảm đi. Trong năm 2015, do Nhơn Trạch 1 được ghi nhận khoản hồi tố O&M tới hơn 1.044 tỷ đồng, đồng thời sản lượng điện của các nhà máy tăng mạnh nên lợi nhuận gộp của Công ty mẹ tăng từ 1.539 tỷ đồng lên hơn 3.070 tỷ đồng. Năm 2016 không ghi nhận các khoản doanh thu đột biến như năm 2015 nên lợi nhuận gộp trong năm đạt 1.836 tỷ đồng tương đương 60% lợi nhuận gộp của năm 2015 và 118% năm 2014.

**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Như đã trình bày trong phần về Hợp nhất Tổng Công ty, trong năm 2014, PV POWER bắt đầu ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính từ lãi vay hợp đồng nhận nợ của EVN (số tiền nhận nợ của EVN: 7.000 tỷ đồng) nên doanh thu hoạt động tài chính trong năm của Công ty mẹ tăng mạnh so với 2013. Doanh thu hoạt động tài chính tăng trong năm cũng một phần đến từ việc nhà máy điện Nhơn Trạch 2 bắt đầu hoạt động hiệu quả và tăng chi trả cổ tức nên cổ tức Công ty mẹ thu được tăng từ 11 tỷ lên trên 90 tỷ đồng.

Năm 2015, dư nợ cho EVN vay giảm 4.000 tỷ đồng nên lãi vay thu về cũng giảm từ 360 tỷ đồng xuống còn 168 tỷ đồng. Tuy vậy, nguồn cổ tức từ Nhơn Trạch 2 (455 tỷ đồng) giúp cho doanh thu hoạt động tài chính của Công ty mẹ tăng hơn 200 tỷ đồng so với 2014. Năm 2016, hoạt động tài chính mang lại 786 tỷ cho PV POWER, trong đó có 575 tỷ từ cổ tức, 180 tỷ lãi tiền gửi và 30 tỷ từ lãi chênh lệch tỷ giá.

**Chi phí tài chính**

Năm 2013, chi phí tài chính của Công ty mẹ đạt 837 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay là 311 tỷ, lỗ chênh lệch tỷ giá 424 tỷ đồng. Năm 2014, chi phí tài chính đạt 639 tỷ đồng, thấp hơn năm 2013 là 198 tỷ đồng. Trong đó, mặc dù chi phí lãi vay tăng hơn 276 tỷ đồng, nhưng lỗ chênh lệch tỷ giá giảm khoảng 300 tỷ đồng và khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính giảm 173 tỷ đồng. Lỗ chênh lệch tỷ giá năm 2014 giảm so với năm 2013 chủ yếu do năm 2014 PV POWER không còn phải phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá từ năm 2011 là 281 tỷ đồng.

Năm 2015, chi phí tài chính Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán đạt 1.915 tỷ đồng, tuy nhiên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, PV POWER đã điều chỉnh giảm 1.129 tỷ đồng theo Biên bản thanh tra Bộ tài chính nên chi phí tài chính chỉ là 786 tỷ đồng, tăng 145 tỷ đồng so với năm 2014. Trong đó, chi phí lãi vay đạt 335 tỷ đồng, giảm về gần tương đương mức của năm 2013 nhưng lỗ chênh lệch tỷ giá tăng do biến động tỷ giá bất lợi của đồng USD (riêng trong năm này, USD tăng giá hơn 5%), làm cho PV POWER bị lỗ tỷ giá gần 283 tỷ đồng, tăng 116 tỷ đồng so với năm 2014 (Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán là 1.317 tỷ đồng, điều chỉnh giảm 1.129 tỷ theo biên bản thanh tra của Bộ tài chính còn 188 tỷ đồng. Năm 2016, chi phí tài chính của PV POWER tăng từ 784 tỷ đồng cùng kỳ năm 2015 lên 1.136 tỷ chủ yếu do chi phí lãi vay tăng bởi vì Tổng Công ty nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1 từ PVN kèm theo khoản nợ vay ngân hàng hơn 764 triệu USD kể từ 31/12/2015).

**Lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh:**

**Bảng 19: Các chỉ tiêu kết quả hoạt động Công ty mẹ PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| ROE | 4,42% | 8,95% | 11,74% | 4,15% |
| ROA | 1,82% | 4,26% | 5,55% | 1,90% |
| ROS | 3,49% | 7,65% | 14,66% | 5,15% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Biên lợi nhuận gộp | 9,12% | 9,55% | 21,02% | 10,06% |
| Biên lợi nhuận hoạt động | 3,88% | 8,49% | 17,22% | 5,70% |
| Biên lợi nhuận trước thuế | 3,97% | 8,50% | 17,24% | 5,67% |

Lợi nhuận gộp năm 2014 đạt 1.540 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với năm 2013. Tuy nhiên, hoạt động tài chính năm 2014 đã có lãi 65 tỷ đồng (năm 2013, hoạt động tài chính lỗ 631 tỷ đồng) do vậy lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 644 tỷ so với năm 2013 (Năm 2014 đạt trên 1.233 tỷ đồng và năm 2013 đạt 589 tỷ đồng). ROE trong năm 2014 đạt 9%.

Năm 2015, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng gần 450 tỷ từ 237 tỷ lên đến hơn 689 tỷ do Công ty mẹ phát sinh các khoản lập Quỹ phát triển KHCN 63 tỷ đồng, chi mua bảo hiểm nhân thọ trả sau cho cán bộ nhân viên (bao gồm cả chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV chi nhánh Hà Tĩnh), phát sinh chi phí quản lý tại Chi nhánh Hà Tĩnh và phát sinh thêm chi phí công tác an sinh xã hội 70 tỷ đồng so với năm 2014. Năm 2014 cũng là năm cuối cùng NMĐ Nhơn Trạch 1 được áp dụng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp khiến chi phí thuế năm 2015 tăng 225 tỷ đồng so với năm 2014. Các yếu tố về tỷ giá, chi phí quản lý, và thuế không thuận lợi, tuy nhiên khoản hồi tố doanh thu hơn 1044 tỷ đồng của NMĐ Nhơn Trạch 1 khiến lợi nhuận sau thuế PV POWER tăng mạnh từ 1.232 tỷ đồng lên 2.140 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng mạnh, tuy nhiên vốn chủ sở hữu cũng tăng 8.666 tỷ do Tổng Công ty nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1 (vẫn chưa đem lại lợi nhuận) nên ROE trong năm 2015 tăng lên 11,7% so với 8,9% năm 2014. Tuy nhiên, nếu tạm loại bỏ phần vốn chủ sở hữu liên quan đến nhà máy điện Vũng Áng 1 thì ROE trong năm của Công ty mẹ sẽ đạt 15,39%. So với ROE của các công ty trong ngành điện tại Châu Á, tỷ suất ROE của Công ty mẹ PV POWER nói chung và ROE của các nhà máy điện thuộc PV POWER nói riêng đều ở mức cao so với mức bình quân là 9,85% của một số công ty có dữ liệu tổng hợp trên Bloomberg.

Năm 2016, Tổng công ty bắt đầu ghi nhận doanh thu chi phí từ NMĐ Vũng Áng. Tuy nhiên do trong thời điểm đầu vận hành, chi phí phát sinh cho các khoản vay cao (bao gồm chi phí lãi vay, chi phí bảo lãnh khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ các khoản vay bằng đồng ngoại tệ) nên NMĐ Vũng Áng lỗ hơn 800 tỷ trong năm 2016 (Hoạt động tài chính của NMĐ Vũng Áng 1 lỗ khoảng 940 tỷ đồng năm 2016), dẫn đến ROE năm 2016 giảm mạnh.

**Biểu đồ: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PV POWER**

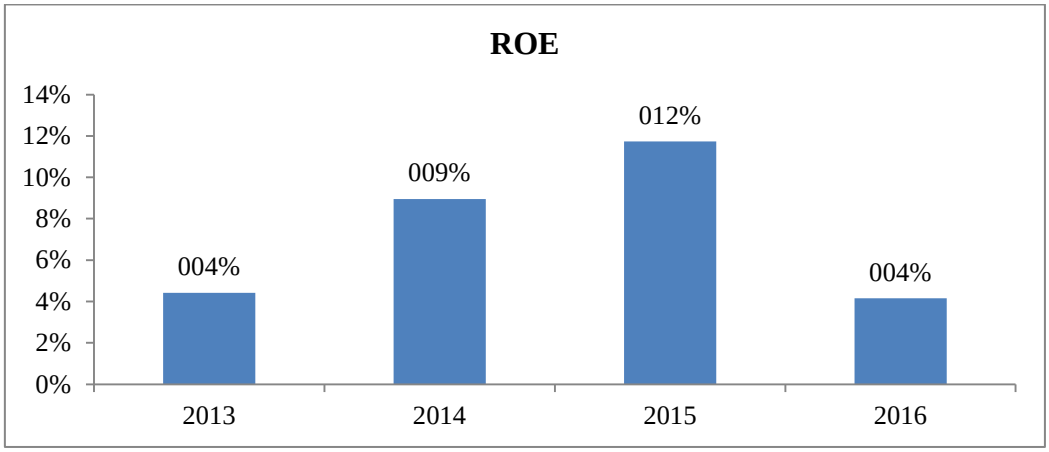


**Bảng 20: Hiệu quả hoạt động các Nhà máy điện trực thuộc Công ty mẹ giai đoạn 2013-2016**

| Nhà máy điện | Năm 2013 | | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | | Tỷ suất sinh lời bình quân 4 năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | LNST (tỷ đồng) | LNST/ Vốn ĐT CSH | LNST (tỷ đồng) | LNST/ Vốn ĐT CSH | LNST (tỷ đồng) | LNST/ Vốn ĐT CSH | LNST (tỷ đồng) | LNST/ Vốn ĐT CSH | |
| Cà Mau 1&2 | 721,85 | 16,23% | 864,28 | 20,03% | 957,7 | 21,57% | 861,2 | 19,58% | 19,35% |
| Nhơn Trạch 1 | 164,1 | 8,98% | 456,99 | 25,01% | 1650,2 | 90,19% | 694,1 | 37,92% | 40,53% |

*Nguồn: BCTC chi nhánh*

Về hiệu quả của các nhà máy điện trực thuộc Công ty mẹ là Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1 thì các nhà máy đều đang hoạt động rất tốt, hiệu quả hoạt động có xu hướng tăng lên qua các năm. Đây là xu hướng tất yếu do các nhà máy này đều đã đi vào hoạt động ổn định được một thời gian, các chi phí lãi vay đều giảm đi và hiệu quả sản xuất được tăng lên. Riêng nhà máy điện Vũng Áng 1 do mới chỉ trong giai đoạn vận hành ban đầu nên vẫn chưa có đánh giá cụ thể.

### *3.2. Cơ cấu chi phí Công ty mẹ*

Nhìn chung, do Công ty mẹ PV POWER và các công ty con đều có hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là sản xuất và kinh doanh điện nên có cơ cấu chi phí tương đối giống nhau với giá vốn hàng bán là chi phí lớn nhất, sau đó là chi phí tài chính.

Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ trong giai đoạn 2013-2016 như sau:

**Bảng 21: Cơ cấu chi phí công ty mẹ PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí giá vốn/DT | 90,88% | 90,45% | 78,98% | 89,94% |
| Chi phí bán hàng/DT | 0,00% | 0,00% | 0,00% | 0,00% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí quản lý chung/DT | 1,50% | 1,47% | 4,72% | 2,44% |
| Chi phí tài chính/DT | 4,96% | 3,96% | 5,37% | 6,23% |
| Chi phí khác/DT | 0,09% | 0,09% | 0,02% | 0,10% |

### *3.3.* Tình hình tài chính Công ty mẹ

#### *3.3.1. Cơ cấu tài sản Công ty mẹ*

**Bảng 22: Bảng cân đối kế toán công ty mẹ PV POWER 2013 - 2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** |
|---|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **30.977** | **26.930** | **50.277** | **48.590** |
| **Tài sản ngắn hạn** | **9.988** | **7.848** | **8.522** | **9.832** |
| Tiền & tương đương tiền | 5.676 | 4.373 | 4.358 | 2.927 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 35 | 50 | 50 | 50 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 3.215 | 2.967 | 3.319 | 6.232 |
| *+ Phải thu của khách hàng* | *3.037* | *2.673* | *2.497* | 5.718 |
| *+ Trả trước cho người bán* | *106* | *76* | *84* | 142 |
| *+ Phải thu ngắn hạn khác* | *84* | *229* | *749* | 383 |
| Hàng tồn kho | 988 | 426 | 682 | 551 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 74 | 34 | 113 | 73 |
| **Tài sản dài hạn** | **20.989** | **19.081** | **41.755** | **38.757** |
| Giá trị TSCĐ | 10.234 | 8.389 | 35.080 | 31.844 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 5.351 | 5.718 | 5.674 | 5.650 |
| Tài sản dài hạn khác | 5.404 | 4.974 | 1.001 | 1.263 |
| **Tổng nguồn vốn** | **30.977** | **26.930** | **50.277** | **48.590** |
| **Nợ ngắn hạn** | **4.840** | **4.638** | **10.373** | **10.047** |
| Vay và nợ ngắn hạn | 1.897 | 1.924 | 4.488 | 4.066 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn | 2.943 | 2.714 | 5.884 | 5.981 |
| *+ Phải trả cho người bán* | *1.961* | *1.617* | 1.340 | 2.607 |
| *+ Người mua trả tiền trước* | *-* | *15* | 6 | 2 |
| *+ Phải trả ngắn hạn khác* | *983* | *1.082* | 4.539 | 3.372 |
| **Nợ dài hạn** | **12.604** | **8.283** | **17.434** | **15.801** |
| Vay và nợ dài hạn | 12.603 | 7.758 | 16.664 | 15.693 |
| Phải trả dài hạn khác | | 525 | 770 | 108 |

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| **Vốn chủ sở hữu** | **13.533** | **14.009** | **22.471** | **22.741** |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 13.107 | 13.107 | 21.774 | 21.774 |
| Vốn chủ sở hữu khác | 426 | 902 | 697 | 967 |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER*

**Tăng trưởng tài sản**: Tổng tài sản của PV POWER giảm từ trên 31 nghìn tỷ năm 2013 xuống còn gần 27 nghìn tỷ năm 2014 do trong năm Công ty mẹ không thực hiện đầu tư mới và trích khấu hao làm giảm giá trị tài sản trong quá trình sử dụng (đồng thời giảm dư nợ gốc vay do Tổng Công ty thực hiện trả nợ theo đúng lịch cam kết). Năm 2015, Công ty mẹ nhận bàn giao Nhà máy điện Vũng Áng 1 nên tổng tài sản tăng lên trên 50 nghìn tỷ đồng. Năm 2016, tổng tài sản giảm do khấu hao TSCĐ trong quá trình sử dụng.

**Cơ cấu tài sản**: Tương tự với hợp nhất Tổng Công ty, trong giai đoạn 2013-2015, tài sản dài hạn của Công ty mẹ PV POWER chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng tài sản, trung bình chiếm 65% tài sản. Tại thời điểm 31/12/2015, do Công ty mẹ mới nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1, tài sản dài hạn (trong đó chủ yếu là tài sản cố định) tăng nhanh chóng và tỷ trọng trong tổng tài sản tăng lên mức 83%.

**Cơ cấu nguồn vốn**: Các nhà máy điện của PV POWER đã đi vào hoạt động ổn định và thực hiện trả nợ gốc hàng năm tương đối ổn định, góp phần giảm tỷ trọng nợ trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty mẹ. Đến cuối năm 2014, tổng vay nợ của Công ty mẹ chỉ còn 9.682 tỷ đồng, trong đó vay và nợ dài hạn là 7.758 tỷ đồng. Ảnh hưởng của việc nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1 làm cho vay nợ của Công ty mẹ tăng mạnh vào thời điểm 31/12/2015, tổng vay nợ là 21.152 tỷ đồng, chiếm 42% tổng nguồn vốn của Công ty mẹ. Trong năm 2016, Tổng Công ty tiếp tục trả các khoản nợ đến hạn nên tổng vay nợ giảm xuống còn 19.759 tỷ đồng chiếm 39% tổng nguồn vốn của Công ty mẹ.

**Tăng trưởng vốn chủ sở hữu:** Vốn CSH tăng mạnh trong năm 2015 do nhận bàn giao NMĐ Vũng Áng 1. Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 5/2/2016 về việc chấp thuận bàn giao tài sản nhà máy Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho Tổng Công ty, PVN tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty là 8.666.971.957.266 đồng.

*3.3.2. Các chỉ số hoạt động Công ty mẹ*

**Bảng 23: Các chỉ số hoạt động của Công ty mẹ PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Vòng quay phải trả người bán (vòng) | 6,65 | 7,21 | 6,70 | 7,46 |
| Vòng quay phải thu khách hàng (vòng) | 2,14 | 5,65 | 5,65 | 4,44 |

**Về các khoản phải thu**: Phải thu khách hàng của PV POWER chủ yếu là từ Công ty Mua bán điện, chiếm 90% các khoản phải thu và có xu hướng giảm dần qua các năm từ 3.037 tỷ đồng năm 2013 giảm xuống 2.672 tỷ đồng năm 2014 và 2.497 tỷ đồng năm 2015. Năm 2016, phải thu tăng mạnh lên mức 5.718 tỷ đồng chủ yếu do tăng công nợ phải thu tiền điện của NMĐ Vũng Áng. Vòng quay phải thu của Công ty mẹ duy trì ở mức cao, Tổng Công ty không bị chiếm dụng vốn nhiều.

**Về các khoản phải trả**: Phải trả khách hàng của PV POWER chủ yếu đến từ chi phí mua khí. Vòng quay phải trả của PV POWER xấp xỉ vòng quay phải thu nên Tổng Công ty có thể dùng các nguồn tiền về từ doanh thu để trả chi phí mà không cần vay nợ vốn lưu động.

*3.3.3. Hoạt động vay nợ Công ty mẹ*

**Biểu đồ: Số liệu nợ phải trả của Công ty mẹ PV POWER 2013-2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

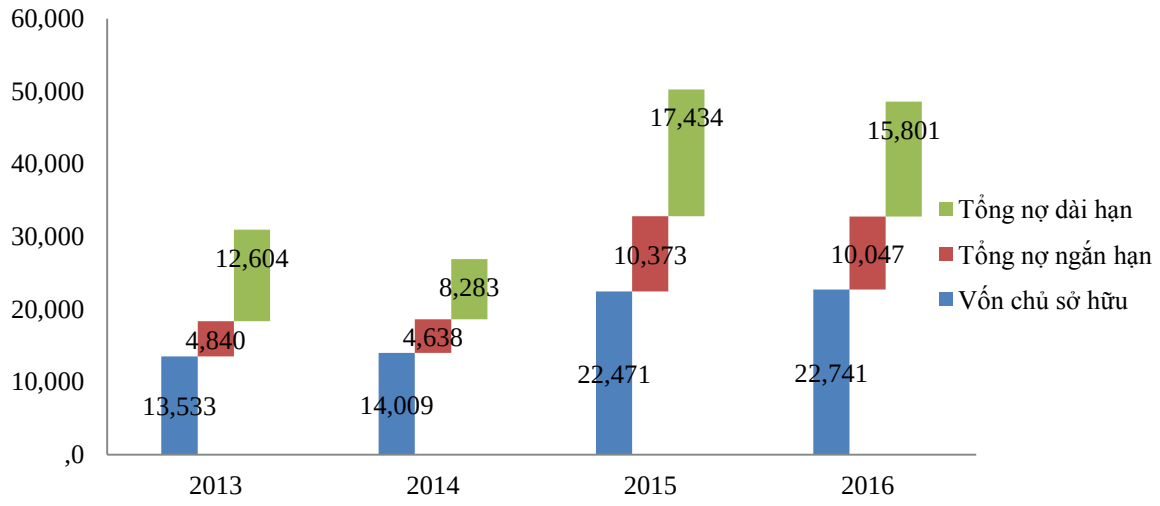


*Nguồn:Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ PV POWER*

Vay và nợ dài hạn của PV POWER xuất phát từ việc tài trợ cho việc đầu tư, phát triển các dự án nhà máy điện. Các khoản vay nợ này hầu hết là bằng ngoại tệ, nên biến động của tỷ giá ngoại tệ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Các nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1 do không cần trả trước chi phí nhiên liệu nên không phát sinh nhu cầu vay vốn lưu động. Do đó, 4.066 tỷ đồng nợ ngắn hạn cuối năm 2016 chỉ bao gồm toàn bộ các khoản nợ dài hạn đến thời hạn thanh toán định kỳ.

**Bảng 24: Các chỉ số nợ của Công ty mẹ PV POWER**

| Chỉ số nợ (lần) | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Nợ/ Tổng tài sản | 0,56 | 0,48 | 0,55 | 0,53 |
| Nợ/ Vốn chủ | 1,29 | 0,92 | 1,24 | 1,14 |
| Vay / Tổng tài sản | 0,47 | 0,36 | 0,42 | 0,41 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Vay/ Vốn chủ | 1,07 | 0,69 | 0,94 | 0,87 |

Các chỉ số nợ của PV POWER có xu hướng giảm do Tổng Công ty đang trong giai đoạn hoạt động ổn định, đầu ra được đảm bảo và có dòng tiền ổn định để thanh toán nợ. Năm 2015, các chỉ số có xu hướng tăng so với năm 2014 do phát sinh khoản vay từ NMĐ Vũng Áng tuy nhiên vẫn ở mức an toàn. Trong năm 2016, Tổng công ty đã thanh toán một phần nợ dài hạn nên các chỉ số đều giảm so với năm 2015

**Khả năng thanh toán**

**Bảng 25: Các chỉ tiêu khả năng thanh toán Công ty mẹ PV POWER**

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Khả năng thanh toán tức thời (lần) | 1,17 | 0,94 | 0,41 | 0,29 |
| Khả năng thanh toán nhanh (lần) | 1,84 | 1,58 | 0,72 | 0,92 |
| Khả năng thanh toán hiện hành (lần) | 2,04 | 1,67 | 0,78 | 0,97 |

Khả năng thanh toán của PV POWER giảm dần trong giai đoạn 2013-2016 do Công ty mẹ có xu hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tài sản. Đặc biệt năm 2015, do nhận bàn giao NMĐ Vũng Áng, PV POWER phát sinh nghĩa vụ phải trả với PVN trên 2.909 tỷ đồng nên số dư vay nợ của Công ty mẹ tăng cao khiến các chỉ số thanh toán giảm mạnh. Trong năm 2016,Tổng Công ty đang duy trì các chỉ số ở mức tương đương với năm 2015.

**Bảng 26: Thông tin các hợp đồng vay nợ Công ty mẹ PV POWER**

| TT | Ngân hàng cho vay | Mục đích sử dụng | Trị giá vay | Ngày bắt đầu trả nợ | Ngày kết thúc trả nợ dự kiến | Dư nợ tại thời điểm 31/12/2016 | Đơn vị tính | Ghi chú | Bảo lãnh BTC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vay thương mại do HSBC làm đầu mối | Tài trợ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | 758.110.787 | 23/12/2011 | 14/04/2021 | 13.250.114 | USD | - Lãi suất LIBOR 6 tháng + 3,35%/năm, thanh toán cùng gốc vay 6 tháng/lần | Có Phí bảo lãnh 0,25% /năm trên dư nợ giảm dần |
| 2 | Vay ECA của JBIC/ SMBC (Trance A) | | 57.502.500 | 25/07/2013 | 25/01/2023 | 51.116.252,5 | USD | - Khoản Trance A: Lãi suất cố định 6,070%/năm, thanh toán cùng gốc vay 6 tháng/lần.<br>- Khoản Trance B: Lãi suất LIBOR 6 tháng+ 1%/năm thanh toán cùng gốc vay 6 tháng/lần | |
| 3 | Vay ECA Ngân Hàng do HSBC làm đầu mối | | 34.073.100 | 04/09/2014 | 23/10/2023 | 22.212.177,59 | USD | - Lãi suất LIBOR 6 tháng + 2,4%/năm, thanh toán cùng gốc vay 6 tháng/lần | |
| | | | 52.173.000 | 22/10/2014 | 23/10/2023 | 35.800.556,62 | USD | - Lãi suất LIBOR 6 tháng + 2,4%/năm, thanh toán cùng gốc vay 6 tháng/lần | |
| | | | 60.032.482 | 22/04/2014 | 30/09/2025 | 37.821.980,99 | USD | Lãi suất LIBOR 6 tháng + 1,1%/năm, thanh toán cùng gốc vay 6 tháng/lần | |
| 4 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt | Phục vụ dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 | 270.000.000 | 16/10/2009 | 16/10/2019 | 81.834.628,2 | USD | - Khoản cam kết 1: Lãi suất bằng Lãi suất tiết kiệm 6 tháng tại Vietcombank, Vietinbank, Agribank cộng | Có |

| TT | Ngân hàng cho vay | Mục đích sử dụng | Trị giá vay | Ngày bắt đầu trả nợ | Ngày kết thúc trả nợ dự kiến | Dư nợ tại thời điểm 31/12/2016 | Đơn vị tính | Ghi chú | Bảo lãnh BTC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nam | | | | | | | 1,7%/năm.<br>- Khoản cam kết 2: Lãi suất bằng Lãi suất tiết kiệm 12 tháng tại Vietcombank, Vietinbank, Agribank cộng 2,5%/năm. Gốc vay được trả làm 20 lần bằng nhau, 6 tháng/lần. | |
| 5 | Ngân hàng Calyon | Thực hiện dự án Nhà máy Điện Cà Mau 2 (nhận ủy quyền thanh toán từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) | 116.250.000 | 26/06/2009 | 27/12/2018 | 23.250.000 | USD | - Khoản vay 1: Lãi suất 4,14%/năm, thanh toán cùng gốc vay trong 16 lần, 6 tháng/lần từ 26/06/2009.<br>Phí cam kết 0,08%/năm trên số gốc vay không sử dụng.<br>Phí quản lý 97.500 USD.<br><br>- Khoản vay 2: Lãi suất 5,9%/năm, thanh toán cùng gốc vay trong 20 lần, 6 tháng/lần từ 26/06/2009. | Có<br>Phí bảo lãnh 0,25%/năm trên dư nợ giảm dần |
| 6 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) | Tài trợ dự án nâng công suất Nhà máy Điện Nhơn | 76.200 | 15/10/2016 | 15/10/2024 | 51.328 | Triệu đồng | Lãi suất năm đầu: 7%/năm<br>Lãi suất năm 2: 7,5%<br>Lãi suất năm 3 trở đi: Lãi suất tiết kiệm 12 tháng tại SHB + 1,5%. | Không |

| TT | Ngân hàng cho vay | Mục đích sử dụng | Trị giá vay | Ngày bắt đầu trả nợ | Ngày kết thúc trả nợ dự kiến | Dư nợ tại thời điểm 31/12/2016 | Đơn vị tính | Ghi chú | Bảo lãnh BTC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Trạch 1 | | | | | | Lãi vay thanh toán 6 tháng/lần cùng gốc vay. | |
| 7 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) | Nhận chuyển giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 từ Tập Đoàn | 2.000.000 | 30/05/2017 | 30/11/2028 | 870.783 | Triệu đồng | Lãi suất 2 năm đầu: 8%/năm<br>Lãi suất năm 3 trở đi: Lãi suất tiết kiệm bình quân Vietcombank, Vietinbank, Agribank, SHB 12 tháng trả sau + 2,15%.<br>Lãi vay thanh toán 6 tháng/lần cùng gốc vay. | Không |
| 8 | Ngân hàng TMCP Đại Chúng (Pvcombank) | Nhận chuyển giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 từ Tập Đoàn | 2.038.298 | 09/02/2017 | 09/08/2028 | 2.038.298 | Triệu đồng | Lãi suất năm đầu: 8%/năm<br>Lãi suất năm 2 trở đi: Lãi suất tiết kiệm bình quân Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank, Pvcombank 12 tháng trả sau + 2,35%.<br>Lãi vay thanh toán 6 tháng/lần cùng gốc vay. | Không |

*Nguồn: PV POWER*

**Bảng 27: Dự kiến lịch trả nợ các khoản vay dài hạn của PV POWER (cập nhật đến 31/12/2016)**

| Năm | Công ty mẹ | | | | Công ty con | | | | | | Tổng cộng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vũng Áng 1 | | Nhơn Trạch 1 | Cà Mau 1&2 | Nhơn Trạch 2 | | | Đakđrinh | Hủa Na | Bắc Kạn | | | |
| | Tr.USD | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tr.USD | Tr.USD | Tr.EURO | Tỷ đồng | Tr.USD | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tr.USD | Tr.EUR | Tỷ đồng |
| 2017 | 129,1 | 242,4 | 6,4 | 38,9 | 22,5 | 20,5 | 46,8 | 19,8 | 186,0 | 4,9 | 210,3 | 20,5 | 486,50 |
| 2018 | 129,1 | 242,4 | 6,4 | 38,9 | 22,5 | 20,5 | 46,8 | 19,8 | 381,9 | 4,9 | 210,3 | 20,5 | 682,40 |
| 2019 | 129,1 | 242,4 | 6,4 | 27,3 | 22,5 | 20,5 | 46,8 | 19,8 | 443,0 | 4,9 | 198,7 | 20,5 | 743,50 |
| 2020 | 129,1 | 242,4 | 6,4 | | 22,5 | 20,5 | 46,8 | 19,8 | 454,0 | 4,9 | 171,4 | 20,5 | 754,50 |
| 2021 | 75,0 | 242,4 | 6,4 | | 11,0 | 9,2 | 46,8 | 19,8 | 444,4 | 2,5 | 105,8 | 9,2 | 742,50 |
| 2022 | 20,8 | 242,4 | 6,4 | | | | 46,8 | 19,8 | 422,1 | 0,0 | 40,6 | | 717,70 |
| 2023 | 14,5 | 242,4 | 6,4 | | | | | 19,8 | 128,7 | | 34,3 | | 377,50 |
| 2024 | 4,3 | 242,4 | 6,4 | | | | | 9,9 | 106,2 | | 14,2 | | 355,00 |
| 2025 | 3,2 | 242,4 | | | | | | | 40 | | 3,2 | | 282,40 |
| 2026 | | 242,4 | | | | | | | 25 | | | | 267,40 |
| 2027 | | 242,4 | | | | | | | | | | | 242,40 |
| 2028 | | 242,4 | | | | | | | | | | | 242,40 |

*Nguồn: PV POWER*

*3.3.4. Hoạt động đầu tư tài chính Công ty mẹ*

**Bảng 28: Các khoản đầu tư tài chính của PV POWER năm 2016**

| TT | Nhóm doanh nghiệp | Số lượng đơn vị | Giá trị đầu tư (tỷ đồng) | Tỷ trọng | Lợi nhuận được chia năm 2016 (tỷ đồng) | Tỷ suất lợi nhuận/ giá trị vốn đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty con | 6 | 4.906 | 85,54% | 575 | 11,7% |
| 2 | Công ty liên kết | 3 | 392 | 6,84% | | |
| 3 | Công ty đầu tư tài chính dài hạn | 9 | 437 | 7,62% | | |
| | **Tổng cộng** | **18** | **5.735** | **100%** | **575** | |

*Nguồn: PV POWER*

Các khoản cổ tức PV POWER nhận được trong năm 2016 hơn 575 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là từ Nhơn Trạch 2.

**Bảng 29: Danh mục đầu tư Công ty con của PV POWER năm 2016**

| Tên Công ty | Giá trị đầu tư (tỷ đồng ) |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 1.692 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na | 1.899 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh | 968 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 77 |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn | 81 |
| Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí | 189 |
| **Tổng cộng** | **4.906** |

*Nguồn: PV POWER*

**Bảng 30: Hiệu quả hoạt động tại các Công ty con của PV POWER giai đoạn 2013-2016**

| TT | Công ty | Năm 2013 | | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | ROE | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | ROE | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | ROE | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | ROE |
| 1 | Nhơn Trạch 2 | 8 | 0% | 1.591 | 37,5% | 1141 | 23,9% | 1.085 | 22,1% |
| 2 | Hủa Na | 58 | 2.5% | 2 | 0,1% | (118) | - | (51) | - |
| 3 | Đakđrinh | 0,12 | 0,01 | 2,5 | 0,24% | (27) | - | 88 | 8,2% |
| 4 | Bắc Kạn | (3) | - | (2) | - | 0,2 | 0,31% | 0,17 | 0,23% |
| 5 | PVPS | 23 | 12,7% | 30 | 13,1% | 25 | 12,8% | 25 | 13,1% |
| 6 | PV Machino | 3 | 0,8% | 13 | 3,2% | 15 | 3,3% | 25 | 5,6% |

*Nguồn: PV POWER*

Trong 6 Công ty con của PV POWER, Nhơn Trạch 2, PVPS và PVMachino đạt mức sinh lời tốt, đặc biệt là Nhơn Trạch 2. Ba Công ty này chiếm 40% giá trị đầu tư của PV POWER vào công ty con, 60% giá trị đầu tư còn lại có hiệu quả sinh lời thấp do đó cũng không có cổ tức chi trả về cho Công ty mẹ, ảnh hưởng đến ROE của Công ty mẹ.

**Bảng 31: Giá trị cổ tức từ các Công ty con**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Tên Công ty | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Nhơn Trạch 2 | - | 80 | 455 | 555,5 |
| PVPS | 10 | 20 | | 11,8 |
| PV Machino | | | | 7,9 |

*Nguồn: PV POWER*

**Bảng 32: Chi tiết danh mục đầu tư tài chính của PV POWER năm 2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chi tiết | Hiện trạng | Giá trị đầu tư | Đánh giá lại giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| **Công ty liên kết** | | | | |
| Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến | Năm 2015 lỗ 161 tỷ đồng, lỗ lũy kế 215 tỷ đồng. | 302,30 | 273,93 | (28,37) |
| Công ty CP Thủy điện Sông Vàng | Năm 2015 lãi 5,9 tỷ đồng, lỗ lũy kế 94 tỷ đồng. | 57,13 | 17,28 | (39,85) |
| Công ty CP Năng lượng Sông Hồng | Năm 2015 lãi 2,1 tỷ đồng, lỗ lũy kế 11,7 tỷ đồng. | 32,89 | 31,38 | 1,51 |
| **Đầu tư tài chính dài hạn** | | | | |
| CTCP Điện Việt Lào | Năm 2015 lãi 357tỷ đồng | 320,05 | 378,29 | 58,24 |
| CTCP Đầu tư & Phát triển điện Tây Bắc | Năm 2015 lỗ 12,9 tỷ đồng, lỗ lũy kế 305 tỷ đồng. | 38,04 | 5,73 | (32,31) |
| CTCP Thủy điện Sông Tranh 3 | Đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án, dự kiến năm 2016 vận hành thương mại.<br>Năm 2015 lỗ 627 triệu đồng, lỗ lũy kế 2,8 tỷ đồng. | 29,34 | 29,10 | (0,24) |
| CTCP EVN Quốc tế | Năm 2015 lãi 359 triệu đồng. | 28,80 | 29,41 | 0,61 |

| Chi tiết | Hiện trạng | Giá trị đầu tư | Đánh giá lại giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí | Năm 2015 lỗ 3,2 tỷ đồng, lỗ lũy kế 294 tỷ đồng. | 18,20 | 0,02 | (18,18) |
| CTCP Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam | Năm 2015 lãi 6,3 tỷ đồng. | 10,10 | 10,10 | |
| CTCP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà | Đang làm thủ tục phá sản | 1,23 | 1,23 | |
| CTCP Cơ điện Dầu khí | Năm 2015 lãi 36 triệu đồng | 1 | 1,09 | 0,09 |
| Công cy Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương | Đang làm thủ tục phá sản | 0,55 | 0.55 | |
| **Tổng cộng** | | **839,63** | **726,56** | **(113,07)** |

*Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp để CPH do AASC cung cấp*

**4. Nguồn nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh**

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất điện của PV POWER là khí khô và than. Thuận lợi lớn nhất của Tổng Công ty là nguồn khí cho sản xuất do các đơn vị trong PVN cung cấp gần với Nhà máy. Ngoài ra, PV POWER cũng có PV POWER Coal tìm kiếm các nguồn than nhập khẩu, thực hiện giao nhận than cho các nhà máy điện than của Tổng Công ty.

***4.1. Khí***

Nhiên liệu chính cho các nhà máy điện khí của PV POWER, bao gồm Điện Cà Mau 1&2, Điện Nhơn Trạch 1, Điện Nhơn Trạch 2 là khí thiên nhiên, được cung cấp bởi PVN và PVGas thông qua hệ thống đường ống kéo dài từ mỏ khí ngoài biển đến nhà máy chế biến, sơ chế khí trước khi đến trực tiếp nhà máy và được sử dụng tại đây.

Một số chỉ tiêu của nguồn khí đầu vào và hợp đồng khí PV POWER đã ký:

**Bảng 33: Chỉ tiêu của nguồn khí đầu vào và hợp đồng khí PV POWER đã kí**

| | Cà Mau 1 & 2 | Nhơn Trạch 1 | Nhơn Trạch 2 |
|---|---|---|---|
| Mức tiêu thụ khí | 1,5 tỷ $m^3$ | 550-650 triệu $m^3$/năm | 840 triệu $m^3$ với sản lượng điện thiết kế 5 tỷ kWh |
| Nguồn khí | Lô PM3-CAA và Lô 46 Cái Nước | Từ bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn | |
| Đường ống dẫn | Thông qua hệ thống vận chuyển và phân phối khí PM3 - Cà Mau. | Khí được khai thác từ bể khí Cửu Long được vận chuyển đến nhà máy xử lý khí | |

| | Cà Mau 1 & 2 | Nhơn Trạch 1 | Nhơn Trạch 2 |
|---|---|---|---|
| khí | Được vận hành từ năm 2007, có đường ống dài 330 km với công suất 2 tỉ $m^3$/năm gồm có đường ống ngoài khơi dài 300 km vận chuyển khí được khai thác từ các Lô PM3-CAA & Lô 46 Cái Nước, và đường ống trên bờ dài 30 km đưa khí về Trung tâm phân phối khí Cà Mau .<br>Trung tâm phân phối khí Cà Mau có nhiệm vụ tiếp nhận khí từ hệ thống khí PM3 và Lô 46 Cái Nước để phân phối tới các hộ tiêu thụ là Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy Đạm Cà Mau và Nhà máy xử lý khí Cà Mau (dự kiến vận hành thử từ tháng 4/2017). | Dinh Cố theo đường ống Sư Tử Vàng – Rạng Đông – Bạch Hổ - Long Hải – Dinh Cố. Sau đó, khí đã qua xử lý được vận chuyển từ Dinh Cố đến Trung tâm phân phối Khí Phú Mỹ.<br>Khí được khai thác từ Nam Côn Sơn cũng được vận chuyển đến nhà máy xử lý khí Dinh Cố qua đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn, sau đó được vận chuyển đến Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ.<br>Từ trung tâm phân phối khí Phú Mỹ, khí được vận chuyển đến các nhà máy điện Nhơn Trạch 1 & 2 qua tuyến đường ống Phú Mỹ - Nhơn Trạch – Hiệp Phước có chiều dài 71,1km. | |

Thời gian vừa qua, PV POWER đã gặp phải một số khó khăn do nguồn khí thường xuyên bị gián đoạn, hụt áp làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của 2 nhà máy điện Cà Mau. Năm 2014, đã xảy ra 34 sự cố, 234 lần giảm áp do áp suất khí giảm. Năm 2015 xảy ra 43 sự cố khí, 368 lần giảm áp do áp suất khí giảm. Trong thời gian tới, hoạt động của Nhà máy Cà Mau 1&2 có thể gặp khó khăn hơn nữa do phải tìm kiếm thêm nguồn cung cấp khí mới bổ sung.

**Bảng 34: Các Hợp đồng mua bán khí đã ký kết**

| Nhà máy | Cà Mau 1&2 | Nhơn Trạch 1 |
|---|---|---|
| Nhà cung cấp | PVN<br>(PVN ký Hợp đồng mua bán khí thượng nguồn PM3 CAA với Petronas và các nhà thầu HĐCSP Lô 46 Cái nước) | PVGas |
| Hợp đồng | Đã kí hợp đồng khí cho hết vòng đời dự án với PVN, hợp đồng số 8679/HĐ-DKVN ngày 06/11/2012 | Đã kí hợp đồng khí cho hết vòng đời dự án với PVGas, hợp đồng số 45/HDKT-DLDK ngày 04/06/2008. |
| Giá hợp đồng | Giá khí neo vào giá dầu FO tại thị trường Singapore và cộng thêm phí | Từ ngày 12/1/2016, chính sách giá khí theo văn bản số 256/VPCP-KTTH |

| Nhà máy | Cà Mau 1&2 | Nhơn Trạch 1 |
|---|---|---|
| | vận chuyển<br>Giá khí theo hợp đồng:<br>P=Pn+Tp<br>Trong đó:<br>P: Giá khí hợp đồng, chưa bao gồm VAT và các loại thuế gián thu khác, được tính bằng USD/GJ tại điểm giao khí<br>Pn: giá khí tại mỏ, với Pn=0,46Pm và Pm được xác định căn cứ vào giá dầu FO trung bình tại Singapore<br>Tp: Cước phí vận chuyển và phân phối khí (USD/GJ) | của VPCP được áp dụng. Theo đó, giá khí bán cho hộ tiêu thụ sẽ bằng giá khí thị trường nhưng không thấp hơn giá khí tại mỏ. Giá khí tại mỏ của từng nguồn khí được quy định tại BS 08 của Hợp đồng mua bán khí cho NMĐ Nhơn Trạch 1.<br>Giá khí thị trường neo vào giá dầu FO tại thị trường Singapore, cộng thêm phí vận chuyển.<br>• Giá khí thị trường từ nguồn khí Nam Côn Sơn và Hải Thạch - Mộc Tinh được tính theo công thức:<br>P = 46%MFOC + Tp + Dp<br>Trong đó:<br>P: Giá khí bán tại thời điểm giao khí, chưa bao gồm VAT, USD/mmBTU<br>MFOC: Giá dầu FO trung bình tại thị trường Singapore trong tháng, USD/mmBTU<br>Tp: Cước phí vận chuyển NCSP hiện hành USD/mmBTU (chưa VAT)<br>Dp: Cước phí Phú Mỹ - Nhơn Trạch hiện hành được tính bằng 0,52 USD/MMBTU từ ngày 01/01/2012, trượt giá 2% mỗi năm (chưa VAT)<br>• Giá khí thị trường từ mỏ Thiên Ưng Đại Hùng được tính theo công thức:<br>PTƯ-ĐH = 46%MFOC + TpTƯ-ĐH+ Dp<br>Trong đó: |

| Nhà máy | Cà Mau 1&2 | Nhơn Trạch 1 |
|---|---|---|
| | | PTƯ-ĐH=Giá Khí Mỏ Thiên Ưng và/hoặc Giá Khí Mỏ Đại Hùng bán tại Điểm Bán Khí, chưa bao gồm VAT, được tính toán tại Điểm Bán Khí bằng USD/MMBTU.<br>TpTƯ-ĐH=Cước phí vận chuyển và xử lý khí Mỏ Thiên Ưng và Mỏ Đại Hùng được tính theo đơn vị USD/MMBTU (chưa bao gồm VAT)<br>Dp=Cước Phí Phú Mỹ - Nhơn Trạch Hiện Hành, được tính bằng 0,52 USD/MMBTU từ ngày 01/01/2012 và trượt giá 2%/năm (chưa bao gồm VAT) |

***4.2. Than***

- Than cho NMĐ Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 3,2 triệu tấn/năm, được lấy từ các mỏ than tại tỉnh Quảng Ninh, được vận chuyển bằng đường biển đến cảng nhập than của Nhà máy. Ngoài ra, Nhà máy cũng nhập một phần bằng đường bộ.
- Cảng nhập than được thiết kế cho tàu có trọng tải đến 30.000 tấn. Than từ cảng than qua các thiết bị bốc dỡ than kiểu trục vít có công suất 1.200 tấn/h và được vận chuyển vào kho than hở thông qua hệ thống băng tải than và máy đánh đống hoặc vận chuyển trực tiếp lên các bunker than để cấp vào lò.
- Than từ kho than được phối trộn qua các máy phá đống than kiểu lưỡi cào, hệ thống băng tải than, tháp chuyển và cấp lên bunker thông qua hệ thống rót than vào bunker.
- Trên các thiết bị băng tải than có lắp các thiết bị tách sắt và vật liệu từ tính, cân than, giám sát độ ẩm, hệ thống lấy mẫu than để giám sát chất lượng than nhập.
- Dung tích kho than được thiết kế đảm bảo đủ chứa than cho khoảng 30 ngày vận hành, bunker than đủ chứa than cho 8 tiếng vận hành liên tục.
- Năm 2016, PV POWER tiếp nhận hợp đồng mua bán than giữa Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng – Quảng Trạch và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam số 09/HĐ/TKV-VQPP ngày 13/1/2016.
- Năm 2017, PV POWER đã thực hiện đàm phán và ký kết Hợp đồng mua bán than với Vinacomin để cung cấp nguyên liệu vận hành cho Nhà máy Vũng Áng 1.

- Đối với NMNĐ Thái Bình 2, hiện đang thuộc sở hữu và quản lý của PVN. PVN đã ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp than dài hạn với Vinacomin để đảm bảo nguồn than cho Nhà máy Thái Bình 2.

**Bảng 35: Các Hợp đồng than đã ký kết**

| **Thông tin** | **Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1** |
|---|---|
| Nhà cung cấp | Vinacomin |
| Sản phẩm | Than cám 5HG, 5VD, 5 UB (tử năm 2017, chỉ gọi chung là than 5a1)<br>Mua 3,4 – 3,6 triệu tấn/ năm |
| Số hợp đồng | Hợp đồng số 69 HĐNT/Vinacomin-PVN ngày 30/9/2010;<br>Hợp đồng số 84 HĐ/Vinacomin-VQPP ngày 25/10/2013;<br>Hợp đồng số 371 HĐ/Vinacomin-VQPP ngày 21/5/2013;<br>Hợp đồng số 09 HĐ/TKV-VQPP ngày 13/1/2016;<br>Hợp đồng số 01 HĐ/TKV-PV POWER ngày 5/1/2017 |
| Giá hợp đồng | Giá than sẽ được thỏa thuận cụ thể trong các hợp đồng mua bán hàng năm. Tuy nhiên, công thức chung để tính giá than như sau: Giá than giao tại cảng than của Vũng Áng = Giá bán trong nước tại các cảng xếp hàng của TKV+Cước vận chuyển + Phí bảo hiểm + Hao hụt + Chi phí tổ chức điều hành giao than + (VAT) |

### *4.3. Dầu*

- Đối với Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: Dầu HFO là nhiên liệu được sử dụng khi khởi động nhà máy hoặc khi nhà máy hoạt động ở tải thấp (dưới 30% chỉ đốt dầu, từ 30-60% thì đốt kèm than, dầu). Hàng năm, theo dự kiến thì Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 14.000 tấn dầu FO 2B.
- Đối với nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1: trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn, dầu Diesel có thể được sử dụng làm nhiên liệu thay thế.

**Bảng 36: Các Hợp đồng dầu đã ký kết**

| **Thông tin** | **Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1** | **Vũng Áng 1** |
|---|---|---|
| Nhà cung cấp | PVOil<br>PVOil Sài Gòn<br>PVOil Vũng Tàu | PVOil<br>PVOil Vũng Áng |
| Số Hợp đồng | Hợp Đồng cung cấp nhiên liệu dầu DO cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1 năm 2016: | - Hợp Đồng cung cấp nhiên liệu dầu DO/FO cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2016 số |

| | | |
|---|---|---|
| | - Số: 04/HĐ/PVP.TM-PVOil/2016/HH ngày 02/02/2016;<br>- Số 05/HĐ/PVP.TM-PVOILSG/2016/HH;<br>- Số 06/HĐ/PVP.TM-PVOILVT/2016/HH | 02/HĐ/PVP.TM-PVOilVa/2016/HH Ngày 02/02/2016<br>- Hợp đồng 03/HĐ/PVP.TM-PVoil/2016/HH |
| Giá hợp đồng | Giá dầu được quy định tại phụ lục hợp đồng căn cứ trên giá chào của nhà cung cấp được PV POWER phê duyệt trúng thầu. | |

**5. Hoạt động bảo trì, sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện**

Hoạt động kiểm tra, bảo trì, sửa chữa định kỳ (O&M) các Nhà máy điện là công tác vô cùng quan trọng trong việc quản lý, vận hành các Nhà máy điện, đảm bảo Nhà máy hoạt động sản xuất an toàn và hiệu quả. Các nhà máy thực hiện công tác Tiểu tu, Trung tu, Đại tu theo lịch trình thiết lập ngay từ khi bắt đầu vận hành.

Ngoài việc bảo trì, sửa chữa, việc kiểm tra thay thế các vật tư, thiết bị cũng là phần quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các Nhà máy do có thể làm gián đoạn hoạt động và chi phí lớn. Chi phí O&M cho các nhà máy được trích trước theo kế hoạch nhằm tránh ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp. Trong các Hợp đồng O&M, PV POWER Services chủ yếu thực hiện các công việc sửa chữa nhỏ. Đối với các dịch vụ liên quan đến thiết bị gốc và phần vật tư máy móc thay thế, phần lớn vẫn do các nhà cung cấp thiết bị gốc (OEM) thực hiện, với giá trị lớn, chiếm khoảng 75% giá trị Hợp đồng.

Một số nội dung chính của Hợp đồng O&M đã ký kết của PV POWER như sau:

***Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Cà Mau 1&2:***

- Tên hợp đồng: Hợp đồng bảo trì sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1&2 trong 100.000 EOH đầu tiên (EOH là giờ vận hành tương đương), tương đương khoảng 12 năm.
- Nhà thầu gồm có:
  - Liên danh Siemens AG (Đức) và Siemens Ltd (Việt Nam): Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ khối thiết bị chính bao gồm tuabin khí, tuabin hơi và máy phát của 2 nhà máy.
  - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam: Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ các thiết bị còn lại và thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên toàn bộ nhà máy.
- Ngày ký: 28/11/2008.
- Phạm vi công việc: Cung cấp nhân công, vật tư, máy thi công và các công việc cần thiết để thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ cho Nhà máy điện Cà Mau

1&2 trong 100.000 EOH đầu tiên (Riêng trách nhiệm cung cấp phần vật tư không mua từ Siemens đã được chuyển về Tổng Công ty từ năm 2011). Cụ thể:

- Sửa chữa thường xuyên: Thực hiện liên tục trong 12 năm
- Sửa chữa định kỳ:
    - Tuabin khí: Gồm 2 chu kỳ, mỗi chu kỳ 6 năm được quy định là A-A-B-A-A-C (trong đó: A-tiểu tu, B-trung tu, C-đại tu). Hiện đã thực hiện xong chu kỳ đầu tiên.
    - Tuabin hơi: Gồm 1 chu kỳ 12 năm được quy định là A-B-A-C (3 năm thực hiện 1 lần).
    - Các thiết bị còn lại (BOP): Thực hiện theo tài liệu OEM.

- Giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT): 351.983.567,31 EUR và 686.066.334.534 VNĐ, tương đường khoảng 9.000 tỷ đồng (tạm lấy tỷ giá 1 EUR = 26.000 VNĐ).
- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá, có điều chỉnh trượt giá.
- Toàn bộ giá trị hợp đồng và công thức điều chỉnh trượt giá đã được đàm phán đưa vào trong giá điện của Hợp đồng PPA ký với EVN/EPTC.
- Cơ cấu giá hợp đồng (tính theo giá hợp đồng năm cơ sở):
    - Phần dịch vụ PV POWER Services: ~ 1.300 tỷ đồng (12%)
    - Phần dịch vụ Siemens (bao gồm vật tư): ~ 7.000 tỷ đồng (80%)
    - Phần vật tư không mua từ Siemens:~ 700 tỷ đồng (8%)
- Hình thức thanh toán:
    - Thanh toán cho Siemens hàng quý, gồm phí cố định và phí biến đổi, với đơn giá tại thời điểm gốc như sau:
        - Phí thanh toán cho Siemens hàng quý
        - Phí thanh toán cho Siemens hàng quý, gồm phí cố định và phí biến đổi
    - Thanh toán cho PV POWER Services:
        - Sửa chữa thường xuyên: Thanh toán trọn gói theo quý.
        - Sửa chữa định kỳ: Thanh toán trọn gói theo khối lượng hoàn thành.

***Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:***

- Tên Hợp đồng: Hợp đồng số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04/08/2010, ký kết với PV POWER Services.
- Phạm vi công việc: Bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, bảo trì, sửa chữa định kỳ (đến năm 2020), cho Gas turbine, Steam turbine, Lò thu hồi nhiệt HRSG, Máy phát generator, Hệ thống thiết bị điện, thiết bị đo lường và điều khiển I&C, Hệ thống thiết bị phụ trợ BOP.

- Giá hợp đồng (Theo đơn giá, có điều chỉnh trượt giá):
  - EUR 115.104.610
  - Và VND 508.067.920.553
  - Tương đương VND 3.500 tỷ đồng (1 EUR = 26.000 VND)
- Toàn bộ giá trị hợp đồng và công thức điều chỉnh trượt giá đã được đàm phán đưa vào trong giá điện của Hợp đồng PPA ký với EVN/EPTC.

***Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Vũng Áng 1***

Hiện nay hoạt động O&M cho Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang được thực hiện theo thỏa thuận ban đầu giữa PVN và PV POWER Services. PV POWER đang tiến hành đàm phán để ký kết Hợp đồng O&M chính thức cho Nhà máy.

*Lịch trình bảo trì, sửa chữa các Nhà máy của PV POWER*

**Bảng 37: Lịch trình bảo trì, sửa chữa các NMĐ của PV POWER**

| **Nhơn Trạch 1** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| EOH[7] | 9.000 | 18.000 | 27.000 | 36.000 | 45.000 | 54.000 | 63.000 | 72.000 | 81.000 | 90.000 | 99.000 | 108.000 |
| Turbine khí | A1 | B1 | A2 | C1 | A3 | B2 | A4 | C2 | A5 | B3 | A6 | C3 |
| Turbine hơi | | A1 | | B1 | | A2 | | C1 | | A3 | | B2 |
| Các thiết bị khác | Theo hướng dẫn của OEM | | | | | | | | | | | |

| **Cà Mau 1 & 2** | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Turbine khí | A1 | A2 | B1 | A3 | A4 | C1 | A5 | A6 | B2 | A7 | A8 | C2 |
| Turbine hơi | | | A | | | B | | | A | | | C |
| Các thiết bị khác | Theo hướng dẫn của OEM | | | | | | | | | | | |

[7] Số giờ vận hành quy đổi

## 6. Tình hình ký kết các Hợp đồng mua bán điện (PPA)

### *6.1. Nhà máy điện Cà Mau 1&2*

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1 và Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 2 số 01/ĐLDKCM-EVN-2008 ký ngày 08/01/2008 giữa Tập đoàn Điện lực Việt nam và Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Cà Mau. Thời hạn: 20 năm kể từ ngày vận hành kinh doanh. Một phần sản lượng điện (khoảng 20MW) của Nhà máy điện Cà Mau 2 được dành để bán cho Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung:
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 27/3/2009;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 29/12/2009;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 01/4/2011;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 30/12/2011.

### *6.2. Nhà máy điện Nhơn Trạch 1*

- Hợp đồng mua bán điện nhà máy Nhơn Trạch 1 Số 07/2012/ HĐ-NMĐ-NT1, ký ngày 09/7/2012. Hiệu lực từ ngày 01/5/2012 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.
- Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung:
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 29/5/2012;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 18/4/2014;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 09/1/2014;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 11/12/2015;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 ký ngày 31/12/2015;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06 ký ngày 19/11/2016;
  - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07 ký ngày 27/12/2016.

### *6.3. Nhà máy điện Vũng Áng 1*

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Vũng Áng 1 số 02/2016/HĐ-NMĐ-VA1, ký ngày 17/8/2016. Hợp đồng có hiệu lực từ 0h00 ngày 01/01/2016 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.

## 7. Công tác Nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ Khoa học – Công nghệ, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

### *7.1. Trình độ công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ*

- Trong các năm qua, PV POWER đã có nhiều hoạt động về nghiên cứu và ứng dụng Khoa học- Công nghệ, bao gồm: Liên kết, hợp tác với các Hội, đơn vị chuyên ngành điện như Hội Điện lực, Hội Năng lượng, Viện Dầu khí; Biên soạn các quy trình, quy chuẩn, trao đổi, học hỏi nâng cao khả năng trong công tác cố vấn, phản biện và thực hiện nghiên cứu khoa học; Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện về Khoa học công nghệ với Viện Dầu khí Việt Nam, Hội Điện lực Việt Nam; Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành điện tổ chức các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm.
- Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật (gọi chung là KHCN, SK) đã luôn được Tổng Công ty quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Đồng thời, PV POWER cũng có các chỉ thị kêu gọi phát huy sáng kiến, áp dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất kinh doanh. Do đó, hầu hết người sử dụng lao động và người lao động trong toàn Tổng Công ty đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác KHCN, SK trong tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện và quản lý hợp lý, hiệu quả.
- Bộ máy quản lý công tác KHCN, SK được tổ chức theo hệ thống thống nhất từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ và Hội đồng Sáng kiến các cấp với vai trò, nhiệm vụ cụ thể tương ứng từng cấp.
- Trong công tác KHCN, PV POWER đã tự thực hiện cũng như phối hợp với các đơn vị trong/ngoài ngành để thực hiện và phản biện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Một số đề tài nghiên cứu khoa học có ý nghĩa trực tiếp phục vụ công việc hiện tại như:
  - Nghiên cứu mô hình đào tạo lực lượng quản lý kỹ thuật, vận hành các nhà máy nhiệt điện than của Tổng Công ty.
  - Xây dựng quy tắc chuẩn hóa mã cơ sở dữ liệu thông tin kỹ thuật vật tư nhà máy điện.
  - Tính toán kiểm tra khả năng giải tỏa công suất của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng giai đoạn 2015-2016.
- PV POWER đã nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu năng sản xuất của các nhà máy như:Công nghệ phun sương nâng công suất; Sử dụng lược HEPA thay cho lược lọc F7; Áp dụng triệt để các giải pháp kỹ thuật hiện đại, xây dựng quy trình tin cậy đối với công tác O&M các Nhà máy điện; Làm chủ hoàn toàn công tác vận hành và một phần công tác sửa chữa các Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp.
- Đến nay, PV POWER đã có hàng trăm sáng kiến cấp cơ sở và 84 sáng kiến cấp Tổng Công ty, đóng góp một phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của

Tổng Công ty, cũng như trong công cuộc thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Nổi bật trong đó là sáng kiến "Hệ thống chống tạo bọt trước bơm làm mát". Một số sáng kiến có số tiền làm lợi lên đến 20 tỷ đồng như:

- Sáng kiến "Vệ sinh vòi đốt tuabin khí V94.3A bằng sóng siêu âm kết hợp với hóa chất" của tập thể cán bộ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Sáng kiến tận dụng điều kiện địa chất tối đa "Bỏ bê tông áo hầm dẫn dòng thi công" của tập thể cán bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

- Bên cạnh đó, PV POWER cũng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới nhất của IT vào quản lý, vận hành, sửa chữa để giảm chi phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác sản xuất kinh doanh.

***7.2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực***

- Để phát triển nguồn nhân lực, PV POWER tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực, kỹ năng trong giải quyết công việc, bao gồm các hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng công tác, đào tạo nâng bậc và tái đào tạo, đào tạo ngoại ngữ,…
- Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành cho các dự án Nhà máy điện đáp ứng được yêu cầu công việc góp phần vào việc tiếp nhận và quản lý vận hành các Nhà máy điện đảm bảo an toàn, hiệu quả. Từ năm 2012 đến năm 2015, PV POWER đã tổ chức triển khai tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành, bảo dưỡng cho các dự án Nhà máy điện do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ Tổng Công ty/ Đơn vị thành viên của Tổng Công ty làm chủ đầu tư với tổng số 616 cán bộ công nhân viên.
- Công tác đào tạo dự nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nhà máy điện được lãnh đạo PV POWER luôn quan tâm và chỉ đạo sát sao nhằm tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng có thể sử dụng kế thừa tại các dự án do PV POWER quản lý vận hành. PV POWER điều động cán bộ kỹ thuật nòng cốt tại các Nhà máy điện Cà Mau và Nhơn Trạch 1 để làm nòng cốt trong công tác đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy điện tại Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1…
- Công tác đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia: Đã xây dựng và triển khai Đề án đào tạo chuyên sâu tiến tới công nhận chuyên gia lĩnh vực vận hành bảo dưỡng Nhà máy điện cho 50 cán bộ kỹ thuật nòng cốt; Đề án đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nhập khẩu, xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng than với số lượng 27 cán bộ.

**8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

Qua 10 năm xây dựng và phát triển, bằng sự lao động, sáng tạo miệt mài của tập thể người lao động, đến nay PV POWER đã trở thành nhà cung cấp điện năng lớn thứ hai tại Việt Nam. Sự bổ sung các nguồn điện liên tục, ổn định với chất lượng cao từ các nhà máy nhiệt điện khí, thủy

điện và nhiệt điện than thời gian gần đây của PV POWER là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa lớn trong việc cung ứng đảm bảo ổn định điện cho toàn hệ thống lưới điện quốc gia. Đặc biệt trong các mùa khô liên tục các năm từ 2008 đến 2015, sự có mặt lần lượt của các Nhà máy Nhiệt điện khí Cà Mau 1 và 2 (năm 2007, 2008); Nhơn Trạch 1 (năm 2009); Nhơn Trạch 2 (năm 2011); thủy điện Hủa Na, Nậm Cắt, phong điện Phú Quý (năm 2012) và năm 2014 vừa qua là thủy điện Đăkrinh, NMĐ than Vũng Áng 1, đã khẳng định vị thế và vai trò của PV POWER trong ngành điện Việt Nam. Với công suất lắp đặt 4.214,5 MW (tính cả Nhà máy Phong điện Phú Quý mới chuyển giao cho EVN), bằng 11,5% công suất đặt cả nước và lũy kế sản lượng điện ổn định gần 20tỷ kWh/năm bằng gần 12% sản lượng toàn ngành là những con số đầy ý nghĩa, đánh giá và ghi nhận công lao của tập thể người lao động PV POWER.

Tổng quan về năng lực hoạt động của PV POWER như sau:

**Công suất lắp đặt:**

Tổng công suất lắp đặt tính đến cuối năm 2015 của PV POWER đạt 4.208,2 MW, trong tổng số 38.800 MW của toàn bộ các nhà máy tại Việt Nam. Trong khi đó, công suất lắp đặt của EVN và 3 Tổng Công ty trực thuộc là 23.580 MW, của Vinacomin Power 1.550 MW.

**Biểu đồ: Cơ cấu ngành điện Việt Nam theo công suất lắp máy (MW)**

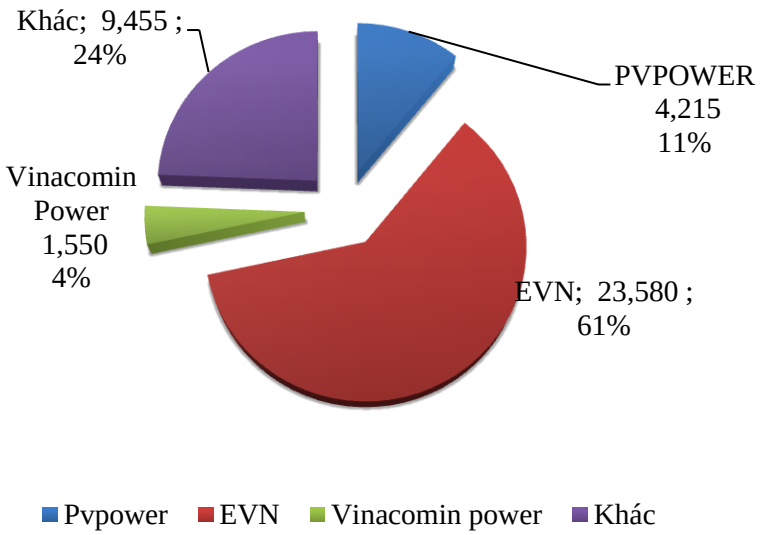


Như vậy, PV POWER hiện là đơn vị đứng thứ 2 về công suất lắp đặt của các nhà máy điện, chiếm hơn 11% tổng công suất lắp đặt của các nhà máy điện tại Việt Nam.

**Sản lượng điện sản xuất:**

**Bảng 38: Sản lượng điện sản xuất của PV POWER so với cả nước**

*Đơn vị: triệu kWh*

| Đơn vị sản xuất | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|---|---|---|---|---|---|
| PV POWER | 13.352 | 15.269 | 16.177 | 16.054 | 21.470 |
| Cả nước | 101.499 | 115.147 | 124.454 | 140.237 | 157.600 |

*Nguồn: PV POWER*

Về sản lượng điện sản xuất, năm 2015 PV POWER sản xuất được 21,47 tỷ kWh điện, chiếm 13,46% sản lượng điện cả nước.

Tính chung cho cả giai đoạn 2011-2015, PV POWER đã cung cấp cho thị trường 82,3tỷ kWh điện, chiếm 12,8% tổng sản lượng điện sản xuất trong thời gian này.

**Trình độ công nghệ:**

- PV POWER thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đầu năm 2015, Tổng Công ty đã tiếp nhận quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (công suất 2x600 MW) với công nghệ hiện đại, có công suất tổ máy lớn nhất Việt Nam hiện nay.
- Tất cả các nhà máy điện PV POWER đang quản lý vận hành đều sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đạt nhất vào thời điểm lắp đặt, thân thiện với môi trường. Là đơn vị đi đầu trong cả nước về lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, lực lượng cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện đang từng bước trưởng thành, làm chủ công nghệ, vận hành hiệu quả thiết bị máy móc hiện đại, dần dần thay thế nhà thầu nước ngoài trong sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và đã chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của PV POWER.

Tháng 6/2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2016-2020 và Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến 2035 của PV POWER (Nghị quyết số 4116/NQ-DKVN). Theo đó, định hướng phát triển của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam là bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở lấy công nghiệp điện khí là hướng phát triển chủ đạo, với lợi thế ngành để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khí; lựa chọn các dự án thích hợp để phát triển trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch phù hợp với chủ trương của Chính phủ, xu hướng của thế giới; đồng thời chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, cung ứng than và các dịch vụ khác có liên quan nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh cho lĩnh vực kinh doanh chính; tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực về môi trường sinh thái.

Bên cạnh đó, mục tiêu tổng quát của toàn Tổng Công ty cũng được xác định rõ: Xây dựng và phát triển PV POWER trở thành một Tổng Công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh; năng động và có năng lực cạnh tranh trong SXKD điện và cung cấp các sản phẩm dịch vụ liên quan, trong đó lấy sản xuất điện là trọng tâm hàng đầu. Không chỉ có vậy mà còn cần chủ động tích cực đầu tư phát triển nhiệt điện khí trên cơ sở chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn khí thiên nhiên; hợp tác với các đối tác, tham gia thực hiện các dự án thủy điện và nhiệt điện than được Chính phủ/Tập đoàn giao; xem xét nghiên cứu đầu tư đối với các dự án sử dụng năng lượng tái tạo nếu thực sự đạt hiệu quả đầu tư cao nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện trong một đơn vị chủ chốt của ngành điện. Thời gian tới, PV POWER sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ có liên quan để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện bao gồm: bảo trì bảo dưỡng, cung ứng than đảm bảo nguồn than cho các nhà máy điện của ngành điện lực dầu khí,… phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Đồng thời, Tổng Công ty sẽ phát huy tối đa nội lực, thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển các nhà máy điện của Tổng Công ty; tận dụng tối đa mọi nguồn lực, lựa chọn và đầu tư các nhà máy điện có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường để duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh dài hạn.

**9. Những thuận lợi, khó khăn tác động đến hoạt động của Tổng Công ty trước cổ phần hóa:**

**Thuận lợi:**

- Là đơn vị hoạt động thuộc một trong năm lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn trong mọi hoạt động của Tổng Công ty, được sự hỗ trợ về việc thu xếp vốn cho các dự án, công ty thành viên;
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - Công ty, với quy mô lớn, bao gồm các Công ty con có tư cách pháp nhân gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, từ đó phát huy được các lợi thế ngành. Với mô hình tổ chức và quản lý vốn góp tại các đơn vị thành viên hiện nay đã đảm bảo việc tuân thủ chủ trương của Chính phủ/Tập đoàn về không đầu tư hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.
- Sau 10 năm thành lập, PV POWER ngày càng tích lũy được bề dày kinh nghiệm, có được đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý vận hành, sửa chữa các NMĐ có quy mô lớn, công nghệ cao.

**Khó khăn:**

- Sản xuất điện của các nhà máy điện khí phụ thuộc nhiều vào khả năng cấp khí của PVGas, huy động điện của EVN. Đặc biệt, nguồn cung cấp khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 chưa ổn định, sự cố khí thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng đến công tác sản xuất.
- Tình hình biến đổi khí hậu phức tạp, lượng mưa ngày càng ít, thủy văn khô hạn bất thường, lưu lượng nước về hồ thủy điện thấp hơn rất nhiều so với trung bình nhiều năm đã ảnh hưởng tới sản xuất của các nhà máy thủy điện.
- Thị trường điện đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ chế hoạt động, kết quả tham gia thị trường điện phụ thuộc khá nhiều vào sản lượng điện hợp đồng được phân bổ.
- Công tác trình/phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh của các dự án thủy điện Đakdrinh, Hủa Na kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ công tác quyết toán vốn đầu tư, đàm phán giá điện dài hạn.
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 mới vào giai đoạn vận hành nên chưa ổn định, gặp nhiều sự cố, đặc biệt là hệ thống bốc dỡ nhiên liệu than. Điều kiện thời tiết khu vực Vũng Áng rất khắc nghiệt, ảnh hưởng đến việc bốc, hút than tại cảng nhà máy.

## III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm xác định GTDN, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã có 1.148 cán bộ công nhân viên. Đội ngũ cán bộ nhân viên phát triển song song với quy mô mở rộng của Tổng Công ty, 67% cán bộ nhân viên của PV POWER có trình độ đại học và trên đại học trong lĩnh vực chuyên ngành điện và các ngành kỹ thuật khác. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của PV POWER dù còn trẻ nhưng đã sớm làm chủ về công nghệ, vận hành thông suốt các nhà máy điện.

#### *1.1. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015)*

**Bảng 39: Cơ cấu lao động của PV POWER tại ngày 31/12/2015**

| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ (người) | Toàn Tổng Công ty (người) |
|---|---|---|---|
| **I** | **Theo giới tính** | **1.148** | **2.349** |
| | Nam | 927 | 1.941 |
| | Nữ | 221 | 408 |
| **II** | **Theo độ tuổi** | **1.148** | **2.349** |
| | Dưới 30 tuổi | 362 | 711 |
| | 31-39 tuổi | 614 | 1.262 |
| | 40-49 tuổi | 131 | 274 |
| | 50-55 tuổi | 31 | 78 |
| | Trên 55 tuổi | 10 | 24 |
| **III** | **Theo trình độ đào tạo** | **1.148** | **2.349** |
| | Tiến sỹ | 5 | 8 |
| | Thạc sỹ | 78 | 126 |
| | Đại học | 691 | 1.336 |
| | Cao đẳng | 129 | 270 |
| | Trung cấp | 38 | 262 |
| | Công nhân kỹ thuật | 193 | 308 |
| | Lao động phổ thông | 14 | 39 |
| **IV** | **Theo Hợp đồng lao động** | **1.148** | **2.349** |
| | Không xác định thời hạn | 590 | 1.092 |
| | Xác định thời hạn từ 12-36$^{t}$ | 528 | 1.157 |
| | Thời hạn dưới 12 tháng | 16 | 44 |

| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ (người) | Toàn Tổng Công ty (người) |
|---|---|---|---|
| | Không thuộc diện ký HĐLĐ: | 14 | 56 |
| | Trong đó: VCQL | 15 | 15 |

*Nguồn: PV POWER*

***1.2. Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (20/04/2017)***

**Bảng 40: Cơ cấu lao động của PV POWER**

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|
| **Theo trình độ lao động** | **1.181** | |
| • Đại học và trên đại học | 807 | 68,33% |
| • Cao đẳng | 89 | 7,54% |
| • Trung cấp | 77 | 6,52% |
| • Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông | 208 | 17,61% |
| **Theo hợp đồng lao động** | **1.181** | |
| • Diện không phải ký hợp đồng lao động (VCQL) | 14 | 1,19% |
| • Hợp đồng không xác định thời hạn | 643 | 54,45% |
| • Hợp đồng có thời hạn từ đủ 1 năm đến 3 năm | 519 | 43,95% |
| • Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm | 5 | 0,42% |
| **Theo giới tính** | **1.181** | |
| • Nam | 956 | 80,9% |
| • Nữ | 225 | 19,1% |
| **Lao động nghỉ việc** | **0** | **0%** |

*Nguồn: PV POWER*

## 2. Thực trạng về tài sản và đất đai

### *2.1. Thực trạng về tài sản cố định*

**Bảng 41: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Tỷ lệ % GTCL |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản cố định hữu hình** | **46.874.026** | **15.044.530** | **31.829.496** | 68% |
| 1 | Nhà cửa và vật kiến trúc | 6.313.172 | 1.182.401 | 5.130.771 | 81% |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 38.148.658 | 13.558.570 | 24.590.088 | 64% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 214.495 | 153.816 | 60.679 | 28% |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 73.997 | 60.986 | 13.011 | 18% |
| 5 | Tài sản cố định khác | 2.123.704 | 88.757 | 2.034.947 | 96% |
| **II** | **Tài sản cố định vô hình** | **33.587** | **19.535** | **14.052** | 42% |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 5.260 | | 5.260 | 100% |
| 2 | Phần mềm máy tính | 28.327 | 19.535 | 8.792 | 31% |
| **Tổng cộng** | | **46.907.613** | **15.064.065** | **31.843.548** | 68% |

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 Công ty mẹ PV POWER*

Tài sản cố định hữu hình chiếm 65,51% tổng tài sản của Tổng Công ty năm 2016. Giá trị các TSCĐ trong BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016 bao gồm các tài sản nhận bàn giao nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (giá trị 28.347 tỷ đồng). Trong năm 2016, TSCĐ được phân loại, theo đó, tổng nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc là 6.313 tỷ đồng; giá trị máy móc thiết bị là 38.149 tỷ đồng.

Nhà cửa vật kiến trúc bao gồm  hệ thống kho, nhà ở CBNV, nhà làm việc và các hạ tầng liên quan của các NMĐ Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Vũng Áng 1, chiếm tỷ trọng 16% trong tổng tài sản cố định hữu hình.

Máy móc thiết bị là các tuabin, lò thu hồi nhiệt, thiết bị điều khiển, hệ thống làm mát, các máy móc liên quan khác, chiếm 77,4% tổng giá trị còn lại của tài sản cố định.

### *2.2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng*

Tổng diện tích đất PV POWER đang quản lý và sử dụng: 1.920.878,9 $m^2$.

Trong đó:

- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau: 605.318,3 $m^2$;
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch: 335.653,9 m2;
- Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh: 979.906,7 m2.

## 3. Tái cơ cấu Tổng Công ty

### *3.1. Kết quả công tác tái cấu trúc Tổng Công ty giai đoạn 2012 – 2015*

Trên cơ sở Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 1011/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012-2015; Tập đoàn đã ban hành Quyết định số 2174/QĐ-DKVN ngày 09/10/2013 về việc phê duyệt Phương án tái cấu trúc PV POWER giai đoạn 2012-2015 và các Quyết định số: 1735/QĐ-DKVN ngày 01/8/2014, số 916/QĐ-DKVN ngày 21/4/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Phương án tái cơ cấu PV POWER giai đoạn 2012-2015. Tổng Công ty đã triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu giai đoạn 2012 – 2015 theo đúng phương án được Chính phủ/Tập đoàn phê duyệt.

**Kết quả thực hiện như sau:**

***a) Công tác tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp:***

PV POWER đã nghiêm túc thực hiện các quy định của Tập đoàn về tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, không hình thành các Công ty cấp IV, đẩy mạnh tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Trong giai đoạn 2012 – 2015, Tổng Công ty tập trung triển khai kiện toàn bộ máy tổ chức, rà soát, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Ban chức năng tại cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc/thành viên.
- Đồng thời, Tổng Công ty thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy định, quy trình, quy chế nội bộ; rà soát các quy trình quản lý sản xuất đảm bảo hiệu quả tối ưu trong việc điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty đã tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế liên quan đến quản lý tài chính, cập nhật cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn (Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Xây dựng dự thảo trình Tập đoàn phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nợ); Áp dụng phần mềm kế toán mới trong hạch toán đảm bảo tính kịp thời, chính xác và tuân thủ các quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định về quản lý tài chính kế toán.
- Thực hiện rà soát và hoàn thiện các quy chế về công tác cán bộ, đào tạo; cơ cấu định biên lao động, tiền lương;đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên gia chuyên sâu trong lĩnh vực vận hành và bảo dưỡng sửa chữa.
- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Tổng Công ty; đẩy mạnh phát triển hợp tác trong lĩnh vực Khoa học công nghệ; nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu năng sản xuất của các nhà máy điện; triển khai

mạnh mẽ các thành tựu mới nhất của IT vào quản lý, vận hành, sửa chữa để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

***b)Về tái cơ cấu các đơn vị thành viên***

Nhằm tối ưu hóa đầu tư, tập trung được nguồn nhân lực, tinh giảm và tận dụng tối đa bộ máy quản lý điều hành tại đơn vị, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trong giai đoạn từ 2012 – 2015 Tổng Công ty đã thực hiện tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc/ thành viên và đã thu được một số kết quả tiêu biểu như sau:

- Thành lập Chi nhánh PV POWER – Công ty Nhập khẩu và phân phối Than ĐLDK (PV POWER Coal) trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Chi nhánh PVN – Công ty Nhập khẩu và phân phối than (PV Coal) từ Tập đoàn. Đồng thời trong năm 2015, Tổng Công ty cũng đã thực hiện đánh giá, phân tích và kiện toàn lại mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí (PV POWER Coal) để phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Thành lập Chi nhánh Tổng Công ty – Công ty ĐLDK Hà Tĩnh để tiếp nhận và vận hành an toàn NMĐ Vũng Áng 1, đồng thời giải thể Ban chuẩn bị sản xuất ĐLDK Vũng Áng 1.
- Hoàn tất các thủ tục theo quy định để nhận chuyển nhượng cổ phần của EIC và PSI tại PV Machino trong năm 2014. Đồng thời, quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu PV Machino trong năm 2015 *(Cụ thể: đã giảm bớt tỷ lệ phần vốn của PV Machino tại Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (xuống dưới 51%) và thông qua phương án giải thể Chi nhánh PV Machino tại Móng Cái trong năm 2015).*
- Chuyển đổi mô hình tổ chức từ quản lý đầu tư sang vận hành thương mại tại PV POWER HHC, PV POWER DHC.
- Tổng Công ty cũng thường xuyên rà soát, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của các đơn vị thành viên để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cơ cấu bộ máy tổ chức theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả tại PV POWER Services, PV Machino, PV POWER Bac Kạn, PV POWER HHC, PV POWER DHC….
- Thực hiện sáp nhập Công ty TNHH 1 TV Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER RE) vào Công ty mẹ với thời điểm sáp nhập là 0h00 ngày 29/12/2015.
- Thực hiện nhận chuyển nhượng, cơ cấu lại phần vốn góp tại các đơn vị theo đúng chủ trương của Tập đoàn và phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

***Về công tác thoái vốn***

- Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2015, Tổng Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng 330.000 cổ phần của PV POWER tại Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương (AsiaPEC) cho Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương.

- Đồng thời, trong giai đoạn này, Tổng Công ty cũng thực hiện thoái thành công toàn bộ vốn tại các đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐLDK Việt Nam (PVPE, Công ty CP Thủy điện Viwaseen Tây Bắc, Công ty CP Thủy điện Bát Đại Sơn, Công ty CP Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí (PV POWER PCC).
- Ngoài ra, tháng 5/2015, Tổng Công ty thực hiện bán thành công 7.166.150 cổ phần tại PV POWER NT2 để giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty từ 62,8% xuống còn 60%.
- Trong tháng 12/2015, Tổng Công ty cũng thực hiện chào bán thành công 90.000 cổ phần Công ty CP Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam (PVFCCo-SBD).

Sau 4 năm thực hiện tái cơ cấu, PV POWER đã hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt công tác tái cơ cấu PV POWER theo đúng Phương án được Tập đoàn phê duyệt, thể hiện như sau:

- Mô hình tổ chức thường xuyên được rà soát, đánh giá và kiện toàn, đảm bảo gọn nhẹ và vận hành đồng bộ. Công ty Mẹ - PV POWER và các đơn vị thành viên về cơ bản đã hoàn thiện mô hình quản lý, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Hệ thống các quy chế, quy định nội bộ được theo dõi cập nhật, sửa đổi kịp thời, không ngừng được hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.
- Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, thực hiện thường xuyên, định kỳ đã góp phần hạn chế và kịp thời khắc phục các tồn tại vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PV POWER và các đơn vị.
- Công tác phát triển khoa học công nghệ có những đóng góp rõ rệt, mang lại hiệu quả trong vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện; công tác đào tạo luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm triển khai, tập trung cho các khóa đào tạo nhân lực vận hành cho các dự án mới, đào tạo chuyên sâu, định hướng chuyên gia trong lĩnh vực vận hành và bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ nguồn, các bộ thuộc diện quy hoạch.
- Hoàn thành công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp theo kế hoạch được Tập đoàn phê duyệt điều chỉnh.
- Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm 2013, 2014, 2015. Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, gắn thu nhập của người lao động với năng suất và hiệu quả của doanh nghiệp.

***3.2. Kế hoạch triển khai công tác tái cấu trúc Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 2020***

PV POWER đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu trúc Tổng Công ty trên cơ sở theo chỉ chỉ đạo của Tập đoàn tại Quyết định số 976/QĐ-DKVN ngày 17/5/2016 về việc

phê duyệt kế hoạch thực hiện Phương án tái cơ cấu PV POWER giai đoạn 2016-2020; với một số nội dung chính như sau:

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, làm rõ quyền hạn trách nhiệm các cấp quản lý, xây dựng và ban hành hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho toàn Tổng Công ty.
- Sắp xếp lại cơ cấu bộ máy tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành, gọn nhẹ, hiệu quả. PV POWER không tổ chức Công ty con (doanh nghiệp cấp III Tập đoàn) theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- Chuẩn hoá, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hoá sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Chỉ thực hiện đầu tư mới vào lĩnh vực kinh doanh chính, có hiệu quả. Trường hợp đặc biệt theo chỉ đạo của Tập đoàn.
- Công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên:
  - Các doanh nghiệp do PV POWER nắm giữ tối thiểu 51% Vốn Điều lệ: Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí.
  - Thực hiện đăng ký giao dịch/niêm yết cổ phiếu của các Công ty cổ phần trên thị trường chứng khoán (khi đủ điều kiện) và tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị theo đúng chủ trương được Tập đoàn phê duyệt. Cụ thể thoái toàn bộ vốn của PV POWER tại các doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (PV POWER HHC), Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (PV POWER DHC), Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn (PV POWER BacKan), Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (PV Machino), Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến, Công ty CP Thủy điện Sông Vàng, Công ty CP Năng lượng Sông Hồng, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển điện Tây Bắc, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí.
  - Thực hiện giải thể/phá sản đối với những đơn vị kinh doanh không hiệu quả/thua lỗ và không thể thực hiện thoái vốn (Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương và Công ty CP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà) theo quy định pháp luật.
  - Thành lập mới các Công ty/Chi nhánh để tiếp nhận quản lý, vận hành các dự án Nhà máy điện do Tập đoàn làm chủ đầu tư hoặc do PV POWER làm chủ đầu tư.

***3.3. Tình hình triển khai công tác tái cơ cấu trong năm 2016 và Quý 1/2017:***

- Trong năm 2016, PV POWER đã hoàn thành các thủ tục thành lập Ban Pháp chế và quan hệ công chúng (sau khi được Tập đoàn chấp thuận).

- PV POWER cũng đã thực hiện kiện toàn chức năng, nhiệm vụ Văn Phòng/Ban chức năng Công ty mẹ - Tổng Công ty phù hợp với tình hình thực tế.
- Hoàn thành việc kiện toàn Tổ công tác xúc tiến các Dự án nhiệt điện khí phía Nam và Tổ công tác xúc tiến, chuẩn bị đầu tư Dự án thủy điện Luang Prabang tại Lào.
- Quý 1/2016, Tổng Công ty đã hoàn thành các thủ tục có liên quan để hoàn tất công tác sáp nhập Công ty TNHH MTV Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER RE) vào Công ty mẹ.
- Tổng Công ty cũng triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu tại các đơn vị trực thuộc/thành viên (PV POWER Coal và PV POWER Services, PV Machino) nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, giám sát, đảm bảo tính tập trung hợp lý.
- Đồng thời, Tổng Công ty cũng đã xây dựng, thống nhất áp dụng Cơ cấu Tổ chức bộ máy Phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy Nhiệt điện do PV POWER quản lý, vận hành để đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và phòng ngừa rủi ro từ các hoạt động này.
- Tháng 4/2016, Tổng Công ty đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn còn lại của PV POWER tại Công ty CP Quản lý & Phát triển Nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD) thông qua hình thức chào bán thỏa thuận (1.010.000 cổ phần PVFCCo-SBD).
- Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã hoàn thành các thủ tục liên quan để thành lập Chi nhánh Tổng Công ty ĐLDK Việt Nam – Ban Chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí trong Quý 1/2017.

### *3.4. Một số tồn tại và nguyên nhân*

- Trong lĩnh vực sản xuất điện: Do đặc thù của các nhà máy điện là chi phí khấu hao, lãi vay lớn. Giai đoạn các nhà máy điện mới đưa vào vận hành thường chưa có lợi nhuận hoặc lợi nhuận rất thấp, cùng với trả nợ gốc vay cao và lỗ chênh lệch tỷ giá. Yếu tố đặc thù này đã ảnh hưởng khá lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV POWER.
- Việc thoái vốn tại các đơn vị thuộc PVN đang được nỗ lực thực hiện với khối lượng lớn, tuy nhiên với điều kiện thị trường chứng khoán hiện tại, việc chuyển nhượng cổ phần của PV POWER tại các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn. Do đa số các đơn vị cần thoái vốn đều đang ở trong tình trạng thua lỗ, doanh thu không đủ bù đắp chi phí nên không hấp dẫn được các nhà đầu tư. Trình tự thoái vốn kéo dài do phải tuân thủ chặt chẽ các bước theo quy định để thực hiện đấu giá… Ngoài ra, việc thay đổi cơ chế chính sách, quy định về thoái vốn và công tác trích lập bổ sung cho đủ dự phòng tổn thất các khoản đầu tư thoái vốn dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách cũng khiến công tác thoái vốn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng.

## IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Theo Quyết định số 1364/QĐ-BCT ngày 20/4/2017 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cổ phần hóa**, tổng giá trị thực tế doanh nghiệp của PV POWER để cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 là 60.623.284.088.550 đồng.**

***Cụ thể***: *Đơn vị: đồng*

| | |
|---|---|
| Giá trị tài sản thực tế của doanh nghiệp xác định lại là: | 60.623.284.088.550 |
| Các khoản nợ phải trả thực tế xác định lại: | 27.066.741.407.891 |
| Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là: | 33.556.542.680.659 |
| Giá trị thực tế vốn Nhà nước theo sổ kế toán sau xử lý tài chính là: | 23.418.715.917.565 |
| Chênh lệch đánh giá lại phần vốn Nhà nước: | 10.137.826.763.094 |

*Trong đó:*

| **i. Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình:** | Giá trị xác định lại (VND) | Chênh lệch (VND) |
|---|---|---|
| Nhà cửa, Vật kiến trúc | 8.446.406.734.735 | 935.141.004.024 |
| Máy móc thiết bị | 32.104.686.907.125 | 4.612.057.657.588 |
| Phương tiện vận tải | 56.769.021.887 | 14.053.962.692 |
| Thiết bị quản lý | 15.745.549.433 | 11.980.323.574 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 622.729.894 | 30.109.461 |
| **Tổng cộng** | **40.624.230.943.074** | **5.573.263.057.339** |

**ii. Giá trị quyền sử dụng đất là 18.792.680.618 đồng.**

## Bảng 42: Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp PV POWER

*Đơn vị: đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Xử lý tài chính | | Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính (sau khi điều chỉnh theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước) | Số liệu xác định lại | | Số liệu sau khi xác định lại | Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số liệu sổ sách kế toán đã xử lý tài chính trước khi Kiểm toán Nhà nước | Xử lý tài chính bổ sung theo báo cáo của Kiểm tóa Nhà nước | | Đã đánh giá tăng (giảm) trong Biên bản XĐGTDN trước khi KTNN | Đánh giá tăng (giảm) bổ sung theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(3)+(4) | (6) | (7) | (8)=(5)+(6)+(7) | (9)=(8)-(5) |
| A. | Tài sản đang dùng | 50.382.590.262.695 | 102.867.062.761 | 50.485.457.325.456 | 8.246.235.916.754 | 1.891.590.846.340 | 60.623.284.088.550 | 10.137.826.763.094 |
| I. | Tài sản dài hạn | 41.828.336.190.221 | - | 41.828.336.190.221 | 8.197.303.462.570 | 1.323.601.200.000 | 51.349.240.852.791 | 9.520.904.662.570 |
| 1. | Tài sản cố định | 35.061.075.952.031 | - | 35.061.075.952.031 | 5.573.263.057.339 | - | 40.634.339.009.370 | 5.573.263.057.339 |
| | - TSCĐ hữu hình | 35.050.967.885.735 | - | 35.050.967.885.735 | 5.573.263.057.339 | - | 40.624.230.943.074 | 5.573.263.057.339 |
| | - TSCĐ vô hình (chưa gồm giá trị quyền sử dụng đất) | 10.108.066.296 | - | 10.108.066.296 | - | - | 10.108.066.296 | - |
| 3. | Tài sản dở dang dài hạn | 229.235.994.501 | - | 229.235.994.501 | - | | 229.235.994.501 | - |
| 4. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 5.745.643.994.567 | - | 5.745.643.994.567 | 2.594.961.261.612 | 1.323.601.200.000 | 9.664.206.456.179 | 3.918.562.461.612 |
| 5. | Các khoản phải thu dài hạn | 221.050.000 | - | 221.050.000 | - | - | 221.050.000 | - |
| 6. | Tài sản dài hạn khác | 792.159.199.122 | - | 792.159.199.122 | 29.079.143.619 | - | 821.238.342.741 | 29.079.143.619 |

| TT | Chỉ tiêu | Xử lý tài chính | | Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính (sau khi điều chỉnh theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước) | Số liệu xác định lại | | Số liệu sau khi xác định lại | Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số liệu sổ sách kế toán đã xử lý tài chính trước khi Kiểm toán Nhà nước | Xử lý tài chính bổ sung theo báo cáo của Kiểm tóa Nhà nước | | Đã đánh giá tăng (giảm) trong Biên bản XĐGTDN trước khi KTNN | Đánh giá tăng (giảm) bổ sung theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước | | |
| II. | Tài sản ngắn hạn | 8.538.344.764.637 | 102.867.062.761 | 8.641.211.827.398 | 18.083.451.886 | - | 8.659.295.279.284 | 18.083.451.886 |
| 1. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.358.144.851.866 | - | 4.358.144.851.866 | (3.775.768) | - | 4.358.141.076.098 | (3.775.768) |
| 2. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 50.000.000.000 | - | 50.000.000.000 | - | - | 50.000.000.000 | - |
| 3. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 3.335.486.026.368 | 147.362.863.246 | 3.482.848.889.614 | - | - | 3.482.848.889.614 | - |
| 4. | Hàng tồn kho | 681.872.944.931 | (44.495.800.485) | 637.377.144.446 | 18.087.227.654 | - | 655.464.372.100 | 18.087.227.654 |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 112.840.941.472 | - | 112.840.941.472 | - | - | 112.840.941.472 | - |
| III. | Giá trị lợi thế kinh doanh của DN | - | - | - | 27.965.629.517 | 567.989.646.340 | 595.955.275.857 | 595.955.275.857 |
| 1. | Giá trị thương hiệu | - | - | - | 27.965.629.517 | 10.071.027.872 | 38.036.657.389 | 38.036.657.389 |
| 2. | Giá trị tiềm năng phát triển | - | - | - | - | 557.918.618.468 | 557.918.618.468 | 557.918.618.468 |
| IV. | Giá trị quyền sử dụng đất | 15.909.307.837 | | 15.909.307.837 | 2.883.372.781 | - | 18.792.680.618 | 2.883.372.781 |
| B. | Tài sản chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |
| I. | Tài sản dài | - | - | - | - | - | - | - |

| TT | Chỉ tiêu | Xử lý tài chính | | Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính (sau khi điều chỉnh theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước) | Số liệu xác định lại | | Số liệu sau khi xác định lại | Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số liệu sổ sách kế toán đã xử lý tài chính trước khi Kiểm toán Nhà nước | Xử lý tài chính bổ sung theo báo cáo của Kiểm tóa Nhà nước | | Đã đánh giá tăng (giảm) trong Biên bản XĐGTDN trước khi KTNN | Đánh giá tăng (giảm) bổ sung theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước | | |
| | hạn | | | | | | | |
| 1. | Tài sản cố định | - | - | - | - | - | - | - |
| | Nguyên giá | 3.116.065.057 | - | 3.116.065.057 | - | - | 3.116.065.057 | - |
| | Hao mòn lũy kế | (3.116.065.057) | - | (3.116.065.057) | - | - | (3.116.065.057) | - |
| | **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP (Mục A)** | **50.382.590.262.695** | **102.867.062.761** | **50.485.457.325.456** | **8.246.235.916.754** | **1.891.590.846.340** | **60.623.284.088.550** | **10.137.826.763.094** |
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 27.101.464.642.540 | (34.723.234.649) | 27.066.741.407.891 | - | - | 27.066.741.407.891 | - |
| | **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A+B- C}** | **23.281.125.620.155** | **137.590.297.410** | **23.418.715.917.565** | **8.246.235.916.754** | **1.891.590.846.340** | **33.556.542.680.659** | **10.137.826.763.094** |

**2. Một số vấn đề cần lưu ý liên quan đến giá trị doanh nghiệp để CPH:**

- Số liệu tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016 để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty đã được điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Bộ Tài chính (tại Công văn số 65771/CT-KTT2 ngày 21/10/2016 của Cục thuế Hà nội về việc quyết toán thuế để xác định giá trị doanh nghiệp, Cục thuế Hà nội đã đề nghị căn cứ kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty).
- Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty đã bao gồm giá trị của Sân phân phối 500KV Trung tâm điện lực Vũng Áng là 218,48 tỷ đồng. Tuy nhiên, PVN đã chấp thuận chủ trương việc nhận lại tài sản này nhưng chưa thực hiện việc chuyển giao tài sản. Giá trị doanh nghiệp Tổng công ty sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với số đã ghi nhận nêu trên sau khi PVN và PV POWER chuyển giao tài sản.
- Hiện nay, Tổng công ty đang thực hiện chủ trương thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hủa Na. Do chưa hoàn thành các thủ tục thoái vốn theo quy định nên giá trị khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty vào CTCP Thủy điện Hủa Na vẫn được xác định lại và tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Trường hợp trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang CTCP, PV POWER hoàn thành các thủ tục thoái vốn và thực hiện thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hủa Na, sẽ điều chỉnh tại thời điểm quyết toán cổ phần hóa theo quy định.

# PHẦN 2

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

# I. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

## 1. Mô hình tổ chức Tổng Công ty sau cổ phần hóa:

### *1.1. Cơ cấu tổ chức*

Cơ cấu tổ chức quản lý của PV POWER khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 - 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu;
- Tổng Giám đốc (TGĐ): là người đại diện theo pháp luật của PV POWER;
- Các Phó Tổng Giám đốc (PTGĐ): phụ giúp Tổng Giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành Tổng Công ty theo đúng các lĩnh vực được phân công phụ trách.
- Bộ máy giúp việc bao gồm: Kế toán trưởng, Văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc cho Ban TGĐ theo đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

**Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của PV POWER bao gồm:**

- Các ban chuyên môn: 10 phòng ban hiện tại và dự kiến thành lập thêm Ban Nghiên cứu Phát triển(Công nghệ) để phát triển hoạt động R&D, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Sau khi chuyển thành Công ty cổ phần, Ban Pháp chế và Quan hệ công chúng sẽ được tách thành 02 Ban theo chức năng là Ban Pháp chế và Ban Quan hệ cổ đông.
- Các đơn vị trực thuộc: bao gồm các chi nhánh hiện tại và các chi nhánh được thành lập mới để quản lý, vận hành các nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty.
- Các công ty con và công ty liên kết: được cơ cấu lại theo Phương án tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt (Triển khai thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hủa Na, CTCP Thủy điện Đakdrinh, CTCP ĐLDK Bắc Kạn, CTCP Máy thiết bị Dầu khí; các Công ty liên kết& các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

### *1.2. Mô hình tổ chức quản lý và kinh doanh của PV POWER sau cổ phần hóa:*

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của PV POWER sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

**Mô hình tổ chức Tổng Công ty tại thời điểm chuyển giao thành Công ty cổ phần:**

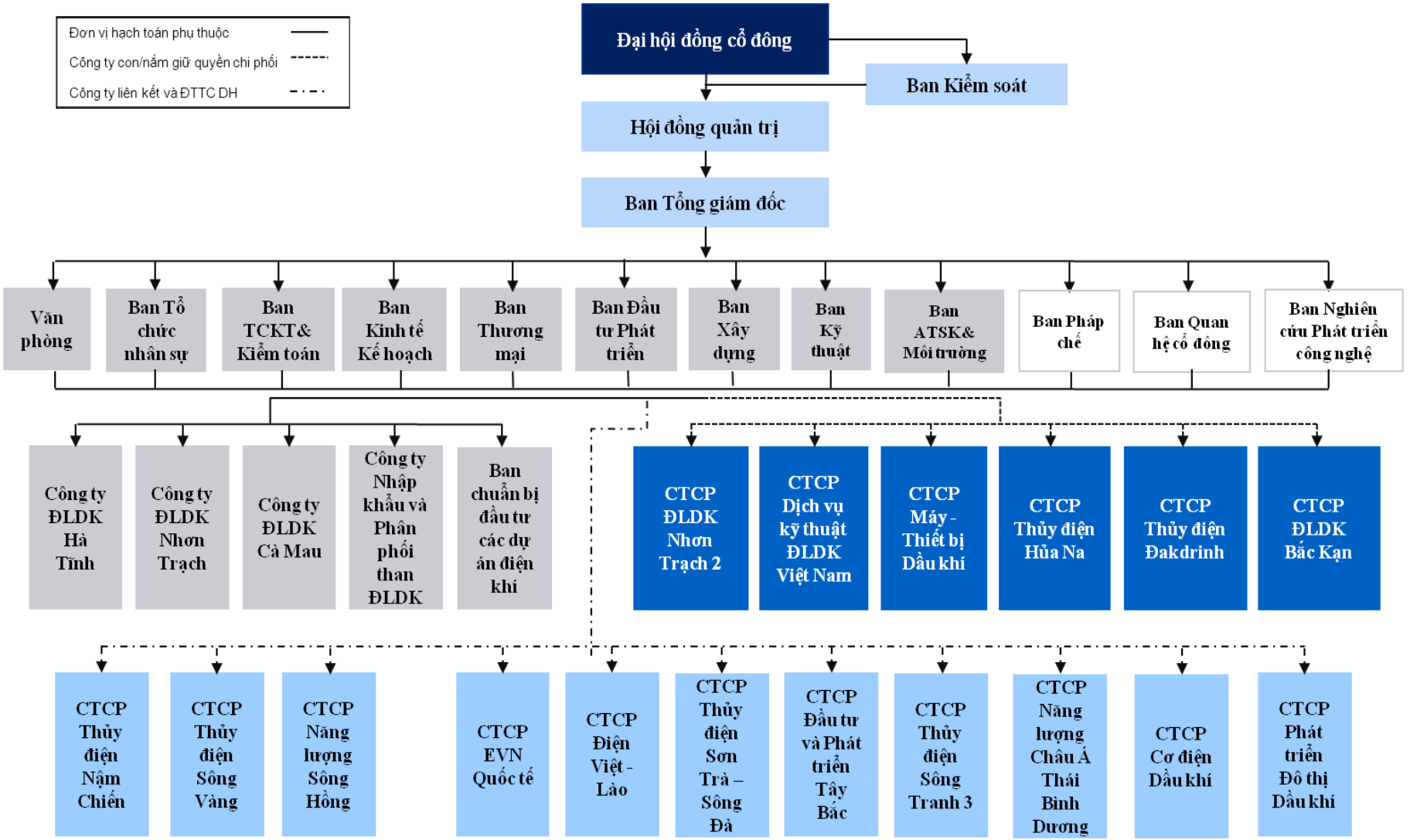

**Mô hình tổ chức Tổng Công ty định hướng đến năm 2022:**

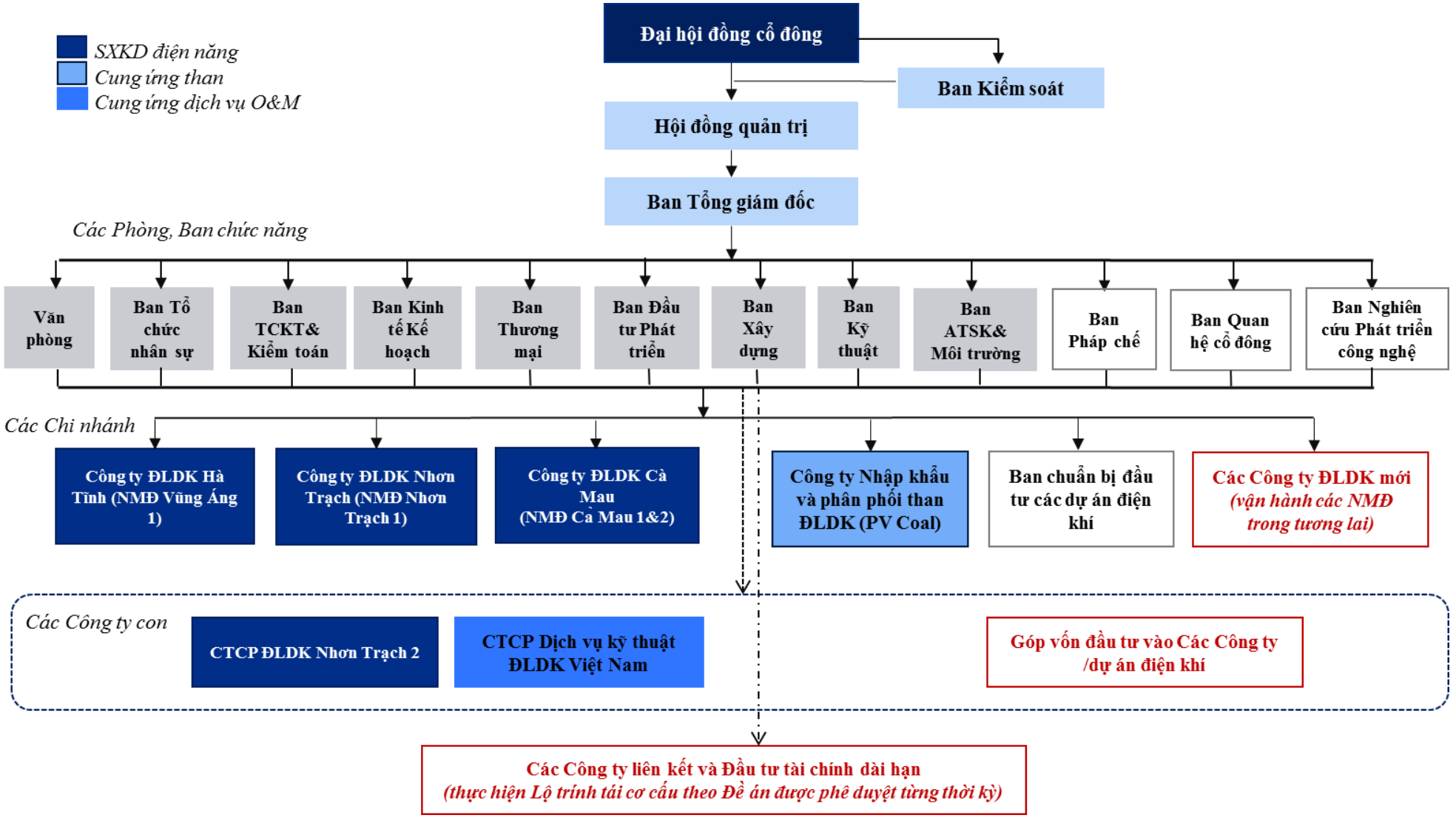

**2. Chức năng nhiệm vụ**

***2.1. Đại hội đồng cổ đông***

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

a. Thông qua định hướng phát triển Tổng Công ty.
b. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm.
c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
d. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
f. Tổng Công ty hoặc Chi nhánh của Tổng Công ty ký kết Hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
g. Lựa chọn công ty kiểm toán;
h. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty;
i. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
l. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Tổng Công ty quy định.

***2.2. Hội đồng Quản trị***

HĐQT là cơ quan đại diện của Đại hội đồng cổ đông, là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng HĐQT là năm (05) người do ĐHĐCĐ bầu ra. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ trường hợp đối với những hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định tiền lương, quyền lợi khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

   Cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác, cử/giới thiệu ưng cử/thay đổi người đại diện của Tổng Công ty tham gia HĐTV/HĐQT, Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty, quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của những chức danh này.

   Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty.
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty quy định.

***2.3. Ban kiểm soát***

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Tổng Công ty.

Ban kiểm soát gồm 05 thành viên và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát sẽ có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại định tại Điều 165, Điều 166 và Điều 168 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn Tổng Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết;
d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Tổng Công ty;
g. Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
i. Rà soát kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty;
j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty;
k. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

***2.4. Ban Tổng giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ điều hành công việc kinh doanh hàng ngày. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng Công ty theo những thông lệ tốt nhất; quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền cho Tổng giám đốc trong từng lĩnh vực theo Quy chế quản lý của Tổng Công ty;
c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty; quyết định thành lập các Ban chức năng Tổng Công ty, các phòng/phân xưởng tại các Đơn vị trực thuộc sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận;
d. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị thông qua để quyết định định biên lao động của Tổng Công ty; chức năng nhiệm vụ các Ban/Văn phòng Tổng Công ty; Quy chế hoạt động của các Đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;
e. Quyết định tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy định của Tổng Công ty;
f. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt và hiệu quả nhất; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
g. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh trong thẩm quyền được phân cấp;
h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Tổng Công ty;
i. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hoặc quyết định dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật của Tổng Công ty và/hoặc tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
j. Tổ chức công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, 6 tháng, hàng năm, công bố thông tin của Tổng Công ty theo đúng quy định của nhà nước. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đãđược kiểm toán và báo cáo chung về tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của Tổng Công ty;

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty ;
l. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;
m. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;
n. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

***2.5. Các Ban chuyên môn***

*2.5.1. Văn phòng*

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác Hành chính - quản trị; thư ký - tổng hợp; văn thư - lưu trữ; Quản lý công tác an ninh, quốc phòng, bảo mật của cơ quan Tổng Công ty.

**Nhiệm vụ:** Tổ chức quản lý, thực hiện tại cơ quan Tổng Công ty; kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại các đơn vị trực thuộc; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị thành viên trong các nhiệm vụ chính nhưng không giới hạn gồm:

a. Công tác hành chính – quản trị: Mua sắm, quản lý máy móc thiết bị văn phòng tại cơ quan Tổng Công ty đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc; công tác lễ tân; phương tiện đi lại cho CBCNV.
b. Công tác thư ký – tổng hợp: Giúp việc trực tiếp lãnh đạo Tổng Công ty trong công tác điều hành, xử lý công việc; truyền đạt chỉ thị, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng Công ty khi được giao; tổng hợp thông tin phục vụ các cuộc họp của lãnh đạo Tổng Công ty;
c. Công tác văn thư lưu trữ: Quản lý khai thác hệ thống văn bản điện tử tại cơ quan Tổng Công ty, xử lý, lưu trữ công văn đến và đi theo đúng quy định; quản lý các con dấu liên quan; lưu trữ các tài liệu sản xuất kinh doanh được giao;
d. Công tác bảo vệ an ninh, công tác bảo mật và quốc phòng: Triển khai các thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng với các cơ quan hữu quan;
e. Quản lý công tác ISO của Tổng Công ty;

f. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốcTổng Công ty giao.

*2.5.2. Ban Tổ chức nhân sự*

**Chức năng**: Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác tổ chức, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; công tác cán bộ; thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng; lao động, tiền lương và chế độ chính sách; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Công tác thi đua khen thưởng; Công tác An sinh xã hội;

**Nhiệm vụ**: Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị; chuẩn bị việc thành lập các hội đồng, ban, đoàn và tổ công tác;
b. Công tác đổi mới doanh nghiệp (bao gồm cả tái cơ cấu doanh nghiệp), thành lập mới và tổ chức lại các đơn vị (Sáp nhập, giải thể, phá sản, hợp nhất doanh nghiệp ...).
c. Công tác cán bộ: Tuyển dụng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, quy hoạch, khen thưởng và kỷ luật cán bộ; quản lý và lưu giữ hồ sơ cán bộ diện Tổng Công ty quản lý và toàn bộ CBCNV cơ quan Tổng Công ty; Triển khai công tác cử cán bộ đi nước ngoài theo các quy định hiện hành.
d. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng;
e. Công tác tiền lương, chế độ chính sách, quản lý lao động và chính sách xã hội;
f. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty (bao gồm: Đào tạo thường xuyên; Đào tạo chuyên sâu; Đào tạo chức danh vận hành và nâng bậc; Đào tạo nhân lực vận hành bảo dưỡng các Nhà máy điện; các dạng đào tạo khác...);
g. Hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện, tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến, đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng;
h. Công tác an sinh xã hội;
i. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.3. Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán*

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác tài chính, kế toán và kiểm toán của toàn Tổng Công ty.

**Nhiệm vụ**: Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Xây dựng chiến lược, kế hoạch và chính sách tài chính của toàn Tổng Công ty;

b. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cân đối, thu xếp nguồn vốn, quản lý và sử dụng vốn, các quỹ tài chính tập trung của Tổng Công ty. Thực hiện việc bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các đơn vị;
c. Quản lý hệ thống, bộ máy tài chính kế toán; công tác tài chính, kế toán và công tác thuế của Tổng Công ty; hợp nhất báo cáo kế toán toàn Tổng Công ty;
d. Chủ trì lập báo cáo quyết toán chi phí các kỳ, giai đoạn sửa chữa, bảo dưỡng các Nhà máy điện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
e. Chủ trì cân đối vốn điều lệ xin cấp từ Tập đoàn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động và đầu tư của toàn Tổng Công ty;
f. Quản lý vốn của Tổng Công ty, gồm: Vốn Tổng Công ty do Chủ sở hữu đầu tư, vốn của Tổng Công ty tự huy động và các nguồn vốn khác, vốn của Tổng Công ty giao/đầu tư tại các đơn vị, vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác; quản lý nguồn vốn vay và phương án trả nợ của Tổng Công ty;
g. Tham gia lập dự toán các dự án và công trình mà Tổng Công ty là chủ đầu tư; quản lý, thực hiện và giám sát công tác thanh toán, quyết toán các công trình, các dự án và các hoạt động đầu tư khác của Tổng Công ty;
h. Hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ hoạt động tài chính – kế toán, góp vốn, thuế, tài sản và tổ chức kiểm toán đối với các đơn vị trực thuộc/thành viên;
i. Công tác kiểm toán nội bộ: Kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động các đơn vị thành viên của Tổng Công ty; kiểm tra việc sử dụng vốn đối với các dự án đầu tư của Tổng Công ty và các dự án đầu tư của đơn vị theo phân cấp của Tổng Công ty; tự kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty theo quy chế kiểm tra, giám sát của Tổng Công ty;
j. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Tổng Công ty;
k. Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính hàng năm của Tổng Công ty;
l. Chủ trì tiếp đón, cung cấp số liệu công tác tài chính kế toán phục vụ cho các Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước, Tập đoàn; chủ trì lập và nộp báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý của Tổng Công ty;
m. Chủ trì công tác báo cáo giá thành điện năng thực hiện;
n. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.4.Ban Kinh tế - Kế hoạch*

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác kế hoạch, thống kê; công tác lập tổng dự toán cho các kỳ sửa chữa định kỳ của các Nhà máy điện; công tác đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư/chủ quản đầu

tư;các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, các hợp đồng tro xỉ; theo dõi tổng hợp, đánh giá báo cáo Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác.

**Nhiệm vụ:** Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn và hàng năm của cơ quan Tổng Công ty và toàn Tổng Công ty;
b. Quản lý công tác kế hoạch và thống kê của Tổng Công ty;
c. Xây dựng chương trình hành động của toàn Tổng Công ty trong từng thời kỳ, hàng năm; xây dựng và triển khai các biện pháp nhằm thực hiện tốt kế hoạch hàng năm của toàn Tổng Công ty;
d. Chủ trì công tác giá thành điện năng kế hoạch và ước thực hiện;
e. Chủ trì lập kế hoạch đầu tư XDCB hàng năm, ngắn hạn và dài hạn trình lãnh đạo Tổng Công ty thông qua và báo cáo Tập đoàn phê duyệt; chủ trì lập kế hoạch cân đối vốn cho hoạt động SXKD &Đầu tư của Công ty mẹ và toàn Tổng Công ty;
f. Các hoạt động đấu thầu và các gói thầu thuộc lĩnh vực dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp do Tổng Công ty làm chủ đầu tư, từ giai đoạn lập kế hoạch đấu thầu; thực hiện ký kết hợp đồng; quản lý, theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc triển khai thực hiện hợp đồng;
g. Giám sát các hoạt động đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng tại các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty;
h. Chủ trì kiểm tra, xử lý các vướng mắc liên quan đến: trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu; trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ dự án/công trình;
i. Chủ trì xử lý báo cáo của Người đại diện phần vốn tại các đơn vị và triển khai thực hiện việc đánh giá hàng năm đối với Người đại diện của Tổng Công ty; thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp báo cáo Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;
j. Lập tổng dự toán cho các kỳ sửa chữa định kỳ của các nhà máy điện và tham gia thẩm định kết quả đấu thầu các gói thầu mua sắm phục vụ sản xuất kinh doanh hàng năm;
k. Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, thương mại kinh doanh gồm: các hợp đồng cung cấp nhiên liệu (Khí, Dầu, Than …) và các công việc liên quan đến hoạt động cung cấp nhiên liệu (mô hình, cơ chế, công tác vận tải, logistics, giám định, bảo hiểm, …) cho các nhà máy điện của Tổng Công ty; Hoạt động thương mại kinh doanh than cho thị trường trong và ngoài nước;
l. Chủ trì các hợp đồng liên quan đến tro xỉ tại các Nhà máy điện than;
m. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.5.Ban Thương mại*

**Chức năng**: Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác thương mại(không bao gồm lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, tro xỉ), thị trường, xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ của Tổng Công ty.

**Nhiệm vụ**: Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch công tác thương mại, thị trường, xuất nhập khẩu và dịch vụ trung hạn và hàng năm của Tổng Công ty;

b. Chủ trì các vấn đề thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty từ giai đoạn tìm kiếm nguồn cung cấp; lập kế hoạch đấu thầu; tổ chức đấu thầu; đàm phán hợp đồng; trình ký kết; tổ chức triển khai thực hiện, giám sát và quản lý việc thực hiện các hợp đồng thương mại; giám sát và quản lý công tác thương mại trong toàn Tổng Công ty, bao gồm:

- Lĩnh vực Mua bán điện và Thị trường điện:
  - Các hợp đồng mua bán điện: Chủ trì xây dựng giá bán điện, đàm phán các hợp đồng mua bán điện, quản lý và giám sát việc thực hiện các hợp đồng mua bán điện trong toàn Tổng Công ty;
  - Công tác thị trường điện: Chủ trì quản lý giám sát các đơn vị về hoạt động của các đơn vị trên thị trường điện, trực tiếp chào giá cho các NMĐ phụ thuộc tham gia thị trường điện; xây dựng giá bán/mua và đàm phán việc mua/bán các sản phẩm chủ yếu của Tổng Công ty.
- Lĩnh vực mua sắm hàng hóa/dịch vụ và vật tư:
  - Các hợp đồng mua sắm hàng hóa/dịch vụ;
  - Chịu trách nhiệm cung ứng vật tư, giám sát, báo cáo về công tác quản lý vật tư tại các nhà máy điện thuộc Tổng Công ty. Đầu mối hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình quản lý vật tư tại các Nhà máy điện.
- Lĩnh vực bảo trì sửa chữa, cung cấp vật tư và CDM:
  - Các hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện của Tổng Công ty;
  - Các hợp đồng dịch vụ, mua sắm vật tư thiết bị cho các nhà máy điện của Tổng Công ty;
  - Các Hợp đồng bảo hiểm vận hành các nhà máy điện của Tổng Công ty;
  - Các hợp đồng CDM trong giai đoạn vận hành thương mại các nhà máy điện của Tổng Công ty.

c. Quản lý, theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc triển khai thực hiện các hợp đồng thương mại, dịch vụ tại các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty;

d. Đánh giá/thẩm định các kiến nghị liên quan đến công tác đấu thầu;

e. Công tác xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ. Chủ trì theo dõi tổng hợp tình hình thực hiện công tác dịch vụ của toàn Tổng Công ty;
f. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.6. Ban Đầu tư phát triển*

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác đầu tư, đánh giá giám sát đầu tư phát triển; Công tác thoái vốn của các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty.

**Nhiệm vụ:** Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển, chiến lược, quy hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn và hàng năm của Tổng Công ty;
b. Tìm kiếm, tổ chức đánh giá cơ hội đầu tư và phương án đầu tư của Tổng Công ty;
c. Tổ chức thực hiện lập các báo cáo cơ hội đầu tư, dự án đầu tư của Tổng Công ty;
d. Chủ trì tổ chức thực hiện các công việc trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án không có (hoặc chưa thành lập) Ban chuẩn bị đầu tư;
e. Tổ chức thẩm định các báo cáo đầu tư, các dự án đầu tư;
f. Tổng hợp báo cáo, đánh giá giám sát đầu tư, đánh giá đầu tư theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và quy định của Tổng Công ty;
g. Đầu mối quản lý danh mục đầu tư của Tổng Công ty trong và ngoài nước;
h. Quản lý, theo dõi, tổng hợp công tác đầu tư tại các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty;
i. Đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư của Tổng Công ty và hiệu quả của các dự án đầu tư tại các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty;
j. Chủ trì thực hiện công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty.
k. Chủ trì triển khai các dự án CDM của Tổng Công ty (từ khâu xin phê duyệt chủ trương thực hiện, lựa chọn, đàm phán và ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn và đơn vị, tổ chức chuyển nhượng CERS);
l. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.7. Ban Xây dựng*

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác xây dựng của Tổng Công ty.

**Nhiệm vụ:** Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Chủ trì thẩm định, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình, dự toán các hạng mục công trình; quyết toán khối lượng A-B các gói thầu;

b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ, chất lượng các công trình xây dựng của Tổng Công ty và các đơn vị; là thường trực Hội đồng nghiệm thu cơ sở đối với các dự án do Tổng Công ty làm Chủ đầu tư và tham gia Hội đồng nghiệm thu các dự án khác;
c. Chủ trì công tác bảo trì công trình xây dựng của Tổng Công ty;
d. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong giai đoạn thi công xây dựng công trình và theo lĩnh vực được phân công;
e. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.8. Ban Kỹ thuật*

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện.

**Nhiệm vụ:** Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Tổ chức đánh giá, thẩm định các ứng dụng khoa học công nghệ được chuyển giao theo các quy định của Nhà nước; kiểm tra, đánh giá, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ của Tổng Công ty;
b. Đầu mối xây dựng, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của các nhà máy điện của Tổng Công ty;
c. Đầu mối hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ đạo kỹ thuật của Nhà nước, Tập đoàn liên quan đến công tác vận hành, sửa chữa các nhà máy điện của Tổng Công ty;
d. Phối hợp và chịu trách nhiệm về nội dung kỹ thuật, phạm vi công việc trong thương thảo, triển khai, nghiệm thu, quyết toán của các hợp đồng mua bán nhiên liệu phục vụ vận hành, mua bán điện, mua bán vật tư, bảo trì sửa chữa các nhà máy điện của Tổng Công ty;
e. Tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ tài liệu kỹ thuật công nghệ của các dự án đầu tư xây dựng mới;
f. Đầu mối tổ chức điều tra xử lý sự cố và thẩm định phương án khắc phục sự cố các Nhà máy điện;
g. Đầu mối tổ chức thẩm tra, xét duyệt danh mục vật tư thiết bị chính phục vụ sửa chữa lớn và dự phòng chiến lược của các Nhà máy điện của Tổng Công ty;
h. Đầu mối quản lý kỹ thuật các hệ thống tin học công nghiệp nhà máy điện: máy tính điều khiển (DCS), thông tin vận hành (MIS/PIMS), các thiết bị điều khiển tương đương máy tính. Triển khai các biện pháp an ninh mạng, bảo mật thông tin;
i. Chủ trì công tác chuẩn hóa, thống nhất quản lý mã và xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tính kỹ thuật vật tư, công cụ nhà máy điện trong Tổng Công ty;
j. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.9. Ban An toàn - Sức khoẻ - Môi trường*

**Chức năng**: Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác an toàn, sức khoẻ, môi trường trong toàn Tổng Công ty; Công tác bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy điện và dự án đầu tư của Tổng Công ty.

**Nhiệm vụ:** Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong lĩnh vực an toàn, sức khoẻ và môi trường;
b. Tổ chức quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo về công tác an toàn, sức khoẻ và môi trường của toàn Tổng Công ty;
c. Thực hiện, hướng dẫn và kiểm tra việc chấp hành các quy định, chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Chỉ thị, chỉ đạo của cấp trên về hoạt động bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường;
d. Xây dựng, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy trình kỹ thuật an toàn, các tiêu chuẩn trong công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường;
e. Chủ trì điều tra sự cố, tai nạn lao động, hướng dẫn các đơn vị khai báo, điều tra, thống kê tai nạn lao động theo quy định của pháp luật;
f. Tổ chức xem xét, thẩm định các văn bản, tài liệu về an toàn, sức khoẻ và môi trường đối với các dự án mới và hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị; theo dõi báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án từ khi lập báo cáo đầu tư;
g. Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; là thường trực giúp việc Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và ứng cứu tình huống khẩn cấp; thường trực Hội đồng BHLĐ Tổng Công ty; thường trực Ban chỉ huy PCCC Tổng Công ty; thường trực và tham gia tổ giúp việc Ban chỉ đạo Phòng chống khủng bố;
h. Chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm tra sát hạch an toàn cấp Tổng Công ty và kiểm tra công tác kiểm tra sát hạch an toàn cấp cơ sở;
i. Quản lý và triển khai công tác Bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy điện và các dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra các đơn vị về nghiệp vụ bảo vệ nội bộ theo các quy định hiện hành của Pháp luật;
j. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

*2.5.10. Ban Pháp chế*

**Chức năng**: Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác Pháp chế doanh nghiệp; Quan hệ công chúng (PR) - phát triển thương hiệu - Văn hóa doanh nghiệp; Công tác đối ngoại và và quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

**Nhiệm vụ**: Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Tham gia thẩm định, có ý kiến về mặt pháp lý đối với các công việc trong đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty từ khâu lập và quản lý dự án, đấu thầu, đàm phán, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng (không bao gồm các hợp đồng dịch vụ, mua sắm của cơ quan Văn phòng Tổng công ty);
b. Đầu mối theo dõi, quản lý, thẩm định và đánh giá việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung điều lệ, nội quy, hệ thống quy chế, quy định của Tổng Công ty và các đơn vị; Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng Công ty; tổng kết, đánh giá thực trạng hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của người lao động trong Tổng Công ty;
c. Chủ trì hoặc phối hợp để kiến nghị với Tập đoàn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến; tổng kết, đánh giá pháp luật liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty;
d. Chủ trì phối hợp với các bộ phận, tổ chức khác phổ biến, giáo dục pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng Công ty cho người lao động;
e. Tư vấn hoặc tham mưu việc thuê tư vấn pháp luật đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty, đánh giá rủi ro môi trường đầu tư, kinh doanh đối với các dự án đầu tư của Tổng Công ty; có ý kiến về mặt pháp lý đối với các quyết định về tổ chức, quản lý của Tổng Công ty;
f. Tham gia giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty và của người lao động; tham gia tố tụng hoặc tham mưu thuê luật sư tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty;
g. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tổng Công ty giao.

*2.5.11. Ban Quan hệ cổ đông*

**Chức năng:** Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Tổng Công ty trong hoạt động quan hệ cổ đông và với các cơ quan chức năng trên thị trường chứng khoán.

**Nhiệm vụ:**

a. Điều hành trang web và thường xuyên cập nhật thông tin của Tổng Công ty để nhà đầu tư tìm hiểu. Cung cấp báo cáo tài chính hoặc thông tin quan trọng khác theo Luật định cho Sở Giao dịch chứng khoán đồng thời công bố trên trang web của Tổng Công ty.
b. Tổ chức đón tiếp và trả lời những thắc mắc hay yêu cầu của nhà đầu tư. Xây dựng lịch trình cố định hàng năm để Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư.

c. Tham mưu cho lãnh đạo Tổng Công ty tổ chức Đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.
d. Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ, trả cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tham mưu cho lãnh đạo Tổng Công ty lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp.
e. Tìm hiểu dư luận các nhà đầu tư, các công ty chứng khoán và thị trường chứng khoán để phân tích nhận xét đánh giá về thị hiếu của nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Tổng Công ty.
f. Tìm hiểu các vấn đề mà cổ đông bên ngòai thường thắc mắc để tham mưu cho lãnh đạo Tổng Công ty có hướng giải quyết.
g. Chủ trì tổ chức các sự kiện của Tổng Công ty;
h. Đầu mối triển khai công tác phát triển thương hiệu và quản lý thương hiệu;
i. Chủ trì công tác báo chí, truyền thông của Tổng Công ty;
j. Thường trực Ban xây dựng Văn hóa doanh nghiệp;
k. Công tác đối ngoại và quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước;
l. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tổng Công ty giao.

*2.5.12. Ban Nghiên cứu Phát triển (Công nghệ)*

***Chức năng:*** Là ban tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng Công ty về công tác nghiên cứu và phát triển, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào công tác xây dựng mới, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện; quản lý hệ thống công nghệ thông tin của Tổng Công ty.

***Nhiệm vụ:*** Tổ chức quản lý, hướng dẫn, thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện nhưng không giới hạn những nhiệm vụ chính sau:

a. Nghiên cứu thiết kế công nghệ, thiết kế kỹ thuật tổng thể trong công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện;
b. Trực tiếp vận hành, quản lý hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan Tổng Công ty: mạng LAN, WAN, phòng máy chủ, máy tính phục vụ CBCNV và các phần mềm tin học văn phòng.
c. Phối hợp với Ban Kỹ thuật xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các chiến lược của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất điện; phối hợp trong lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng các Nhà máy điện;
d. Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và công nghệ để cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động, nghiên cứu cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất;
e. Nghiên cứu phác thảo và định hình kỹ thuật và công nghệ các loại hình nhà máy điện, tiến tới đầu tư, xây dựng các dự án nhà máy điện mới trong tương lai;

f. Nghiên cứu khả năng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước về phát triển, cải tiến công nghệ, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng;
g. Đầu mối triển khai ứng dụng, quản lý các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ sản xuất kinh doanh: hỗ trợ tối ưu vận hành nhà máy; tham gia thị trường điện; quản lý sửa chữa, vật tư, thiết bị; quản trị sản xuất và các nguồn lực doanh nghiệp.
h. Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

## II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN

Sau khi cổ phần hóa, PV POWER vẫn giữ nguyên các hoạt động kinh doanh hiện tại phù hợp với phương hướng tập trung vào ngành nghề chính.

**Bảng 43: Ngành nghề kinh doanh chính**

| **Tên ngành** | **Mã ngành** |
|---|---|
| Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, cụ thể:<br>- Sản xuất và kinh doanh điện năng;<br>- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng;<br>- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;<br>- Quản lý xây dựng cà vận hành các nhà máy điện;<br>- Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;<br>- Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch;<br>- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; | *3510* |
| Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản); | *5210* |
| Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:<br>- Bán buôn than các loại;<br>- Xuất khẩu, năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện; | *4661* |
| Lắp đặt hệ thống điện: lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; | *4321* |
| Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:<br>- Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP);<br>- Xuất khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; | *4390* |
| Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Đầu tư, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin; | *6209* |
| Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:<br>- Cung cấp giải pháp giảm phát khí thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;<br>- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển | *7490* |

| Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|
| các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; | |
| Hoạt động tư vấn quản lý: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; | *7020* |
| Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | *8299* |
| Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê phương tiện vận tải, cẩu, kéo; | *7730* |
| Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; | *4669* |
| Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Tổng Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật | *Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam* |

## III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

### 1. Môi trường kinh doanh

#### *1.1. Triển vọng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016-2020*[8]

Theo thông tin từ Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia về tình hình kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2015, mặc dù cơ cấu đầu tư có chuyển biến tích cực, tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội/GDP giảm, phân bổ vốn ngân sách nhà nước tập trung hơn, đã huy động được khá mạnh nguồn vốn của tư nhân vào đầu tư vào kết cấu hạ tầng, tuy nhiên vốn đầu tư của khu vực nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn đầu tư, hiệu quả đầu tư thấp, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là các mặt hàng có giá trị gia tăng thấp...

Trong các kịch bản dự báo cho giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ khả quan hơn trong giai đoạn 2016-2020. Động lực phát triển cho kinh tế toàn cầu sẽ được chuyển từ các nước phát triển trong giai đoạn đầu (2016-2017) sang các nước đang phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, tốc độ tăng thương mại toàn cầu giai đoạn 2016-2020 dự báo sẽ tăng mạnh trong giai đoạn 2 năm đầu tiên và duy trì mức tăng nhẹ ở 3 năm còn lại. Tình hình kinh tế trong nước cũng được đánh giá phục hồi, các dòng vốn tăng mạnh trở lại, đặc biệt là dòng vốn khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài, hiệu quả đầu tư được cải thiện, lạm phát được dự báo duy trì ở mức thấp.

*Ở kịch bản trung bình,* cũng là kịch bản chủ đạo, với nhiều khả năng xảy ra nhất. Giai đoạn 2016 – 2020 tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục ổn định ở mức trung bình 4%; tốc độ tăng đầu tư trung bình giai đoạn 7% và hệ thống tài chính khá ổn định, điều hành chính sách và tiền tệ linh hoạt. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt mức 6,67%/ năm và lạm phát khoảng 5%.

*Ở kịch bản cao*, ít khả năng xảy ra hơn nhưng cũng có thể đạt được những kỳ vọng như kịch bản trung bình nhưng tiến trình cải cách cũng như chuyển đổi nền kinh tế được diễn ra mạnh mẽ hơn. Tăng trưởng kinh tế và lạm phát trung bình giai đoạn tương ứng là 7,04% và 6,1%.

*Ở kịch bản thấp,* tuy không nhiều khả năng nhưng vẫn có thể xảy ra nếu nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển như mô hình kinh tế cũ, những rủi ro nợ công và hệ thống tài chính ngày một lớn và nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng dựa vào tăng quy mô vốn và không khống chế được nhập siêu, tốc độ tăng trưởng kinh tế thể chỉ ở mức là 6% và lạm phát có thể tăng cao trở lại 7%.

Giai đoạn 2016-2020, nền kinh tế Việt Nam sẽ kế thừa quán tính tăng trưởng từ năm 2015 và tiếp tục cải thiện nhờ vào hàng loạt yếu tố hỗ trợ từ giá hàng hoá thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI và nhu cầu bên ngoài, cùng với những cải cách về thể chế của nền kinh tế sẽ phát

[8]Theo nguồn của Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế – xã hội quốc gia:
http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/trienvongkinhtevietnam-nd-17230.html

huy hiệu quả. Khu vực công nghiệp – xây dựng sẽ có tăng trưởng mạnh mẽ, là động lực chính cho sự phục hồi toàn nền kinh tế. Khu vực dịch vụ sẽ duy trì ở mức tăng trưởng vừa phải trong khi tăng trưởng của nông lâm thủy sản được đánh giá là khó có thể đạt mức tăng trưởng cao trong một vài năm tới nếu như chưa thể có những giải pháp đột phá giúp giải quyết các khó khăn hiện tại giúp nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh.

**Vốn đầu tư**

Các dòng vốn tăng mạnh trở lại, đặc biệt là dòng vốn trong khu vực tư nhân. Bên cạnh đó, hiệu quả đầu tư, đặc biệt đầu tư công được nâng cao.

Cùng với khả năng phục hồi của nền kinh tế, đồng thời tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài và phát huy nội lực của vốn đầu tư trong nước, theo đó, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Theo báo cáo mới đây của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), xu hướng dịch chuyển vốn FDI toàn cầu năm 2015 phân bố không đồng đều giữa các khu vực, trong đó, châu Á thu hút mạnh mẽ và đạt mức tăng kỷ lục so với các khu vực khác. Tuy nhiên, tại Đông Nam Á, trong khi các quốc gia khác như Myanmar, Indonesia, Thái Lan có tốc độ tăng trong thu hút vốn FDI tiếp tục tăng, nhưng lại giảm ở Việt Nam. Như vậy, có thể thấy sức hút về vốn FDI của Việt Nam so với các quốc gia khác trong khu vực đã suy giảm hơn so với trước.

Trong giai đoạn tới, sau khi Việt Nam hoàn tất nhiều thỏa thuận đàm phán từ các hiệp định thương mại song phương, đa phương, nhất là hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN, thực thi Hiệp định đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác kinh tế khu vực toàn diện (RCEP)… được kỳ vọng sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Vốn đầu tư gián tiếp: Việc thúc đẩy các DNNN hoạt động theo cơ chế thị trường đồng thời phát triển khu vực kinh tế tư nhân là quan điểm nhất quán của Việt Nam, được thể hiện rõ nét qua quyết tâm của Chính phủ trong việc cổ phần hóa DNNN gắn với niêm yết trên TTCK không giới hạn tỷ lệ sở hữu và sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tạo động lực thu hút vốn đầu tư gián tiếp trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, để hấp thụ nguồn vốn này, các DN trong nước cần nỗ lực vươn lên, tăng cường quản trị công ty, quản trị rủi ro, minh bạch và công khai hóa thông tin, đồng thời cơ quan quản lý cũng phải nâng cao năng lực quản lý, giám sát và điều hành thị trường nhằm bảo đảm sự ổn định, bền vững của TTCK, vừa thu hút có hiệu quả dòng vốn đầu tư gián tiếp, vừa hạn chế được những bất lợi phát sinh.

**Lạm phát**

Trong thời gian tới lạm phát nhiều khả năng sẽ được tiếp tục duy trì ở mức dưới 3%, điều này sẽ góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, đồng thời tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền

vững. Chính sách tiền tệ tiếp tục được điều hành chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ trong điều hành các công cụ chính sách tiền tệ; phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác, nhất là chính sách tài khóa để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng không ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát lạm phát.

**Biểu đồ: Lạm phát Việt Nam từ 2001 và dự báo đến năm 2017**

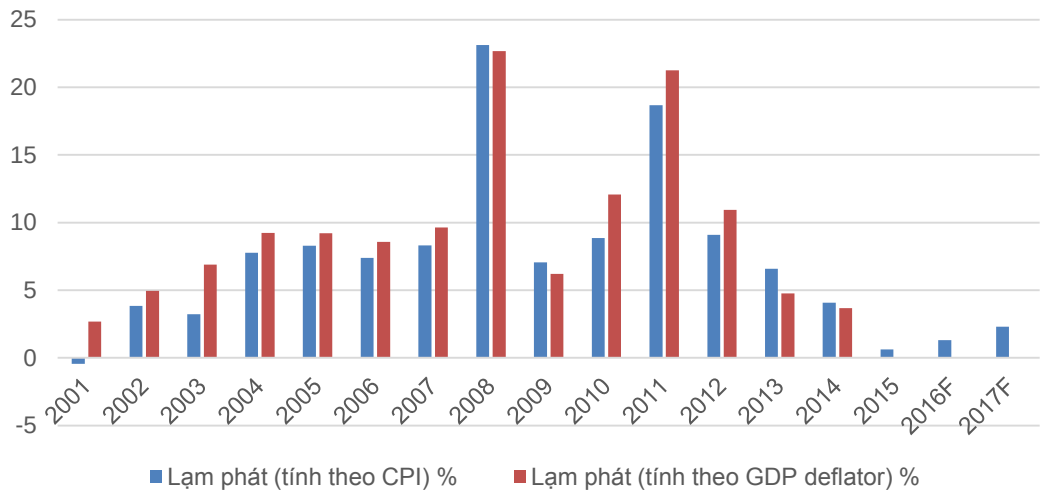


*Nguồn: World Bank*

Lạm phát của Việt Nam còn có nhiều biến động thất thường, chẳng hạn như các năm 2008 và 2011 tăng lên mức trên 20%. Tuy nhiên đến nay thì về căn bản đã được kiểm soát.

**Lãi suất:**

Lãi suất sẽ tiếp tục ổn định ở mức thấp, góp phần hỗ trợ mạnh mẽ cho khu vực doanh nghiệp. Lãi suất hiện đang ở mức rất thấp, theo đó khó có thể giảm thêm, trong khi đó, sự ổn định về lạm phát, nợ xấu được xử lý sẽ là nguyên khiến lãi suất không tăng cao. Theo đó, lãi suất được dự báo là sẽ tiếp tục ổn định ở mức thấp như hiện nay.

**Tỷ giá:**

Áp lực tăng tỷ giá sẽ đậm hơn, gắn với gia tăng áp lực nợ công của Việt Nam, sự cải thiện tích cực kinh tế Mỹ và tăng nhanh giá trị USD trên thế giới. Các doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước sẽ được tiếp cận với các sản phẩm dịch vụ tài chính cạnh tranh và có chất lượng cao hơn từ nhà cung cấp nước ngoài. Tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt dần theo tín hiệu thị trường, song vẫn đảm bảo tính ổn định, cũng như đảm bảo các mục tiêu vĩ mô dài hạn khác.

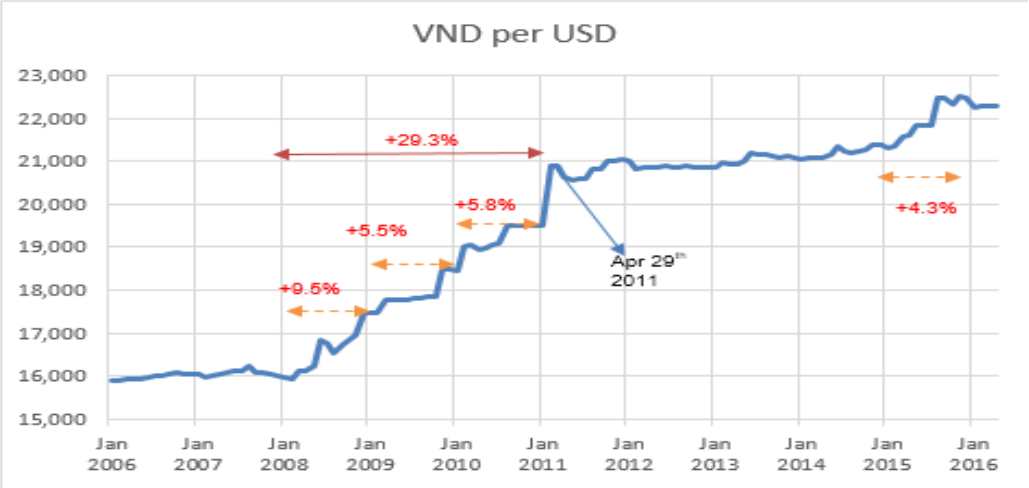


*Nguồn: Bloomberg, PSI*

❖ Tỷ giá VND/USD chứng kiến nhiều sự biến động mạnh trong giai đoạn từ 2008-2011 và trong năm 2015. Chỉ riêng trong giai đoạn từ tháng 1/2008 đến tháng 4/2011, VND đã mất giá gần 30% so với USD.

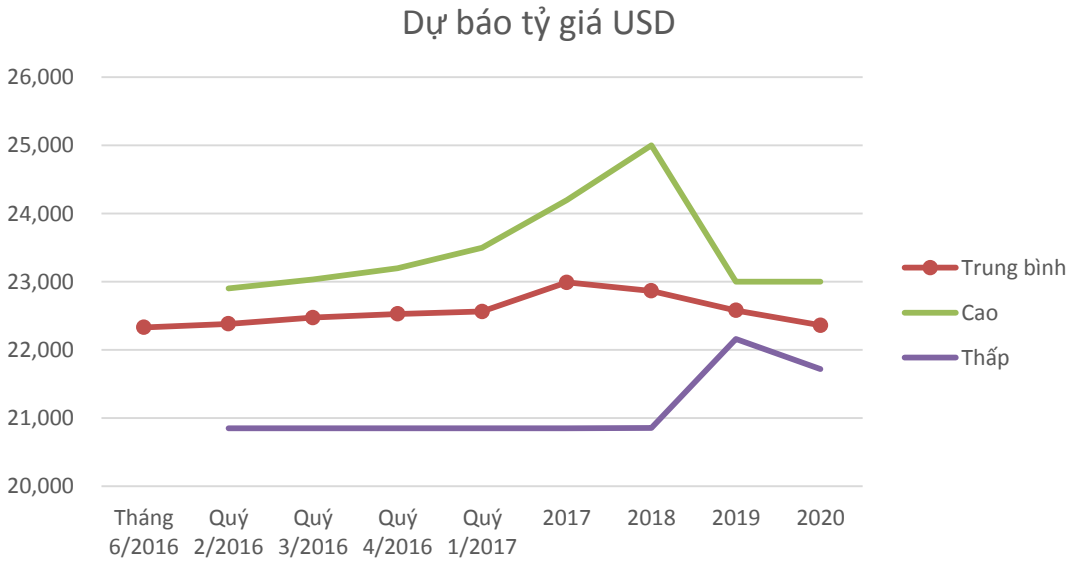


*Nguồn: Bloomberg, PSI tổng hợp*

❖ Tỷ giá VND trong thời gian tới được dự báo sẽ tương đối ổn định. Từ sau 2018, có khả năng VND thay vì mất giá so với USD thì sẽ quay đầu và tăng giá.

### *1.2. Ngành điện*

Sau gần 4 năm thực hiện Quy hoạch điện VII, ngành điện đã đạt được những thành tựu quan trọng như sản lượng điện thương phẩm tăng bình quân gần 11%/năm; công suất nguồn điện tăng nhanh, trong giai đoạn 2011-2014 đưa vào vận hành trên 13.000 MW, nâng tổng công suất nguồn điện hiện nay của cả nước lên trên 34.000 MW. Từ chỗ thiếu điện, đến nay không những đã cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, mà còn có dự phòng.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ngành điện cũng đã bộc lộ một số tồn tại, bất cập, như: một số nguồn điện và cung cấp khí không đáp ứng tiến độ, dẫn đến phân bố công suất

nguồn điện không đồng đều giữa các vùng; phát triển lưới điện truyền tải 220 kV đạt thấp, dẫn đến một số thành phố lớn, khu vực trung tâm phụ tải bị quá tải, ảnh hưởng đến đến độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng; việc sử dụng điện của nền kinh tế nói chung còn chưa hiệu quả, tiết kiệm, năng suất lao động ngành còn thấp...

Theo Quyết định số 428/QĐ-TT ngày 18/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 với mục tiêu cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Theo đó:

- Đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v…), từng bước gia tăng tỷ trọng của điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện.
- Cụ thể, ưu tiên phát triển các nguồn thủy điện, nhất là các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện); nghiên cứu đưa nhà máy thuỷ điện tích năng vào vận hành phù hợp với phát triển của hệ thống điện quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống điện. Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên khoảng 21.600 MW vào năm 2020, khoảng 24.600 MW vào năm 2025 (thủy điện tích năng 1.200MW) và khoảng 27.800 MW vào năm 2030 (thủy điện tích năng 2.400MW). Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng khoảng 29,5% vào năm 2020, khoảng 20,5% vào năm 2025 và khoảng 15,5% vào năm 2030.
- Đưa tổng công suất nguồn điện gió từ mức 140 MW hiện nay lên khoảng 800 MW vào năm 2020, khoảng 2.000 MW vào năm 2025 và khoảng 6.000 MW vào năm 2030.
- Đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, bao gồm cả nguồn tập trung lắp đặt trên mặt đất và nguồn phân tán lắp đặt trên mái nhà: Đưa tổng công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể hiện nay lên khoảng 850 MW vào năm 2020, khoảng 4.000 MW vào năm 2025 và khoảng 12.000 MW vào năm 2030. Điện năng sản xuất từ nguồn điện mặt trời chiếm tỷ trọng khoảng 0,5% năm 2020, khoảng 1,6% vào năm 2025 và khoảng 3,3% vào năm 2030.
- Phát triển các nhà máy nhiệt điện với tỷ lệ thích hợp, phù hợp với khả năng cung cấp và phân bố của các nguồn nhiên liệu. Trong đó, khai thác tối đa nguồn than trong nước cho phát triển các nhà máy nhiệt điện, ưu tiên sử dụng than trong nước cho các nhà máy nhiệt điện khu vực miền Bắc. Đến năm 2020, tổng công suất khoảng 26.000 MW, sản xuất khoảng 131 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 49,3% điện sản xuất, tiêu thụ khoảng 63 triệu tấn than; năm 2025, tổng công suất khoảng 45.800 MW, sản xuất khoảng 220 tỷ

kWh điện, chiếm khoảng 55% điện sản xuất, tiêu thụ khoảng 95 triệu tấn than. Do nguồn than sản xuất trong nước hạn chế, cần xây dựng một số nhà máy nhiệt điện tại các Trung tâm Điện lực: Duyên Hải, Long Phú, Sông Hậu, Long An v.v... sử dụng nguồn than nhập khẩu.

- Phát triển các nhà máy điện hạt nhân nhằm bảo đảm ổn định cung cấp điện trong tương lai khi nguồn năng lượng sơ cấp trong nước bị cạn kiệt. Cụ thể, đưa tổ máy điện hạt nhân đầu tiên vào vận hành năm 2028; đến năm 2030 nguồn điện hạt nhân có công suất 4.600 MW, sản xuất khoảng 32,5 tỷ kWh chiếm 5,7% sản lượng điện sản xuất.
- Về định hướng phát triển lưới điện, xây dựng và nâng cấp lưới điện, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải; đến năm 2020, lưới điện truyền tải đạt tiêu chuẩn độ tin cậy N-1 cho các thiết bị chính và bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Khắc phục được tình trạng quá tải, nghẽn mạch, chất lượng điện áp thấp của lưới điện truyền tải; bảo đảm cung ứng điện với độ tin cậy được nâng cao cho các trung tâm phụ tải. Lưới điện truyền tải 500 kV được xây dựng để truyền tải điện năng từ các trung tâm điện lực lớn về trung tâm phụ tải, liên kết các hệ thống điện miền và trao đổi điện năng với các nước trong khu vực.
- Lưới điện truyền tải 220 kV được đầu tư xây dựng theo cấu trúc mạch vòng kép, các trạm biến áp trong khu vực có mật độ phụ tải cao cần đảm bảo thiết kế theo sơ đồ hợp lý để đảm bảo có thể vận hành linh hoạt. Nghiên cứu xây dựng các trạm biến áp GIS, trạm biến áp 220/22 kV, trạm ngầm, trạm biến áp không người trực tại các trung tâm phụ tải. Ứng dụng công nghệ lưới điện thông minh trong truyền tải điện.
- Tổng vốn đầu tư của phát triển nguồn và lưới điện (không tính các nguồn điện được đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT) giai đoạn 2016 - 2030 khoảng 3.206.652 tỷ đồng (tương đương 148 tỷ USD).

## 2. Chiến lược phát triển của PV POWER sau cổ phần hóa

### *2.1. Chiến lược phát triển*

- Quan điểm phát triển:

Phát triển PV POWER bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở:

- Lấy công nghiệp điện khí là hướng phát triển chủ đạo với lợi thế ngành để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khí;
- Chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, cung ứng than và các dịch vụ khác có liên quan nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh cho lĩnh vực kinh doanh chính;

- Tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực về môi trường sinh thái.

- Mục tiêu phát triển:
  - Xây dựng và phát triển PV POWER trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, năng động và có năng lực cạnh tranh trong SXKD điện và cung cấp các sản phẩm dịch vụ liên quan, trong đó lấy sản xuất điện là trọng tâm hàng đầu.
  - Chủ động tích cực đầu tư phát triển nhiệt điện khí trên cơ sở chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn khí thiên nhiên.
  - Phát triển các lĩnh vực dịch vụ có liên quan để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện bao gồm: bảo trì bảo dưỡng, cung ứng than đảm bảo nguồn than cho các Nhà máy điện của ngành điện lực dầu khí,… phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
  - Phát huy tối đa nội lực, thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển các NMĐ của Tổng Công ty. Tận dụng tối đa mọi nguồn lực, lựa chọn và đầu tư các NMĐ có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường để duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh dài hạn.

### *2.2. Những điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội, thách thức của PV POWERsau cổ phần hóa*

*2.2.1. Điểm mạnh:*

- Là đơn vị thành viên có vốn góp chi phối của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thừa hưởng các điều kiện thuận lợi từ PVN về cơ sở vật chất, nhân lực và đặc biệt là uy tín và thương hiệu của Tập đoàn.
- Hiện đang sở hữu các nhà máy điện có công nghệ hiện đại, có hiệu suất cao, máy móc thiết bị đều có nguồn gốc từ G7 đem đến sự ổn định trong vận hành, thân thiện với môi trường, chi phí sửa chữa ít và thời gian vận hành dài hơn.
- Bộ máy lãnh đạo PV POWER đoàn kết, có uy tín, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đội ngũ cán bộ, công nhân viên đoàn kết, yêu nghề, giàu nhiệt huyết, sáng tạo và sẵn sàng hội nhập.
- PV POWER đã tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm về quản lý và điều hành; bổ sung được nhiều cán bộ trẻ có năng lực, đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật đã có nhiều kinh nghiệm từ thực hiện đầu tư, quản lý vận hành các nhà máy điện có quy mô lớn, công nghệ cao,...
- Có nhiều lợi thế để phát triển điện khí do PVN là nhà sản xuất khí duy nhất trên thị trường.

*2.2.2. Điểm yếu:*

- Sản lượng điện sản xuất của các nhà máy điện còn phụ thuộc nhiều vào khả năng huy động của EVN/A0.
- Phụ thuộc công nghệ nước ngoài trong công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị
- Chế độ đãi ngộ nhân tài theo cơ chế Doanh nghiệp nhà nước

*2.2.3. Cơ hội:*

- Môi trường chính trị - xã hội ổn định, chính sách pháp luật hỗ trợ cho đầu tư và phát triển an ninh năng lượng
- Nền kinh tế đang dần phục hồi sau khủng hoảng, nhu cầu về năng lượng trong nước tăng cao, tạo cơ hội cho thúc đẩy sản xuất, phát triển thương mại và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- Nước ta đang trong tiến trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh, đây là cơ hội cho mọi doanh nghiệp tham gia bình đẳng và phát triển mạnh mẽ.

*2.2.4. Thách thức:*

- Lĩnh vực sản xuất điện có đặc thù là chi phí đầu tư ban đầu rất lớn, thời gian thu hồi vốn đầu tư dài, thường phải sử dụng nguồn vốn vay bằng ngoại tệ với tỷ trọng cao nên chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách tài chính như chênh lệch tỷ giá, lãi vay; giá bán điện xác định theo các quy định của nhà nước còn thấp… dẫn tới hiệu quả hoạt động SXKD (đặc biệt trong giai đoạn đầu) không đảm bảo.
- Chưa có thị trường điện cạnh tranh hoàn chỉnh nên chưa có một cơ chế điều hành vĩ mô và đồng bộ đối với việc kinh doanh điện năng. PV POWER với tư cách là một đơn vị SXKD điện sẽ không tránh khỏi các ảnh hưởng rất bất lợi từ thực tế này, trong đó yếu tố ảnh hưởng bất lợi nhất là không kiểm soát được đầu ra (giá bán điện, phương thức vận hành…).
- Trữ lượng than trong nước đang giảm dần nên cần chuyển đổi từ sử dụng than sản xuất nội địa sang than nhập khẩu.
- Sự cạnh tranh giữa các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực sản xuất điện: PV POWER sẽ không tránh khỏi sự cạnh tranh giữa sản phẩm điện sản xuất từ công nghệ hiện đại, giá thành cao và sản phẩm được sản xuất từ công nghệ cũ, chất lượng thấp và giá thành rẻ.

**3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa**

*(Theo Nghị quyết số 4437/NQ-DKVN ngày 13/07/2017 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa đưa vào Phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER)*

***3.1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:***

***(1) Kế hoạch đầu tư, vận hành các dự án:***

Hiện nay, lĩnh vực sản xuất điện đang được coi là một trong những ngành nghề kinh doanh chính của PVN với nhiều dự án điện đang được giao triển khai. Trong đó, PV POWER là đơn vị trực thuộc duy nhất hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực này. Kế hoạch đầu tư, vận hành các dự án trong tương lai dự kiến như sau:

- Đối với các dự án nhiệt điện than do Tập đoàn đầu tư, tiến độ chi tiết như bảng sau:

**Bảng 44: Kế hoạch đầu tư các dự án điện than**

| TT | Tên dự án | Công suất | Năm đi vào vận hành |
|---|---|---|---|
| 1 | Dự án NMĐ Thái Bình 2 | 1.200 MW | 2018 |
| 2 | Dự án NMĐ Long Phú 1 | 1.200 MW | 2019 |
| 3 | Dự án NMĐ Sông Hậu 1 | 1.200 MW | 2019 |
| 4 | Dự án NMĐ Long Phú 3 | 1.800 MW | 2023/2024 |

- Đối với các dự án điện khí: Tiến độ đầu tư được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch điện VII điều chỉnh và chiến lược phát triển của Tập đoàn. Cụ thể như trong bảng dưới đây:

**Bảng 45: Kế hoạch đầu tư các dự án điện khí**

| TT | Tên dự án | Công suất | Năm bắt đầu đầu tư | Năm đi vào vận hành | Năm hoàn thành đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dự án NMĐ Nhơn Trạch 3 | 750 MW | 2017 | 2021 | 2021 |
| 2 | Dự án NMĐ Nhơn Trạch 4 | 750 MW | 2018 | 2022 | 2022 |
| 3 | Dự án NMĐ Kiên Giang 1 | 750 MW | 2017 | 2021 | 2022 |
| 4 | Dự án NMĐ Kiên Giang 2 | 750 MW | 2018 | 2022 | 2023 |
| 5 | Dự án NMĐ Sơn Mỹ 2 #1 | 750 MW | 2019 | 2023 | 2024 |
| 6 | Dự án NMĐ Sơn Mỹ 2 #2 | 750 MW | 2020 | 2024 | 2025 |
| 7 | Dự án NMĐ Sơn Mỹ 2 #3 | 750 MW | 2021 | 2025 | 2026 |
| 8 | Dự án NMĐ Miền Trung 1 | 750 MW | 2018 | 2022 | 2023 |
| 9 | Dự án NMĐ Miền Trung 2 | 750 MW | 2019 | 2023 | 2024 |

***(2)KH thoái vốn tại các DN thành viên của PV POWER:***

Căn cứ Kế hoạch tái cấu trúc của PV POWER đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt số 976/QĐ-DKVN ngày 17/5/2016.

**Bảng 46: Kế hoạch thoái vốn của PV POWER giai đoạn 2017-2022**

| TT | Nội dung | Tỷ lệ thoái vốn | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty do TCT nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | | |
| | - Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na | 100% | 2017-2020 |
| | - Công ty cổ phần Thủy điện Đakđrinh | 100% | |
| | - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn | 100% | |
| | - Công ty CP Máy và thiết bị Dầu khí | 100% | |
| 2 | Công ty do Tổng công ty nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ (Công ty liên kết đầu tư tài chính) | 100% | 2017-2020 |

***(3) Các giả định tính toán khi lập kế hoạch kinh doanh:***

- Tỷ giá năm 2018 là USD/VNĐ = 22.950, tỷ giá tăng 2%/năm.

- Giá trị vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần: Không điều chỉnh sổ sách kế toán theo kết quả định giá doanh nghiệp của KTNN. Giá trị vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 23.418.715.000.000 đồng.
- Chính sách thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp tính chung trên toàn Công ty mẹ theo nguyên tắc bù trừ lãi lỗ giữa các chi nhánh với nhau. Tổng số lỗ sẽ được bù trừ lần lượt theo thứ tự vào lãi của chi nhánh có ưu đãi thuế nhiều hơn. Thu nhập còn lại sau khi bù trừ được tính thuế theo thuế suất của chi nhánh còn thu nhập.
- Phần xử lý số liệu tài chính khi chuyển giao thành công ty cổ phần chưa tính đến quyết toán vốn của Vũng Áng và sự ảnh hưởng tăng giảm của cổ phiếu PV POWER NT2, PV POWER Services. Giả định các ngân hàng nước ngoài và Bộ Tài chính đồng ý với phương án thoái vốn của PV POWER tại NMĐ Vũng Áng 1.
- Đối với các đơn vị sản xuất điện hiện hữu:
  - Sản lượng điện: Tính toán trên cơ sở công suất thiết kế các nhà máy, kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng, khả năng cấp khí,... và tham khảo sản lượng thực phát trong các năm qua.
  - Giá bán điện: Giá hợp đồng tính toán trên cơ sở các hợp đồng/thỏa thuận thanh toán đã ký kết/đàm phán với EVN/EPTC. Giá thị trường được tính toán trên cơ sở tốc độ tăng giá thị trường điện trong các năm qua và tham chiếu các quy định tại Thông tư 30/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh, Thông tư số 51/2015/TT-BCT ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 và Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá bán điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.
  - Tỷ lệ sản lượng điện tham gia thị trường: Tại các NM nhiệt điện, khoảng 90%-100% sản lượng điện bình quân nhiều năm. Tại các NM thủy điện, khoảng 80% sản lượng điện bình quân nhiều năm.
  - Giá nhiên liệu: (i) Giá khí đầu vào được tính trên cở sở quy đổi theo giá dầu Brent cộng với chi phí vận chuyển từ mỏ khí về bờ (Giá dầu Brent giai đoạn 2015 - 2025 theo báo cáo của World Bank, năm cơ sở 2017 là 50 USD/thùng); NMĐ Cà Mau 1&2 sử dụng nguồn khí PM3; NMĐ Nhơn Trạch 1&2 dự kiến sử dụng nguồn khí mỏ Hải Thạch – Mộc Tinh và nguồn khí mỏ Thiên Ưng – Đại Hùng); (ii) Giá nhiên liệu than tại NMĐ Vũng Áng 1: theo giá than TKV đang cung cấp cho Nhà máy trong năm 2016 (Giá FOB là 1.634 triệu VNĐ/tấn), tính trượt giá 2%/năm.
  - Chi phí O&M biến đổi, O&M cố định: Tính toán trên cơ sở KH SXKD năm 2017 đã được PVN phê duyệt, kế hoạch các năm sau tính trượt giá 2%/năm.

- Chi phí lãi vay: Tính toán theo quy định tại các hợp đồng vay vốn.

▪ Đối với các NMĐ mới đi vào vận hành:

- Sản lượng điện: Trong các năm đầu vận hành, sản lượng tính từ mốc thời gian dự kiến đưa vào vận hành trong năm và tham khảo số liệu tại các NMĐ hiện hữu.
- Các thông số về giá bán điện, giá nhiên liệu, chi phí quản lý vận hành, lãi vay, khấu hao... tính toán trên cơ sở các thông số khi phân tích hiệu quả kinh tế tại TMĐT dự án (có điều chỉnh tỷ giá từng năm khi tính toán).
- Đối với việc cung cấp dịch vụ vận hành thuê các NMĐ than do PVN làm chủ đầu tư: (i) Chi phí bao gồm chi phí cho công tác quản lý, vận hành, không bao gồm chi phí khấu hao, lãi vay; (ii) Doanh thu tính bằng tổng chi phí.

***(4) Dự kiến kế hoạch sản lượng điện sản xuất của các nhà máy trong tương lai (bao gồm cả sản lượng điện do PV POWER vận hành thuê cho PVN):***

**Bảng 47: Sản lượng điện thương mại của các Nhà máy điện của PV POWER (giai đoạn 2018-2022)**

*Đơn vị: Triệu kWh*

| TT | Sản lượng điện thương mại | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Sản lượng điện PV POWER sản xuất** | **23.648** | **22.500** | **21.940** | **25.335** | **28.026** |
| **1** | **Sản lượng nhiệt điện Khí** | **16.300** | **16.200** | **15.100** | **18.495** | **21.935** |
| 1.1 | NMĐ Cà Mau 1&2 | 7.500 | 7.600 | 7.200 | 7.300 | 7.600 |
| 1.2 | NMĐ Nhơn Trạch 1 | 3.500 | 3.400 | 3.100 | 3.500 | 2.850 |
| 1.3 | NMĐ Nhơn Trạch 2 | 5.300 | 5.200 | 4.800 | 5.400 | 4.600 |
| 1.4 | NMĐ Nhơn Trạch 3 | - | - | - | 2.295 | 4.590 |
| 1.5 | NMĐ Nhơn Trạch 4 | - | - | - | - | 2.295 |
| **2** | **Sản lượng Thuỷ điện** | **508** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| 2.1 | NM thuỷ điện Hủa Na | - | - | - | - | - |
| 2.2 | NM thuỷ điện Đakđrinh | 495 | - | - | - | - |
| 2.3 | NM thuỷ điện Nậm Cắt | 13 | - | - | - | - |
| **3** | **Sản lượng nhiệt điện Than** | **6.840** | **6.300** | **6.840** | **6.840** | **6.091** |
| 3.1 | NM NĐ Vũng Áng 1 | 6.840 | 6.300 | 6.840 | 6.840 | 6.091 |
| **II** | **Sản lượng điện PV POWER vận hành thuê** | **2.900** | **11.619** | **18.079** | **22.275** | **28.620** |
| **1** | **Sản lượng nhiệt điện Khí** | - | - | - | **2.295** | **9.180** |
| 1.1 | NMĐ Kiên Giang 1 | - | - | - | 2.295 | 4.590 |
| 1.2 | NMĐ Kiên Giang 2 | - | - | - | - | 2.295 |
| 1.3 | NMĐ Miền Trung 1 | - | - | - | - | 2.295 |
| 1.4 | NMĐ Sơn Mỹ 2#1 | - | - | - | - | - |
| 1.5 | NMĐ Miền Trung 2 | - | - | - | - | - |
| 1.6 | NMĐ Sơn Mỹ 2#2 | - | - | - | - | - |

| TT | Sản lượng điện thương mại | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.7 | NMĐ Sơn Mỹ 2#3 | - | - | - | - | - |
| **2** | **Tổng SL NĐ Than** | **2.900** | **11.619** | **18.079** | **19.980** | **19.440** |
| 2.1 | NM NĐ Thái Bình 2 | 2.900 | 5.619 | 6.840 | 6.300 | 6.840 |
| 2.2 | NM NĐ Long Phú 1 | - | 3.000 | 5.619 | 6.840 | 6.300 |
| 2.3 | NM NĐ Sông Hậu 1 | - | 3.000 | 5.620 | 6.840 | 6.300 |
| 2.5 | NM NĐ Long Phú 3 | - | - | - | - | - |
| | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | **26.548** | **34.119** | **40.019** | **47.610** | **56.646** |

### *3.2. Dự phóng kết quả kinh doanh và tài chính sau cổ phần hóa của PV POWER*

PV POWER tiến hành xây dựng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn 5 năm sau CPH (2018-2022) trên cơ sở mức vốn điều lệ không điều chỉnh theo giá trị định giá lại mà giữ nguyên theo giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 sau khi xử lý tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa của PV POWER được dự tính trên cơ sở các giả định tính toán, áp dụng cho kế hoạch đầu tư, thoái vốn của doanh nghiệp theo Kế hoạch tái cơ cấu PV POWER đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sau cổ phần hóa, PV POWER sẽ tiếp tục vận hành kinh doanh các nhà máy trực thuộc hiện tại. Theo chiến lược phát triển của PVN, PV POWER đặt mục tiêu là đầu mối sản xuất kinh doanh điện duy nhất trong Tập đoàn. PV POWER mong muốn triển khai thực hiện toàn bộ các dự án điện khí và tiếp nhận chuyển nhượng các dự án nhiệt điện than từ Tập đoàn trong tương lai.

Hiện tại, PVN đã được Chính phủ phê duyệt là chủ đầu tư của các Nhà máy điện khí theo Quy hoạch điện VII, và đang tiến hành triển khai đầu tư xây dựng 4 nhà máy điện than (bao gồm Thái Bình 2, Long Phú 1, Sông Hậu 1 và Long Phú 3). Trong số các Nhà máy điện khí PVN được phê duyệt là chủ đầu tư, PVN đã có Công văn trình Bộ Công Thương xin chấp thuận giao PV POWER làm chủ đầu tư dự án NMĐ Nhơn Trạch 3&4. *(Công văn số 2835/DKVN-B.ĐIỆN ngày 9/5/2017).*

Đối với chủ trương chuyển giao các NMĐ than cho PV POWER sau khi cổ phần hóa, do có sự tham gia vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, việc PV POWER tiếp nhận các nhà máy điện từ tập đoàn phải thực hiện theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán tại thời điểm tiếp nhận chuyển giao.

Do đó, với mục tiêu xây dựng kế hoạch kinh doanh khả thi và đủ cơ sở pháp lý thực hiện PV POWER tính toán các chỉ tiêu tài chính kế hoạch theo phương án dưới đây:

- PV POWER được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền về việc không điều chỉnh giá trị sổ sách theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp;

- PV POWER tiếp tục quản lý và vận hành các NMĐ hiện hữu;
- PV POWER được giao làm chủ đầu tư dự án điện khí Nhơn Trạch 3, 4;
- PV POWER được giao cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cho các Nhà máy điện do Tập đoàn làm chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

***Kế hoạch đầu tư các dự án nhiệt điện khí cụ thể như bảng sau:***

**Bảng 48: Kế hoạch đầu tư các dự án nhiệt điện khí**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| TT | Nội dung | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NMĐ Nhơn Trạch 3 | 390 | 720 | 1.920 | 1.680 | 91 | | 4.800 |
| 2 | NMĐ Nhơn Trạch 4 | | 421 | 1.059 | 2.117 | 1.451 | 245 | 5.294 |
| | **Tổng cộng** | **390** | **1.141** | **2.979** | **3.797** | **1.542** | **245** | **10.094** |

**Một số chỉ tiêu liên quan đến hoạt động SXKD cụ thể như sau:**

**Bảng 49: Hiệu quả hoạt động SXKD của PV POWER giai đoạn 2018-2022**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| A | Chỉ tiêu hiệu quả SXKD | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 25.788 | 28.387 | 31.718 | 34.428 | 36.379 |
| | *Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu* | *24.824* | *26.983* | *29.418* | *30.207* | *30.452* |
| 2 | Tổng Doanh thu | 25.756 | 34.192 | 41.268 | 51.775 | 63.963 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 2.231 | 2.720 | 3.458 | 4.339 | 3.666 |
| 4 | ROE | 8,7% | 9,6% | 10,9% | 12,6% | 10,1% |
| 5 | Tỷ lệ trả cổ tức | 6,0% | 6,0% | 6,0% | 5,0% | 5,0% |
| - | *%Trả cổ tức bằng tiền mặt* | *0,0%* | *0,0%* | *0,0%* | *5,0%* | *5,0%* |
| - | *%Trả cổ tức bằng cổ phiếu* | *6,0%* | *6,0%* | *6,0%* | *0,0%* | *0,0%* |

**Bảng 50: Nhu cầu vốn và cân đối nguồn vốn của PV POWER giai đoạn 2018-2022**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| B | Nhu cầu và nguồn vốn đối ứng của chủ sở hữu | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhu cầu vốn đối ứng | 1.220 | 3.009 | 3.797 | 1.542 | 245 |
| 2 | Nguồn vốn đối ứng | 1.220 | 3.009 | 3.797 | 1.542 | 245 |
| - | Quỹ ĐTPT và Lợi nhuận để lại | - | 2.075 | 3.172 | 1.542 | 245 |
| - | Thoái vốn | 1.220 | 934 | 626 | - | - |
| - | Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu | - | - | - | - | - |

**Giai đoạn 2018-2022: Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tương đối khả quan. Lợi nhuận giữ lại có thể cân đối được nhu cầu vốn đầu tư nên không phải phát hành cổ phiếu để thực hiện đầu tư.**

***3.3. Các biện pháp triển khai kế hoạch***

*3.3.1. Về quản trị chiến lược, kế hoạch:*

- Triển khai kế hoạch và quán triệt các bộ phận bám sát thực hiện các chỉ tiêu theo từng giai đoạn. Thường xuyên kiểm soát, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chủ động trong công tác điều hành hoạt động SXKD.
- Định kỳ tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra những giải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

*3.3.2. Về tổ chức quản lý:*

- Hoàn thiện xây dựng mô hình và cơ cấu tổ chức theo định hướng tinh gọn và chuyên môn hóa cao, bố trí nguồn lực phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Tổng Công ty.
- Đầu tư xây dựng công nghệ thông tin và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến hiện nay.
- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, rõ quyền hạn trách nhiệm của các cấp quản lý.
- Chuẩn hóa, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

*3.3.3. Về sản xuất:*

- Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, PV Gas, Vinacomin và đơn vị bảo trì, bảo dưỡng trong công tác vận hành/sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện nhằm sẵn sàng đáp ứng huy động tối đa công suất, đảm bảo đủ nguồn nhiên liệu khí/than để sản xuất an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra/giám sát về công tác quản lý kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra, có phương án ngăn ngừa xử lý kịp thời nhằm nâng cao độ khả dụng của các tổ máy/Nhà máy, không để xảy ra sự cố do yếu tố chủ quan gây ra.
- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công tác quản lý sản xuất và SXKD theo định hướng phát triển.
- Thực hiện các giải pháp để tối ưu hóa các quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí và giá thành sản phẩm.
- Xây dựng chiến lược đàm phán giá điện hợp lý với ENV/EPTC, bám sát tình hình thị trường điện, điều chỉnh các phương án chào giá để đạt lợi nhuận tối ưu và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành Nhà máy điện.
- Cải tạo nâng công suất và đảm bảo vận hành an toàn, ổn định.

- Tăng cường quan hệ với các đối tác để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm phát triển bảo dưỡng theo hướng chuyên môn sâu, đồng thời nâng cao trình độ đội ngũ bảo dưỡng của nhà máy.

*3.3.4. Về đầu tư mở rộng và nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ:*

- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, hình thành trung tâm thực nghiệm để nghiên cứu các sản phẩm điện từ nguồn năng lượng sạch thân thiện với môi trường.
- Xây dựng và đào tạo lực lượng chuyên gia đảm bảo đảm đương nhiệm vụ nghiên cứu đầu tư và phát triển các sản phẩm mới.
- Xây dựng tổ chuyên gia tư vấn, định hướng và liên kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, chuyên gia và các đối tác.
- Phát huy sáng kiến và cải tiến kĩ thuật trong vận hành nhà máy đảm bảo vận hành, bảo dưỡng an toàn, ổn định tiết kiệm năng lượng và nâng cao công suất nhà máy.
- Tập trung nghiên cứu nâng cao hiệu quả các nhà máy, cập nhật và xây dựng dữ liệu thiết bị phục vụ cho vận hành, bảo dưỡng.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các định mức tiêu hao, đề xuất các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để có được định mức tối ưu nhằm đảm bảo hạ giá thành.
- Lựa chọn công nghệ hiện đại, đồng bộ để đầu tư cho các dự án.

*3.3.5. Về tài chính:*

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát tốt dòng tiền làm tăng vòng quay vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Xây dựng và từng bước kiểm tra hoàn thiện hệ thống kiểm soát rủi ro tài chính, áp dụng các công cụ đánh giá và phòng ngừa rủi ro tài chính của công ty.
- Tìm kiếm, huy động nguồn vốn rẻ, hợp tác với các đối tác trong đầu tư phát triển nhằm san sẻ nguồn vốn.
- Hoàn thiện báo cáo kế toán quản trị, thường xuyên phân tích hoạt động tài chính để tham mưu cho lãnh đạo nắm bắt kịp thời và đưa ra những chiến lược tài chính phù hợp trước những biến động.
- Tìm hiểu và nghiên cứu cơ hội góp vốn, mua lại vốn góp của các công ty có hiệu quả cao hoặc hỗ trợ phát triển lâu dài cho các công ty thuộc ngành nghề chính của PV POWER.

*3.3.6. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực:*

- Duy trì và phát triển nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung cấp nguồn lực cho bên ngoài.
- Xây dựng chính sách thu hút và giữ nhân lực chất lượng cao.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát huy năng lực của mỗi cá nhân.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mô tả chức danh công việc.
- Hoàn thiện qui chế trả lương, thưởng tương xứng với đóng góp của người lao động.
- Xây dựng các chương trình đào tạo chuẩn theo từng lĩnh vực, đào tạo chuyên gia.
- Tăng cường hợp tác với các đơn vị đào tạo, liên kết với các nước ngoài trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

*3.3.7. Về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:*

- Tuyệt đối tuân thủ Luật pháp, các qui định về đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh và trong đầu tư xây dựng các dự án.
- Kiểm tra/giám sát, vận hành hiệu quả hệ thống quản lý công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường trong toàn Tổng Công ty.
- Nghiên cứu phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam, bảo đảm có đủ năng lực tự xử lý các nguồn thải, đặc biệt đối với các dự án nhiệt điện than.
- Lựa chọn và sử dụng công nghệ cao, hiệu quả, thân thiện môi trường, công nghệ có độ tin cậy và an toàn cao, chú trọng xử lý chất thải phù hợp với điều kiện Việt Nam, tích cực tham gia cơ chế phát triển sạch (CDM).
- Thực hiện chế độ kiểm tra bảo dưỡng các Nhà máy điện, bảo đảm độ tin cậy của các thiết bị công trình. Kiểm soát chặt chẽ an toàn hóa chất, các chất thải, đặc biệt là những hóa chất có mức độ độc hại cao ở các cơ sở sản xuất.
- Xây dựng định mức cho hoạt động ATSKMT để có thể thực hiện hoạt động này đạt hiệu quả cao nhất. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý ATSKMT cho toàn Tổng Công ty.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp sáng kiến phải được triển khai áp dụng nhanh chóng, hiệu quả. Tích cực triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khoẻ cho người lao động.

## IV. PHƯƠNG ÁN ĐÀO TẠO VÀ SẮP XẾP LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA

**1. Đánh giá hiện trạng lao động khi sắp xếp lại chuẩn bị cổ phần hóa**

Trong định hướng phát triển của mình, một mặt PV POWER tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động, PV POWER xác định việc sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ các cấp là nhiệm vụ quan trọng và thiết yếu đối với doanh nghiệp.

Đội ngũ CBNV PV POWER gần 1.200 người và phát triển song song với quy mô mở rộng của Tổng Công ty. Để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, hàng năm PV POWER đều tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

Với đội ngũ chuyên gia, cán bộ nhân viên hiện tại của PVPowwer, đa số cán bộ nhân viên đều có bề dày kinh nhiệm trong lĩnh vực bảo dưỡng, vận hành các Nhà máy điện, được đào tạo bài bản, chất lượng với hơn 67% CBNV trình độ đại học và trên đại học ngành điện và kỹ thuật.

**Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (20/04/2017), PV POWER không có lao động dôi dư, do:**

- Sau khi cổ phần hoá, PV POWER vẫn sẽ tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính. Theo kế hoạch dự kiến, trong các năm tới PV POWER sẽ thực hiện nhận chuyển giao/vận hành thuê các nhà máy điện do PVN đang đầu tư xây dựng, đồng thời PV POWER cũng có kế hoạch tập trung thực hiện đầu tư các dự án điện khí.
- Để chuẩn bị sẵn sàng nền tảng cho việc thực hiện tiếp nhận quản lý vận hành các nhà máy điện từ Tập đoàn và thực hiện các dự án điện khí mới, PV POWER cần chuẩn bị sẵn nguồn nhân lực có trình độ và năng lực cao, có khả năng làm chủ công nghệ cũng như vận hành thông suốt các nhà máy điện.
- Giai đoạn sau cổ phần hóa, PV POWER sẽ tiếp tục tập trung vào công tác đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng suất lao động của doanh nghiệp, phát huy năng lực và kinh nhiệm của các cán bộ, người lao động để sẵn sàng cho việc tiếp nhận/vận hành thuê các dự án Nhà máy điện từ Tập đoàn cũng như đầu tư các dự án điện khí mới. Do đó, PV POWER sẽ không có lao động dôi dư sau cổ phần hóa

**2. Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực sau cổ phần hóa của PV POWER như sau:**

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức và củng cố bộ phận quản trị nhân sự các cấp. Xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác đào tạo và phát triển nhân lực chuyên nghiệp đạt trình độ ngang tầm khu vực và quốc tế, tiến tới quản lý nhân sự theo tài năng và năng lực. Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ trong Tổng Công ty, phù hợp với tiêu chuẩn của ngành công nghiệp Điện trong khu vực và quốc tế.

- Xây dựng quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm, đặc biệt bổ nhiệm người đứng đầu các bộ phận/đơn vị. Nghiên cứu, thí điểm thuê các chức danh quản lý, điều hành và kỹ thuật then chốt.
- Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực của Tổng Công ty, nâng tỷ lệ lao động có trình độ kỹ thuật từ 72% (hiện tại) lên 82% trong cơ cấu lao động của Tổng Công ty. Nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý cho CBCNV cơ quan Tổng Công ty; cán bộ quản lý kỹ thuật như quản lý vận hành, quản lý bảo dưỡng, quản lý sản xuất...

**3. Chính sách đào tạo nhân lực sau cổ phần hóa**

- Đào tạo dự nguồn cán bộ kỹ thuật nòng cốt có chất lượng cao để phục vụ việc đầu tư xây dựng, vận hành các Nhà máy điện trong những năm tiếp theo.
- Xây dựng các chương trình đào tạo chuẩn theo từng lĩnh vực chuyên ngành; chuẩn hóa các chương trình đào tạo và tái đào tạo kỹ sư, công nhân kỹ thuật vận hành các Nhà máy điện để đảm bảo xây dựng được đội ngũ cán bộ vận hành được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp. Tăng cường sử dụng loại hình đào tạo nội bộ, bồi huấn kèm cặp trong Tổng Công ty.
- Tập trung đào tạo chuyên sâu về vận hành, sửa chữa Nhà máy điện nhằm tạo ra đội ngũ chuyên gia chuyên sâu trong lĩnh vực vận hành bảo dưỡng Nhà máy điện, có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành và tính chuyên nghiệp hóa trong từng công việc cụ thể.

**4. Phương án sắp xếp lao động của PV POWER sau cổ phần hóa:**

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của PV POWER, nhu cầu lao động của PV POWER sau cổ phần hóa, phương án sắp xếp lao động của PV POWER sau cổ phần hóa như sau:

**Bảng 51: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa**

| TT | Nội dung | Số người |
|---|---|---|
| **I** | **Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá** | **1.181** |
| 1 | Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động | 14 |
| 2 | Lao động làm việc theo HĐLĐ | 1.167 |
| | *a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn* | *643* |

| TT | Nội dung | Số người |
|---|---|---|
| | *b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng* | *519* |
| | *c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng,* | *3* |
| | *d) HĐ thử việc* | 2 |
| 3 | Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty | 0 |
| **II** | **Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa** | *0* |
| 1 | Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành | *0* |
| 2 | Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động | *0* |
| | a) Hết hạn hợp đồng lao động | *0* |
| | b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động | *0* |
| | c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật | *0* |
| 3 | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp | *0* |
| | a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP | *0* |
| | b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm | *0* |
| **III** | **Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần** | **1.181** |
| 1 | Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn | 1.181 |
| 2 | Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội | 12 |
| | *a) Ốm đau* | 2 |
| | *b) Thai sản* | 10 |
| | *c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp* | 0 |
| 3 | Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động | 1 |
| | *a) Nghĩa vụ quân sự* | 0 |
| | *b) Nghĩa vụ công dân khác* | 0 |
| | *c) Bị tạm giam, tạm giữ* | 1 |
| | *d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)* | 0 |

**5. Phương án phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi:**

Điều 19 Nghị định 59/2011/NĐ-CP quy định: ”Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, phúc lợi, sau khi bù đắp các khoản đã chi vượt cho người lao động, được chia cho người lao động đang

làm việc ở doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa."

Ngày 22/06/2017, Hội nghị Đại biểu Người lao động bất thường năm 2017 để cho ý kiến về các nội dung liên quan đến công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER) đã thông qua phương án phân chia quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động. Phương án phân chia cụ thể như sau:

-Tổng số quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi chia cho người lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) là: 55.181.877.904 (*Bằng chữ: Năm mươi năm tỷ, một trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, chín trăm lẻ bốn đồng*).

- Tổng số lao động được chia quỹ khen thưởng, phúc lợi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 966 người (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi sáu người*)

- Tổng số tháng của đối tượng được chia quỹ khen thưởng, phúc lợi: 53.368 tháng (*Bằng chữ: Năm mươi ba ngàn, ba trăm sáu mươi tám tháng*)

- Tổng số tiền 1 tháng làm việc tại PVPOWER được chia là 1.033.988 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

- Mức hưởng cụ thể của từng người lao động đã được các đơn vị rà soát, công khai và ký xác nhận của từng người lao động.

## V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Phương án sử dụng đất đã được PV POWER gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Tính đến nay, kết quả phê duyệt như sau:

**1. Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (PV POWER Cà Mau):**

***1.1. Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 1:***

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 240.792,3 $m^2$, địa chỉ xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, trong đó:
  - Diện tích xây dựng làm văn phòng làm việc là: 1.058,4 $m^2$, xây 04 tầng với kết cấu chính bằng bê tông cốt thép.
  - Diện tích xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh điện là: 239.733,9 $m^2$, xây dựng với kết cấu chính bằng bê tông cốt thép.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định 121/QĐ-UBND ngày 01/11/2012 của UBND tỉnh Cà Mau v/v thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
  - Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ815167 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/10/2013;
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/11/2032
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV POWER/PV POWER Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất xây dựng NMĐ Cà Mau 1 để sản xuất kinh doanh điện năng theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê.

***1.2. Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 2:***

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 109.434,2 m2, địa chỉ xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được xây dựng bằng kết cấu bê tông cốt thép.
- Hồ sơ pháp lý:

- Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Quyết định 26/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của UBND tỉnh Cà Mau v/v thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CT000045 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/10/2013;

- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 09/04/2037.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV POWER/PV POWER Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng là khu đất xây dựng NMĐ Cà Mau 2 để sản xuất kinh doanh điện năng theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê.

***1.3. Khu đất xây dựng cảng nhập dầu DO - Nhà máy điện Cà Mau 1:***

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 103.445,3 m2, trong đó: diện tích đất xây dựng cảng là 87.231,6 m2, diện tích đất mặt nước là 16.213,7 m2.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định số 89/QĐ/UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty điện lực dầu khí Cà Mau thuê để quản lý, sử dụng mục đích năng lượng;
  - Quyết định 101/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty điện lực dầu khí Cà Mau thuê để quản lý, sử dụng vào mục đích đất năng lượng;
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 925085 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016 (phần diện tích đất xây dựng cảng).
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 925086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016 (phần diện tích đất mặt nước).
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/11/2032
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV POWER tiếp tục được quản lý và sử dụng là khu đất để xây dựng làm cảng nhập dầu DO theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

***1.4. Khu đất Hành lang cây xanh - Nhà máy điện Cà Mau 1:***

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 84.739,8 m2
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định số 88/QĐ/UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty điện lực dầu khí Cà Mau thuê để quản lý, sử dụng vào mục đích đất năng lượng;
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 925087 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016.
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 925088 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016.
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/11/2032
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV POWER tiếp tục được quản lý và sử dụng là khu đất để xây dựng làm Hành lang cây xanh theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

***1.5. Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 phục vụ quản lý vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2:***

- Địa chỉ: Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng khu Nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 là 33.806 m2, trong đó phần diện tích đất xây dựng được giao cho PV POWER Cà Mau quản lý và sử dụng là 19.266,9$m^2$ (tạm tính theo tỷ lệ phân bổ tại Quyết định 279/QĐ-DKVN và Quyết định 280/QĐ-DKVN của Tập đoàn), gồm các khu nhà ở như sau:
  - Nhà ở hộ độc thân gồm 6 block, mỗi block có 5 căn nhà;
  - Nhà ở hộ gia đình gồm 2 block, mỗi block có 5 căn nhà;
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

-
- Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 13/01/2005 của UBND tỉnh Cà Mau v/v thu hồi đất của công ty PTN Minh Hải và 23 hộ dân, giao cho Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau xây dựng Nhà điều hành và nhà ở công vụ giai đoạn 1, tổng diện tích là 33.806 m2;
- Quyết định 279/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1;
- Quyết định 280/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 2;

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê
- Thời hạn sử dụng đất: 20 năm
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV POWER/PV POWER Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNVgiai đoạn 1NMĐ Cà Mau 1&2 theo hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

***1.6. Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 phục vụ quản lý, vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2:***

- Địa chỉ: Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng khu Nhà điều hành và nhà ở cho CBCNVgiai đoạn 2 được giao quản lý là 47.639,8 $m^2$ (tạm tính theo tỷ lệ phân bổ tại Quyết định 279/QĐ-DKVN và Quyết định 280/QĐ-DKVN của Tập đoàn), bao gồm diện tích xây dựng nhà ở và các công trình công cộng). Tổng diện tích xây dựng nhà ở là 9.100 $m^2$, bao gồm:
  - Nhà ở hộ gia đình 12 block;
  - Nhà ở hộ độc thân 10 block.

Còn lại là diện tích các công trình công cộng gồm: đường dây trung thế, hệ thống cấp điện chiếu sáng, bể nước ngầm, trạm bơm, hệ thống cấp thoát nước, trạm xử lý nước thải, hệ thống PCCC, nhà xe, đài nước, bể bơm nước ngầm, sân đường nội bộ, hàng rào, cây xanh, hệ thống truyền hình cáp, đất đai được chia theo tỷ lệ phân bổ cho PV POWER là 81,8% và PV Gas 18,2%.

- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 18/9/2007 của UBND tỉnh Cà Mau V/v thu hồi đất của 37 hộ gia đình để xây dựng dự án Nhà điều hành và nhà ở công vụ Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau giai đoạn 2, tổng diện tích thu hồi là 58.169 m2.

- Quyết định 279/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1;
- Quyết định 280/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 2;

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.
- Thời hạn sử dụng đất: 20 năm
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV POWER/PV POWER Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 NMĐ Cà Mau 1&2 theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

**2. Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (PV POWER Nhơn Trạch):**

***2.1. Khu đất xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:***

- Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng nhà máy điện Nhơn Trạch 1 là 314.155 $m^2$, trong đó:
  - Diện tích xây dựng làm văn phòng làm việc là: 727,3 m2,
  - Diện tích xây dựng căng tin: 270 m2,
  - Diện tích xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh điện là: 282.281,4 m2,
  - Diện tích khác: 30.876,3 $m^2$.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
  - Quyết định 2135/QĐ-UBND ngày 13/7/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v cho Ban Quản lý Dự án đường ống dẫn khí Phú Mĩ – thành phố Hồ Chí Minh được thuê đất để xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch;
  - Hợp đồng thuê đất số 16/HĐTĐ ngày 15/02/2008 giữa Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Đồng Nai, bên thuê đất là Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch, hình thức trả tiền nhiều lần (nay là Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh ngày 20/11/2009); Gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng số 16/PLHĐTĐ-01 ngày 16/7/2013.
  - Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số T00010 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/3/2008, thời hạn sử dụng đến hết ngày 07/8/2057.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Chuyển giao lại phần diện tích đất 10,906,8 m2 đất cho CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tiếp tục quản lý và sử dụng. Đối với phần diện tích đất còn lại: PV POWER tiếp tục sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

***2.2. Khu đất xây dựng Trạm bơm tăng áp - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:***

- Địa chỉ: Ấp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích đất: 2.121m2, trong đó diện tích để xây dựng nhà điều hành và nhà bảo vệ là 49,5 m2 được xây dựng kết cấu chính là hệ khung bê tông cốt thép.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
  - Quyết định số 3942/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trạm bơm tăng áp tại xã Vĩnh Thanh – huyện Nhơn Trạch;
  - Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 13/3/2008 của UBND huyện Nhơn Trạch v/v phê chuẩn phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trạm bơm tăng áp vận hành NMĐ Nhơn Trạch tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
  - Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam thuê đất để sử dụng vào mục đích xây dựng Trạm bơm nước tăng áp cho NMĐ Nhơn Trạch 1 tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch;
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

***2.3. Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 1:***

- Địa chỉ: Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: 8.410 $m^2$, trong đó diện tích xây dựng là 4.568,56 $m^2$, gồm:
  - Khu nhà ở công vụ xây 5 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép, gồm: Block A diện tích xây dựng là 1.320 m2, diện tích sàn là 5.183,7 m2; Block B diện tích xây dựng là 1.320 m2, diện tích sàn là 5.183,7 m2;
  - Khu nhà câu lạc bộ xây 2 tầng: diện tích xây dựng là 350m2, diện tích sàn là 670,9 m2;
  - Sân tennis: diện tích xây dựng là 702,45 m2;
  - Sân bóng chuyền: diện tích xây dựng là 705,45$m^2$.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
  - Ngày 01/02/2007, Ban quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch – TP. Hồ Chí Minh) đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty CP lắp máy điện nước và xây

dựng (COWAELMIC) số 02/2007/GPPPMB-COWAELMIC, gói thầu "Mua đất có sẵn hạ tầng để xây dựng công trình khu nhà ở cho CBCNV vận hành nhà máy";

- Ngày 20/6/2008, PV POWER, Ban Quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch (Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án ĐLDK 2) và COWAELMIC đã ký Phụ lục hợp đồng số 01 v/v chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng 02/2007/GPPPMB-COWAEMIC cho PV POWER;
- Ngày 06/11/2009, PV POWER và COWAELMIC ký Phụ lục hợp đồng số 02 của Hợp đồng 02/2007/GPPPMB-COWAEMIC, theo đó theo đó hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng 02 được tách từ Hợp đồng số 02/2007/GPPMB- COWAEMIC COWAELMIC để chuyển nhượng một phần diện tích ô đất chung cư CC1 thuộc đơn vị ở số 1 dự án khu dân cư Phước An – Long Thọ để xây dựng Tiểu khu 1 – Khu nhà ở công vụ cho CBCNV vận hành NMĐ Nhơn Trạch 1 với diện tích chuyển nhượng lô đất là 8.450 m2;
- Đến nay, khu công trình nhà ở cho CBCNV vận hành NMĐ Nhơn Trạch 1 đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2008. Hiện tại khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho COWAELMIC. PV POWER đang hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng Giấy CNQSDĐ cho Tổng Công ty.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

***2.4. Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 2:***

- Địa chỉ: Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: 10.967,9 $m^2$, trong đó diện tích xây dựng là 2.140 $m^2$, gồm:
  - Khu biệt thự song lập gồm 4 căn, diện tích xây dựng 540 m2 xây dựng kết cấu khung bê tông cốt thép, hiện chưa đưa vào sử dụng;
  - Khu biệt thự đơn lập gồm 16 căn, diện tích xây dựng 1.600 m2 xây dựng kết cấu khung bê tông cốt thép, chưa hoàn thiện phần thô.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
  - Ngày 01/02/2007, Ban quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch – tp. Hồ Chí Minh) đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty CP lắp máy điện nước và xây dựng (COWAELMIC) số 02/2007/GPPPMB-COWAELMIC, gói thầu "Mua đất có sẵn hạ tầng để xây dựng công trình khu nhà ở cho CBCNV vận hành nhà máy";
  - Ngày 20/6/2008, PV POWER, Ban Quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch (Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án ĐLDK 2) và COWAELMIC đã ký Phụ lục hợp đồng số 01 v/v chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng 02/2007/GPPPMB-COWAEMIC cho PV POWER;

- Ngày 06/11/2009, PV POWER và COWAELMIC ký Phụ lục hợp đồng số 03 của Hợp đồng 02/2007/GPPPMB-COWAEMIC, theo đó hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng 03 được tách từ Hợp đồng số 02/2007/GPPMB- COWAEMIC để PV POWER nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt do COWAELMIC làm chủ đầu tư để xây dựng Tiểu khu 2 – Khu nhà ở công vụ cho CBCNV vận hành NMĐ Nhơn Trạch 1. Tổng diện tích chuyển nhượng toàn bộ ô đất BT13 là 10.984 m2 gồm 20 lô đất biệt thự (BT13-1 đến BT13-20);

- Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu đất Tiểu khu 2 (20 căn biệt thự) cho COWAELMIC. PV POWER đanghoàn thiện thủ tục chuyển nhượng Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

**3. Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV POWER Hà Tĩnh):**

***3.1. Khu đất xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:***

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích đất: tổng diện tích khuôn viên đất được giao quản lý là 587.935,4 $m^2$, trong đó:
  - Diện tích đất xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: 398.400 m2, trong đó diện tích xây dựng trụ sở làm việc là 1.550 m2;
  - Diện tích đất xây dựng Nhà điều hành Ban QLDA: 29.335,4 m2;
  - Diện tích đất xây dựng Khu phụ trợ thi công số 1: 50.000 m2;
  - Diện tích đất xây dựng Khu phụ trợ thi công số 2: 110.200 $m^2$.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 4599/UBND-NL2 ngày 09/09/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định 1865/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh v/v thu hồi đất, điều chỉnh diện tích đất cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuê để xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
  - Hợp đồng thuê đất 53/2010/HĐTĐ ngày 14/9/2010 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch.

Trong đó:

- Đối với Diện tích đất xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (398.400 m2) và Diện tích đất xây dựng Nhà Điều hành Ban Quản lý dự án (29.334,4 m2): Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Đối với Diện tích đất xây dựng Khu phụ trợ thi công số 1 (50.000 m2): Không còn nhu cầu thuê đất.
- Khu phụ trợ thi công số 2 (110.200 m2) chuyển sang làm Bãi thải xỉ.
- Như vậy, tổng diện tích khu đất khuôn viên nhà máy nhiệt điện sau cổ phần hóa giảm từ 587.935,4 m2 xuống còn 427.735,4 $m^2$.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất, tiền thuê đất được nộp hàng năm.

***3.2. Khu đất xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn quản lý, vận hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:***

- Địa chỉ: phường Kỳ Thịnh, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích khu đất: tổng diện tích khuôn viên đất được giao quản lý là 45.040 $m^2$, diện tích xây dựng là 7.398$m^2$, trong đó:
  - Khu đất xây dựng Nhà công vụ gồm 05 block được xây 05 tầng với kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng là 4.440 m2, diện tích sàn là 20.615 m2;
  - Khu đất xây dựng Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích 1.500 m2;
  - Khu đất xây dựng Sân tennis diện tích 703 m2;
  - Khu đất xây dựng nhà tập luyện thể dục thể thao với kết cấu khung bê tông cốt thép, diện tích xây dựng là 755 $m^2$;
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 4599/UBND-NL2 ngày 09/09/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định số 329/QĐ-UBND v/v cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuê đất để xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn vận hành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
  - Hợp đồng thuê đất 15/2015/HĐTĐ-KKT ngày 20/7/2015 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch.
  - Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 15B/2015/HĐTĐ-KKT ngày 07/06/2017 ký giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
  - Biên bản bàn giao đất tại thực địa ngày 06/7/2015 giữa Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng – Quảng Trạch (ban QLDA) và PV POWER Hà Tĩnh v/v Ban QLDA thống nhất giao PV POWER Hà Tĩnh diện tích 45.040 $m^2$ đất tại phường Kỳ Thịnh, Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

***3.3. Khu đất xây dựng sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng***

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích khu đất: 106.420 m2.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Quyết định số 4599/UBND-NL2 ngày 09/09/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Quyết định số 556/QĐ-KKT ngày 16/12/2015 của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh về việc điều chỉnh diện tích cho thuê đất của Quyết định số 495/QĐ-KKT ngày 13/11/2015 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh v/v cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuê đất thực hiện dự án Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng tại xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh;
  - Hợp đồng thuê đất số 22/2015/HĐTĐ-KKT ngày 18/12/2015 cho dự án đầu tư Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng tại xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh giữa Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
  - Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 22B/2015/HĐTĐ-KKT ngày 07/06/2017 ký giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

***3.4. Các khu đất còn lại Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh đang sử dụng để vận hành NMĐ Vũng Áng 1:***

- Để đảm bảo kế hoạch cổ phần hóa, các khu đất còn lại của NMĐ Vũng Áng đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban Quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch hoàn thiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể:
  - Khu đất xây dựng Trạm bơm tuần hoàn và cửa lấy nước làm mát: diện tích 165.413m2, địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 16/2016/HĐTĐ-KKT ngày 22/9/2016 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban Quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng – Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 16B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Khu đất xây dựng Tuyến kênh thải nước làm mát và băng tải than, 23.451 m2, địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 10/2016/HĐTĐ-KKT ngày 26/7/2016 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban Quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 10B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Khu đất xây dựng Đường ống nước mặt bằng trạm bơm tuần hoàn, 15.602,3m2, địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 13 và 14/2016/HĐTĐ-KKT ngày 29/8/2016 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban Quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 13B/2016/HĐTĐ-KKT và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 14B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Khu đất xây dựng Bãi thải xỉ, 196.245 m2, địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 15/2016/HĐTĐ-KKT ngày 22/9/2016 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban Quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 15B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

▪ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

# PHẦN 3

# PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

## I. KHÁI LƯỢC PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA PV POWER

### 1. Các văn bản pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghi định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 63/2015/NĐ-CP 22/7/2015 của chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/5/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định 63/2015/NĐ-CP về chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được ban hành ngày 22/10/2015;

- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 06/09/2017 về việc phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017;
- Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030;
- Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành điện giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định 46/QĐ-TTg năm 2013 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- Quyết định 1011/QĐ-TTg năm 2015 điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- Quyết định số 1759/QĐ-DKVN ngày 28/7/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí.
- Quyết định số 976/QĐ-DKVN ngày 17/5/2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt Kế hoạch Tái cơ cấu PV POWER giai đoạn 2016-2020.
- Nghị quyết số 4437/NQ-DKVN ngày 13/07/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa đưa vào Phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí.
- Quyết định số 1364/QĐ-BCT ngày 20/4/2017 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cổ phần hóa.

**2. Mục tiêu cổ phần hóa**

- Chuyển đổi hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước sang hình thức đa sở hữu, từ đó thay đổi cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc tham gia mua cổ phần của cán bộ nhân viên cũng giúp tăng cường gắn bó với doanh nghiệp, nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt nghĩa vụ người lao động với trách nhiệm và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.
- Quá trình cổ phần hóa PV POWER đặc biệt coi trọng việc tìm kiếm các cổ đông chiến lược nước ngoài, hướng tới các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính và/hoặc các tập đoàn lớn trong ngành điện thế giới nhằm tận dụng được vốn, công nghệ, dịch vụ hiện đại, kinh nghiệm quản lý và tiếp cận với tiêu chuẩn kinh doanh, quản trị điều hành theo thông lệ quốc tế.

- Sau khi cổ phần hóa, việc trở thành công ty đại chúng sẽ giúp PV POWER minh bạch hoá tài chính và quản trị doanh nghiệp theo quy định của thị trường chứng khoán và theo thông lệ quốc tế phù hợp nhất.
- Cổ phần hóa giúp doanh nghiệp tạo dựng hình ảnh tốt hơn trong công chúng đầu tư, hỗ trợ quá trình huy động vốn cho các dự án trong tương lai của doanh nghiệp. Quá trình tiếp cận các nhà đầu tư quốc tế giúp doanh nghiệp tăng cường năng lực cạnh tranh cao, chủ động đáp ứng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp.

**3. Hình thức cổ phần hóa**

Theo quy định tại Điều 4, Nghị định 59/NĐ-2011/NĐ-CP, các doanh nghiệp nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa có thể lựa chọn 1 trong 3 hình thức sau:

- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Căn cứ theo tình hình thực tế về giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi xác định lại, với đề xuất về quy mô vốn và cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa như nêu tại phần 2, mục II – Thông tin công ty cổ phần dưới đây, hình thức cổ phần hóa PV POWER là: "***Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp".***

## II. THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN

### 1. Tên gọi của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM POWER CORPORATION
- Tên viết tắt: PV POWER
- Địa chỉ: Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 04 22210 288 Fax: 04 22210 388
- Mã số thuế: 0102276173
- Logo:

### 2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

#### *2.1. Quy mô vốn điều lệ lần đầu*

Theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017; theo đó, PV POWER không phải điều chỉnh giá trị sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi xây dựng quy mô vốn điều lệ của công ty cổ phần trong phương án cổ phần hóa và sử dụng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng giá khởi điểm khi bán cổ phần lần đầu.

Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán của Tổng Công ty sau xử lý tài chính là 23.418.715.917.565 đồng.

Trên cơ sở này, để thuận tiện cho việc xử lý số liệu khi chia cổ phần, vốn điều lệ được đề xuất làm tròn lên là 23.418.716.000.000 đồng.

Khi đó, vốn điều lệ lần đầu của Tổng Công ty tại thời điểm cổ phần hóa như sau:

- Vốn điều lệ: 23.418.716.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần: 2.341.871.600 cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

*2.2. Cơ cấu vốn điều lệ*

**Cơ cấu vốn điều lệ lần đầu của PV POWER được tính toán, xác định dựa trên nguyên tắc sau:**

Theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020, PV POWER thuộc danh mục Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ khi cổ phần hóa.

Theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành điện giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025: (i) trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2018, các Tổng công ty phát điện tiếp tục trực thuộc các Tập đoàn và do các Tập đoàn nắm giữ ít nhất 51% cổ phần; (ii) Giai đoạn từ năm 2019 đến 2020, tiếp tục xem xét thoái phần vốn nhà nước tại các Tổng công ty phát điện xuống dưới mức chi phối và tách các Tổng công ty phát điện ra khỏi các Tập đoàn sau khi có đánh giá kết quả hoạt động sau 02 năm thực hiện cổ phần hóa, đảm bảo tuân thủ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước.

Khi nghiên cứu để đề xuất về cơ cấu sở hữu vốn của PV POWER sau cổ phần hóa, PV POWER nhận thấy cơ cấu sở hữu sau cổ phần hóa cần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh cũng như đảm bảo quyền lợi của Nhà nước trong tương quan với lợi ích của các nhóm cổ đông khác. Các yếu tố dưới đây đã được PV POWER xem xét, đánh giá trước khi đề xuất cơ cấu vốn điều lệ hợp lý cho doanh nghiệp:

- Căn cứ khoản 7, điều 1 của Nghị định 116/2015/NĐ-CP sửa đổi nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần về cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.
- PV POWER cũng xem xét khả năng PV POWER được hỗ trợ ưu đãi để tăng hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới và chiến lược nắm giữ của PVN sau khi xem xét kỹ vấn đề chuyển giao các NMĐ trong tương lai cho PV POWER. Trong thời gian tới, PV POWER dự kiến sẽ tiếp nhận hoặc vận hành thuê các nhà máy điện than từ PVN, đồng thời sẽ triển khai đầu tư các nhà máy điện khí thuộc thẩm quyền phê duyệt của PVN, do đó PVN cần nắm giữ quyền quyết định chi phối để đảm bảo việc triển khai các dự án thuận lợi đồng thời đảm bảo quyền lợi của Nhà nước trong việc đầu tư các dự án.
- PV POWER hiện đang còn một số Hợp đồng vay với giá trị lớn từ các Ngân hàng nước ngoài để tài trợ cho Nhà máy Vũng Áng 1. Các Hợp đồng vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh, và có cam kết trong đó PVN phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ vốn tại PV POWER không dưới 51% cho đến hết thời hạn khoản vay là năm 2025. Trường hợp PVN không đảm bảo

điều kiện này, Ngân hàng cho vay có thể thu hồi nợ trước hạn, điều này sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của PV POWER.

- Xem xét đến vai trò của cổ đông Nhà nước hiện nay và vai trò của cổ đông chiến lược trong thế tương quan có lợi nhất cho Doanh nghiệp sau CPH. Tỷ lệ cổ phần bán cho NĐT chiến lược cần theo quy định của pháp luật và ở mức hợp lý để nhà đầu tư chiến lược có thể trực tiếp đồng hành, đóng góp cho sự phát triển dài hạn của doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Ngoài ra, trên cơ sở tìm hiểu nguyện vọng của nhà đầu tư chiến lược hiện đang bày tỏ quan tâm đến cơ hội đầu tư vào PV POWER, dự kiến tỷ lệ bán thành công cho nhà đầu tư chiến lược khó vượt quá mức chi phối 51%.
- Căn cứ tình hình thị trường để đưa ra cơ cấu chào bán ra bên ngoài, PV POWER và tổ chức tư vấn PSI đã tham khảo các phương án bán IPO của một số doanh nghiệp lớn cùng quy mô đã thực hiện trên thị trường để đánh giá quy mô chào bán IPO thành công.Tỷ lệ bán đấu giá công khai ra công chúng phổ biến của các doanh nghiệp quy mô lớn là 1-3% vốn điều lệ, với quy mô khoảng 1.000 tỷ đồng mệnh giá. Ngoài ra, một số doanh nghiệp trong và ngoài ngành cũng dự kiến IPO trong năm 2017, bao gồm PV Oil, BSR và Genco 3. Việc các doanh nghiệp có quy mô tương đồng, hoạt động trong cùng lĩnh vực, thực hiện IPO trong cùng thời điểm, sẽ ảnh hưởng đến tỷ lệ phát hành thành công của PV POWER.

Vì những lý do nêu trên, đồng thời để đảm bảo sự thành công của đợt chào bán lần đầu ra công chúng đồng thời đảm bảo công khai minh bạch trong công tác cổ phần hóa, PV POWER đề xuất trong giai đoạn đầu khi cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ tối thiểu 51%, chào bán IPO 20%. Sau khi thực hiện cho CBNV đăng ký mua cổ phần theo cơ chế ưu đãi quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, phần còn lại được chào bán cho cổ đông chiến lược là 28,882%.

Để đảm bảo phù hợp với chủ trương của Nhà nước tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 168/QĐ-TTg, PVN sẽ tiến hành thoái vốn, chỉ nắm giữ không quá 50% vốn cổ phần tại PV POWER kể từ sau năm 2019 trong trường hợp PVN, PV POWER tái cấu trúc được các khoản nợ tài trợ cho Nhà máy điện Vũng Áng 1.

Như vậy, tỷ lệ chào bán và cơ cấu sở hữu vốn điều lệ khi cổ phần hóa của PV POWER được đề xuất cụ thể như sau:

**Bảng 52: Cơ cấu vốn điều lệ PV POWER sau cổ phần hóa**

| TT | Đối tượng | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 1.194.354.516 | 11.943.545.160.000 | 51,00% |
| 2 | Bán cho CBNV | 2.757.400 | 27.574.000.000 | 0,118% |
| 2.1 | Bán bớt phần vốn của Nhà | 1.005.100 | 10.051.000.000 | 0,043% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | nước cho CBCNV theo giá ưu đãi | | | |
| 2.2 | Bán bớt phần vốn của Nhà nước cho CBCNV theo cam kết sử dụng lao động lâu dài | 1.752.300 | 17.523.000.000 | 0,075% |
| 3 | Bán đấu giá công khai (IPO) | 468.374.320 | 4.683.743.200.000 | 20,000% |
| 4 | Bán cho CĐCL | 676.385.364 | 6.763.853.640.000 | 28,882% |
| | **Tổng cộng** | 2.341.871.600 | 23.418.716.000.000 | **100%** |

## III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BÁN CỔ PHẦN

### 1.Phương án phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO)

#### *1.1. Đối tượng phát hành*

*Đối tượng phát hành*: Các nhà đầu tư (NĐT) tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa - Công ty mẹ PV POWER) theo quy định của pháp luật.

*Đối với nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá*: Khối lượng cổ phần bán cho NĐT nước ngoài sẽ do PV POWER quy định căn cứ vào tình hình thực tế và giới hạn bán cho NĐT nước ngoài được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

*Đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu* (theo quy định tại Điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011):

- Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham giavào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá.
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tổng Công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

#### *1.2. Phương thức phát hành*

- Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng trong nước thông qua phương thức bán đấu giá công khai, tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở Giao dịch chứng khoán) ban hành.
- Các điều kiện khác sẽ được phản ánh trong bản cáo bạch, công bố thông tin và được quyết định trước ngày IPO khoảng 01 tháng theo các hướng dẫn và quy định hiện hành.

#### *1.3. Khối lượng phát hành*

- Số cổ phần thực hiện bán đấu giá cho các nhà đầu tư bên ngoài dự kiến là 468.374.320 cổ phần, tổng giá trị mệnh giá 4.683.743.200.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ.
- Các giới hạn về tỷ lệ đăng ký mua của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân sẽ được quy định cụ thể theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đấu giá và được công bố thông tin theo đúng quy định.

### *1.4. Giá khởi điểm đấu giá*

PV POWER đề xuất mức giá khởi điểm dự kiến là: 14.400 đồng/cổ phần (xem chi tiết tại Phụ lục 02).

Mức giá này được đề xuất trên cơ sở đánh giá các yếu tố dưới đây:

- Mức giá đấu giá khởi điểm được đề xuất lựa chọn, đảm bảo được nguyên tắc bảo toàn lợi ích phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Đây vừa là nguyên tắc nhưng cũng là thông lệ thị trường đối với việc lựa chọn mức giá đấu giá khởi điểm đối với các doanh nghiệp nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa. Do PV POWER không thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp nên thì giá khởi điểm bán đấu giá phải đảm bảo không thấp hơn giá quy đổi tương đương trường hợp điều chỉnh theo GTDN xác định lại. Mức giá 14.400 đồng/cổ phần với vốn điều lệ 23.418.716.000.000 đồng sẽ tương đương giá 10.000 đồng/cổ phần với vốn điều lệ 33.556.543.000.000 đồng.
- Trên cơ sở giá trị cổ phiếu theo các phương pháp định giá phù hợp với doanh nghiệp và phản ánh những yếu tố kỳ vọng của nhà đầu tư vào tương lai phát triển của tổ chức phát hành. Theo đó, PV POWER và đơn vị tư vấn PSI dựa theo kết quả định giá doanh nghiệp bằng phương pháp tài sản của Tổ chức tư vấn định giá, có xem xét điều chỉnh kết hợp các phương pháp khác để đưa ra giá trị cổ phiếu phù hợp cho mục đích IPO.

### *1.5. Lịch trình dự kiến thực hiện*

Thời gian bán đấu giá: Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty được phê duyệt.

Lịch trình dự kiến thực hiện các công việc để IPO như sau:

**Bảng 53: Lộ trình đấu giá dự kiến**

| Nội dung công việc | Thời gian dự kiến(ngày) |
|---|---|
| Thời điểm nhận quyết định phê duyệt Phương án CPH | T |
| Ký kết hợp đồng bán đấu giá với tổ chức thực hiện đấu giá (Sở GDCK) | T + 10 |
| Thông báo đăng ký làm đại lý của Tổ chức thực hiện đấu giá | T + 20 |
| Đăng báo và công bố thông tin về việc bán đấu giá + công bố bản cáo bạch | T + 30 |
| Tổ chức thuyết trình (roadshow), giới thiệu cơ hội đầu tư | Quá trình liên tục trước IPO |
| Phối hợp với Tổ chức thực hiện đấu giá tổ chức buổi bán đấu giá | T + 60 |
| Nhận tiền thu từ bán cổ phần từ Tổ chức thực hiện đấu giá | T + 80 |
| Báo cáo kết quả bán đấu giá lên các cấp có thẩm quyền | T + 90 |

**2. Phương án phát hành cho người lao động**

***2.1. Đối tượng phát hành***

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59, đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty mẹ - PV POWER tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

***2.2. Phương thức phát hành***

Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách được phê duyệt. Gồm 02 hình thức như sau:

*2.2.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước*

a. Tiêu chí và giá bán:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn *Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là "Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)".*

b. Số lượng được mua ưu đãi:

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (20/4/2017) của Công ty mẹ là 1.181 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên công tác: 1.158 người; 23 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số năm làm việc của lao động trong khu vực nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi dự kiến là: 10.051 năm;
- Tổng số cổ phần ưu đãi của 1.158 cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước dự kiến: 1.005.100 cổ phần, chiếm 0,043% Vốn điều lệ.

*(Danh sách người lao động mua cổ phần giá ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước tại Phụ lục 04 đính kèm)*

*2.2.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần*

a. Tiêu chí người lao động được mua thêm:

Người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại thời điểm ngày 20/4/2017 (thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - TCT), người lao động thuộc đối tượng có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, chuyên gia giỏi, các cấp quản lý được Tổng Công ty thu hút, có nhu cầu sử dụng và có cam kết

làm việc lâu dài cho Tổng Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) và tối đa 10 năm sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo nguyên tắc sau:

(i) Người lao động thuộc đối tượng cần thiết phải thu hút, duy trì và làm việc lâu dài cho Tổng Công ty: là các cấp quản lý, người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật cao: được mua 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần. Bao gồm:

- Tại các Chi nhánh SXKD điện trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty (PV POWER Cà Mau, PV POWER Nhơn Trạch, PV POWER Hà Tĩnh):
  - Người lao động đang đảm nhận các chức vụ Cán bộ quản lý từ cấp Phó phòng và tương đương trở lên;
  - Người lao động hiện giữ các chức danh Vận hành viên bảng điện, Máy tính điều khiển, Trưởng ca/Trưởng kíp, kỹ sư quản lý kỹ thuật của các Nhà máy điện;
- Tại Cơ quan Tổng Công ty:
  - Người lao động đang đảm nhận các chức vụ Cán bộ quản lý từ cấp Phó Trưởng ban và tương đương trở lên;
  - Người lao động hiện giữ bậc lương chức danh từ 7,6 trở lên (tương đương chuyên viên nhóm 2) theo Quy chế trả lương của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại Quyết định số 524/QĐ-HĐTV-ĐLDK ngày 24/5/2016.
- Tại Chi nhánh TCT – Công ty Nhập khẩu & Phân phối Than Điện lực Dầu khí (PV POWER Coal):
  - Người lao động đang đảm nhận các chức vụ Cán bộ quản lý từ cấp Phó phòng và tương đương trở lên;
  - Người lao động hiện giữ bậc lương chức danh từ 7,6 trở lên theo Quy chế trả lương của PV POWER Coal tại Quyết định số 409/QĐ-HĐTV-ĐLDK ngày 16/6/2015.

(ii) Người lao động thuộc các đối tượng còn lại: Được mua 200 cổ phần/01 năm cam kết tiếp tục làm việc trong Công ty mẹ - Tổng Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần.

**Điều kiện đối với số cổ phần ưu đãi mua thêm:**

- Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định.
- Số cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.
- Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

- Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

b. Giá bán:

- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm (a) trên được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

c. Số lượng được mua:

- Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty mẹ có tên trong danh sách lao động tại thời điểm 20/4/2017 là 1.181 người;
- Tổng số lao động đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi: 1.074 người
- Tổng số cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần là: 1.752.300 cổ phần, chiếm 0,075% vốn điều lệ.

*(Danh sách người lao động đăng ký mua thêm tại Phụ lục 04 đính kèm)*

d. Thủ tục đăng ký mua thêm:

Đối với việc mua cổ phần ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty mẹ - Tổng Công ty sau khi cổ phần hóa:

- Người lao động phải ký cam kết làm việc lâu dài cho Công ty mẹ - Tổng Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
- Đối với người lao động cam kết làm việc lâu dài cho Công ty từ đủ 03 năm trở lên: Căn cứ vào số năm cam kết làm việc tiếp cho Tổng Công ty sau khi cổ phần hóa, chính sách ưu đãi mua thêm quy định tại mục 2.2.2 này và tùy thuộc khả năng tài chính của mình, người lao động thực hiện đăng ký số lượng cổ phần được mua ưu đãi.
- Đối với người lao động không cam kết làm việc lâu dài cho Công ty từ đủ 03 năm trở lên: Không được mua cổ phần ưu đãi.

### *2.3. Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động*

**Bảng 54: Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động**

| TT | Đối tượng | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND) | Tỷ lệ/ VĐL |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên công tác | 1.005.100 | 10.051.000.000 | 0,043% |
| 2 | Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần | 1.752.300 | 17.523.000.000 | 0,075% |
| | **Tổng cộng** | 2.757.400 | 27.574.000.000 | 0,118% |

### *2.4. Lịch trình dự kiến triển khai*

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, PV POWER triển khai kế hoạch bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài. Từ kết quả bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài công chúng thành công, PV POWER tiến hành bán cổ phần và thu tiền mua cổ phần của người lao động đã đăng ký mua.

Lịch trình dự kiến như sau:

**Bảng 55: Lộ trình dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động**

| Nội dung công việc | Thời gian dự kiến (ngày) |
|---|---|
| Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hoá | T |
| Thời điểm bán đấu giá | T + 60 |
| Thu tiền mua cổ phần của người lao động | T + 80 |
| Chốt danh sách người lao động chính thức mua cổ phần và báo cáo kết quả lên các cấp có thẩm quyền | T + 90 |

## 3. Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược

### *3.1. Mục đích, ý nghĩa việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nước ngoài*

- Việc đa dạng hóa các hình thức huy động vốn thông qua cổ phần hóa, thu hút đầu tư của đối tác chiến lược và các nhà đầu tư tài chính quốc tế để phát triển doanh nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh cả về quy mô và chất lượng trên thị trường Việt Nam và thế giới là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược đối với PV POWER.
- Bên cạnh gia tăng năng lực tài chính, mục tiêu quan trọng của việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là đổi mới phương thức quản lý, tăng cường hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp. Thực tiễn cổ phần hóa nhiều tập đoàn, Tổng Công ty lớn của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới cho thấy sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược trong tiến trình cổ phần hóa không chỉ góp phần huy động nguồn tài chính vững mạnh, ổn định cho doanh

nghiệp mà còn giúp cải thiện đáng kể năng lực quản trị doanh nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh hiện tại cũng như trong tương lai.

- Dự kiến, PV POWER sẽ thực hiện bán cổ phần thông qua đấu giá trong nước và bán cho đối tác chiến lược. Sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược có uy tín sẽ đem lại lợi ích cũng như khẳng định sự tin tưởng của nhà đầu tư vào PV POWER.
- Theo thông lệ quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài khó có thể ra quyết định đầu tư và tham gia đấu giá trong quá trình IPO chỉ căn cứ vào Bản Công bố thông tin theo quy định nhà nước hiện tại. Các nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện các bước tối thiểu là Thẩm định Soát xét ("Due Diligence") và Đàm phán các điều khoản chính (Term sheet) mới có thể ra quyết định đầu tư. Nhà đầu tư và các nhóm tư vấn của họ sẽ cần khá nhiều thời gian và thông tin bổ sung từ phía doanh nghiệp trong quá trình này. Với khối lượng mua và tỷ lệ nắm giữ lớn, các nhà đầu tư hầu hết sẽ yêu cầu đàm phán các điều khoản khác bên cạnh giá mua, đặc biệt các nội dung tham gia quản trị và hợp tác sau khi đầu tư.
- Việc bán cho NĐT chiến lược giúp PV POWER có thể đàm phán yêu cầu thêm các hỗ trợ khác từ nhà đầu tư và cam kết gắn bó lâu dài, tạo sự ổn định nhất định trong cơ cấu cổ đông sau khi CPH. Đặc biệt,trong trường hợp PV POWER dự kiến tiếp nhận các Nhà máy điện than từ Tập đoàn PVN, việc yêu cầu NĐT chiến lược cam kết hoặc thỏa thuận tiếp nhận nhà máy sau này cũng là một điều khoản quan trọng để đưa ra đàm phán.
- Ngoài ra, với quy mô vốn điều lệ lớn, tỷ lệ bán ra công chúng không đạt được quy mô để khiến doanh nghiệp sau cổ phần hóa có những thay đổi cơ bản, việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược sẽ là điểm then chốt, góp phần gia tăng khả năng thành công của quá trình cổ phần hoá PV POWER.

### *3.2. Quan điểm và tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược*

**Quan điểm xây dựng tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược của PV POWER như sau:**

- Phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật: Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tối thiểu phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện quy định theo pháp luật Việt Nam (Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định);
- Đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn của PV POWER.

**Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược:**

- Nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính tốt và có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần phải có lãi, không có lỗ lũy kế;
- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ PV POWER trong một hoặc một số lĩnh vực mà PV POWER đang hoạt động;

- Cam kết không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Ưu tiên Nhà đầu tư là các tổ chức có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực năng lượng hoặc kỹ thuật công nghệ liên quan đến sản xuất kinh doanh điện năng (sản xuất điện, cung cấp than, cung cấp nhiên liệu LNG, bảo trì bảo dưỡng, EPC, OEM…) hoặc nhà đầu tư có năng lực thu xếp tài chính, có khả năng hỗ trợ PV POWER thu xếp vốn đầu tư các dự án điện trong tương lai;
- Ưu tiên các nhà đầu tư cam kết biểu quyết chấp thuận nhận chuyển giao các nhà máy điện do PVN đầu tư xây dựng (nếu có) cho PV POWER theo hình thức phù hợp quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển giao;
- Có nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế và quyền định đoạt của nhà nước đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký.

PV POWER sẽ cụ thể hóa các tiêu chí trên để đánh giá năng lực Nhà đầu tư tiềm năng trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt.

***3.3. Phương án phát hành cho NĐT chiến lược***

a. Đối tượng phát hành:

Là các nhà đầu tư thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Phương thức phát hành và giá bán:

*i. Quy định hiện hành về bán chiến lược*

Về phương thức bán:

Theo khoản 5(b) Điều 6 Mục II Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011: *Trên cơ sở danh sách các NĐT chiến lược đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn được cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hóa xây dựng phương án và tổ chức bán cổ phần cho các NĐT chiến lược theo các nguyên tắc:*

- *Trường hợp có tối đa 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược thì phải tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành; nếu số cổ phần NĐT chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tiến hành thỏa thuận về số cổ phần bán ra, giá bán cổ phần, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt hoặc quyết định theo ủy quyền của cơ quan quyết định cổ phần hóa.*

- *Trường hợp có trên 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo CPH tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành.*

Về giá bán:

Theo Điều 5 khoản 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính quy định, giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:

- *Trường hợp bán cho các NĐT chiến lược trước khi thực hiện bán đấu giá công khai: Giá bán cổ phần cho NĐT chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá NĐT chiến lược đặt mua được xác định là giá trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các NĐT chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các NĐT chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.*
- *Trường hợp bán cổ phần cho NĐT chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán cổ phần cho NĐT chiến lược là giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá NĐT chiến lược đặt mua được xác định là giá trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các NĐT chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các NĐT chiến lược) nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.*

c. Thời gian dự kiến:

Để đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa PV POWER cũng như đảm bảo sự thành công trong công tác cổ phần hóa, PV POWER kiến nghị được triển khai các bước chuẩn bị cho công tác bán chiến lược song song với quá trình xây dựng phương án cổ phần hóa và triển khai IPO. PV POWER đã lên kế hoạch và triển khai thực hiện các công tác tìm kiếm, gặp gỡ các Nhà đầu tư tiềm năng cùng thời gian hoàn thiện Phương án cổ phần hóa, phấn đấu hoàn thành trong thời gian cho phép theo quy định của Pháp luật (03 tháng). Tuy nhiên, việc chào bán cho cổ đông chiến lược của PV POWER là một thương vụ lớn, quá trình thực hiện tương đối phức tạp, có liên quan đến nhiều bên, nhiều nền văn hóa và pháp luật khác nhau nên có thể kéo dài hơn dự kiến. Trường hợp việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược có vướng mắc, không thể hoàn thành trong 03 tháng theo quy định, trên cơ sở báo cáo, giải trình của PVN, PVPOWER, đề nghị Bộ Công Thương sẽ xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến các Thành viên Chính phủ về việc kéo dài thời hạn hoàn thành bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

**4. Kế hoạch xử lý số cổ phần không bán hết**

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua;
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương thức bán đấu giá công khai đã được phê duyệt;
- Số lượng cổ phần người lao động trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

**Sau khi hoàn tất thủ tục chào bán công khai cho các nhà đầu tư, PV POWER xin đề xuất được báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về số cổ phần không bán hết, theo đó PV POWER có thể chào bán số cổ phần này cho các nhà đầu tư chiến lược có nhu cầu mua.**

## IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

### 1. Chi phí cổ phần hóa

**Bảng 56: Chi phí cổ phần hóa**

| TT | Nội dung | Số tiền (đồng) |
|---|---|---|
| **I** | **Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp** | **4.500.000.000** |
| 1 | Chi phí thuê Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức đấu giá | 300.000.000 |
| 2 | Tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp | 131.000.000 |
| 3 | Chi phí tổ chức Đại hội công nhân viên chức | 648.290.000 |
| 4 | Chi phí thuê địa điểm tổ chức ĐH cổ đông lần đầu | 100.000.000 |
| 5 | Chi phí thực hiện tổ chức roadshow | 804.000.000 |
| 6 | Chi phí Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc | 1.986.500.000 |
| | Chi phí thành viên Ban chỉ đạo | 1.175.000.000 |
| | Chi phí thành viên Tổ giúp việc | 811.500.000 |
| 7 | Chi phí quyết toán công tác cổ phần hóa | 500.000.000 |
| **II** | **Chi phí thuê tư vấn** | **4.000.000.000** |
| 1 | Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp | 2.425.000.000 |
| 2 | Chi phí tư vấn lập phương án CPH và tổ chức bán cổ phần, tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu | 1.096.000.000 |
| 3 | Chi phí tư vấn tìm kiếm cổ đông chiến lược (CĐCL) | |
| | Chuẩn bị tài liệu chào bán cho CĐCL | 479.000.000 |
| **III** | **Tổng cộng** | **8.500.000.000** |
| **IV** | **Chi phí dự phòng (10%)** | **850.000.000** |
| **V** | **Tổng cộng đã bao gồm dự phòng** | **9.350.000.000** |

(*Giá trị dự toán chi phí chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng - VAT*)

**2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa**

**Bảng 57: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa**

| TT | Nội dung | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Giá trị sổ sách vốn nhà nước tại PVPOWER tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 | 23.418.715.917.565 | |
| 2 | Giá trị Vốn Nhà nước tại thời điểm 31/12/2015 sau khi xác định lại | 33.556.542.680.659 | |
| 3 | Vốn điều lệ Công ty cổ phần | 23.418.716.000.000 | Theo phương án đề xuất không điều chỉnh sổ sách |
| 3.1 | Vốn nhà nước tại công ty cổ phần | 11.943.545.160.000 | Dự kiến là 51% VĐL |
| 3.2 | Vốn CBCNV nắm giữ | 27.574.000.000 | Phần mua ưu đãi theo thâm niên công tác trong khu vực Nhà nước và mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài, dự kiến chiếm 0,118% VĐL |
| 3.3 | Vốn nhà đầu tư khác nắm giữ | 11.447.596.840.000 | Nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư tham gia mua đấu giá, chiếm 48,882% VĐL |
| 4 | Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần | 14.400 | Theo phương án đề xuất không điều chỉnh sổ sách |
| 5 | Tiền thu từ cổ phần hoá<br>(4= 4.1 + 4.2 + 4.3 + 4.4) | 16.518.456.633.600 | Tạm tính giá đấu thành công thấp nhất là giá khởi điểm |
| 5.1 | Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước | 8.684.064.000 | 60% giá đấu thành công thấp nhất. |
| 5.2 | Thu từ bán cổ phần cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài, chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao | 25.233.120.000 | Giá đấu thành công thấp nhất |
| 5.3 | Thu từ bán cổ phần đấu giá ra | 6.744.590.208.000 | Dự tính theo giá khởi điểm bán |

| TT | Nội dung | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | bên ngoài | | đấu giá cổ phần |
| 5.4 | Thu từ bán cổ phần cho NĐTCL | 9.739.949.241.600 | Dự tính theo giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần |
| 6 | Chi phí hỗ trợ lao động dôi dư | - | |
| 7 | Chi phí CPH đơn vị thực hiện | **9.350.000.000** | |
| 8 | Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | **16.509.106.633.600** | |
| | (7)=(4)-(5)-(6) | | |

*Ghi chú: Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp là số liệu tạm tính dựa trên giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 và giả định rằng toàn bộ lượng cổ phiếu chào bán sẽ được mua hết theo cơ cấu vốn điều lệ ban đầu với mức giá theo giá khởi điểm đề xuất. Số liệu thực tế sẽ được xác định khi tại thời điểm thực hiện quyết toán cổ phần hóa, chính thức chuyển PV POWER thành công ty cổ phần.*

## V. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU PV POWER

Khi đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Trong trường hợp Tổng Công ty đủ điều kiện để niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty sẽ thực hiện thủ tục niêm yết ngay khi đạt đủ điều kiện theo quy định.

Việc niêm yết cổ phiếu PV POWER trên thị trường chứng khoán là rất cần thiết và mang lại nhiều lợi ích:

- Việc niêm yết giúp PV POWER có khả năng tiếp cận được nhiều nguồn vốn lớn từ đó góp phần tăng cường năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh của mình. Sau khi niêm yết, PV POWER có thể tiếp cận được nhiều nguồn vốn lớn trong và ngoài nước với chi phí huy động vốn thấp thông qua phát hành chứng khoán ra côngchúng cũng như phát hành chứng khoán riêng lẻ trong nước và quốc tế. Cổ phiếu PV POWER sau khi niêm yết sẽ có tính thanh khoản tốt hơn, tăng sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư, thuận lợi cho việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược cũng như tạo tiền đề cho việc chào bán và niêm yết quốc tế khi có nhu cầu.
- Nâng cao vị thế và hình ảnh của PV POWER trên thị trường: Để được niêm yết chứng khoán, doanh nghiệp phải đáp ứng được các điều kiện chặt chẽ về tài chính, cơ cấu tổ chức cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do đó, những công ty đã được niêm yết trên thị trường thường được nhìn nhận là có hoạt động sản xuất kinh doanh tốt. Khi niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán, PV POWER có thêm kênh để quảng bá thương hiệu, uy tín và hình ảnh của PV POWER không chỉ với cộng đồng nhà đầu tư mà còn đối với các khách hàng, cũng như các đối tác trong nước và quốc tế.
- Nâng cao tính minh bạch, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị doanh nghiệp: Các công ty niêm yết phải đáp ứng và duy trì các điều kiện niêm yết về quản trị công ty rất nghiêm ngặt như yêu cầu có quy chế nội bộ về công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, ban hành và áp dụng quy chế quản trị công ty theo quy định và thông lệ quản trị tốt nhất… Do vậy, việc PV POWER niêm yết cổ phiếu được coi là một sự cam kết của Ban lãnh đạo PV POWER, khẳng định hoạt động công khai minh bạch và hiệu quả, đồng thời cũng là động lực để thúc đẩy PV POWER không ngừng củng cố, hoàn thiện bộ máy quản trị điều hành, chất lượng hoạt động kinh doanh và nâng cao độ tin cậy và thương hiệu của PV POWER.

- Việc niêm yết là một biện pháp để tăng tính thanh khoản và tính hấp dẫn của cổ phiếu đối với nhà đầu tư.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sau khi Phương án cổ phần hóa của PV POWER được phê duyệt, PV POWER dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

**Bảng 58: Lộ trình thực hiện phương án cổ phần hóa**

| TT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|
| 1 | Thời điểm nhận Quyết định phê duyệt Phương án CPH | T |
| 2 | Thời điểm đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài (IPO) | T + 60 ngày |
| 3 | Đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM | T + 105 ngày |
| 4 | Tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất, đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật | Quý I – Quý II/2018 |
| 5 | Tổ chức quyết toán CPH | Quý II/2018 |
| 6 | Nhận Quyết định phê duyệt quyết toán và Điều chỉnh Giá trị sổ sách; lập hồ sơ bàn giao & tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp CPH và CTCP | Quý III/2018 |
| 7 | Đăng ký Công ty đại chúng, niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại SGD Chứng khoán | Quý III- Quý IV/2018 |

## VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Sau khi kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của PV POWER được phê duyệt, trong quá trình tiếp tục xử lý tài chính đến thời điểm IPO để chuyển thành công ty cổ phần, dựa trên thực tế hoạt động của PV POWER, một số vấn đề có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Tổng Công ty sau cổ phần hóa, cần được xử lý trong quá trình chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tổng Công ty, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị sau cổ phần hóa gồm:

**1. Về các Hợp đồng vay vốn:**

PV POWER cần tiếp tục phối hợp với PVN để giải quyết các vấn đề liên quan đến các Hợp đồng vay, cụ thể như sau:

- Hiện nay, các khoản thu xếp vốn cho các nhà máy điện trực thuộc PV POWER (Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1) do PVN đứng tên chủ thể hợp đồng vay. PVN đã ủy quyền cho PV POWER thực hiện trả nợ. Tuy nhiên, sau khi chuyển thành công ty cổ phần, cần xử lý các vấn đề pháp lý giữa PVN và PV POWER để có căn cứ pháp lý đầy đủ hơn, đặc biệt trong trường hợp PV POWER có cổ đông chiến lược nước ngoài tham gia.
- Các Hợp đồng vay này đã được Bộ Tài chính bảo lãnh và phải thực hiện theo quy định củaThông tư 10/2016/TT- BTC, Điều 6.1, theo đó"Việc thế chấp tài sản cho khoản vay được Chính phủ bảo lãnh được thực hiện đối với toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay được Chính phủ bảo lãnh, thông qua việc ký kết một hoặc nhiều Hợp đồng thế chấp tài sản và Phụ lục Hợp đồng giữa Bên nhận thế chấp và Bên thế chấp theo tính chất của từng loại tài sản thế chấp để đảm bảo việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và trước khi Bộ Tài chính phát hành Thư bảo lãnh". Khi PV POWER chuyển thành công ty cổ phần, việc xác định Bên thế chấp cũng như vấn đề quyền sở hữu tài sản nhà máy của PV POWER cần lưu ý các vấn đề pháp lý để đảm bảo căn cứ vững chắc hơn.

**2. Vấn đề khác:**

PV POWER cần tiếp tục thực hiện công tác đối chiếu công nợ, thực hiện thông báo và đàm phán với các chủ nợ về việc PV POWER chuyển đổi thành công ty cổ phần, nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro phát sinh tranh chấp do chưa hoàn tất xử lý tài chính trước khi cổ phần hóa.

## VIII. KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT

Nhằm hỗ trợ Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa thành công và hoạt động hiệu quả sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty kiến nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam báo cáo Bộ Công thương trình Thủ tướng chính phủ xem xét thông qua một số vấn đề sau:

**1. Cơ chế khi thực hiện chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:**

- PV Power kiến nghị PVN đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế ủy quyền cho PVN được chủ động về tiêu chí chi tiết tìm kiếm, lựa chọn đối tác và chủ động các phương án đàm phán trên cơ sở Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt (về tiêu chí, tỷ lệ bán và giá bán), trình Bộ Công thương phê duyệt kết quả chọn lựa nhà đầu tư chiến lược.
- PV POWER kiến nghị được tiến hành chào bán cho nhà đầu tư chiến lược đồng thời với quá trình thực hiện thủ tục xây dựng phương án cổ phần hóa và thực hiện thủ tục IPO. PV POWER sẽ thực hiện báo cáo kết quả tìm kiếm Nhà đầu tư chiến lược lên cấp có thẩm quyền trước thời điểm tổ chức chào bán cổ phần lần đầu.

**2. Hỗ trợ PV POWER hoàn tất xử lý tài chính trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần:**

- Đối với các khoản vay nước ngoài do PVN ký kết để huy động vốn cho các Nhà máy điện đã được Chính phủ và Bộ Tài chính đứng ra bảo lãnh thanh toán, PV POWER kiến nghị Chính phủ và Bộ Tài chính hỗ trợ PVN và PV POWER đàm phán với Bên cho vay để chuyển đổi chủ thể ký kết Hợp đồng sang PV POWER (hoặc văn bản pháp lý giữa các bên, theo đó ghi nhận Người trả nợ là PV POWER), đồng thời kiến nghị Chính phủ và Bộ Tài chính tiếp tục giữ cam kết và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với bên cho vay. Trong quá trình chào bán cho cổ đông chiến lược sau này, tùy điều kiện và vị thế đàm phán, PV POWER có thể kiến nghị cổ đông chiến lược cùng bảo lãnh cho các khoản vay này theo tỷ lệ góp vốn.
- Trường hợp không đàm phán được về việc chuyển đổi chủ thể Hợp đồng vay với các ngân hàng nước ngoài, kiến nghị Thủ tướng chính phủ đồng ý cơ chế để PVN ký thỏa thuận chuyển nợ vay đối với các khoản vay trong quá khứ có liên quan đến hoạt động của PV POWER, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện, đảm bảo tính pháp lý cho các khoản vay hiện tại cũng như quyền sở hữu về tài sản nhà máy điện hiện nay của PV POWER. Nếu cơ chế này được phê duyệt, PV POWER đề xuất Tập đoàn PVN xem xét điều chỉnh số tiền và lịch trình trả nợ các khoản vay do Tập đoàn đứng tên vay nhằm hỗ trợ PV POWER giai đoạn đầu sau cổ phần hóa có dòng tiền tối ưu, đảm bảo tỷ lệ sinh lời hấp dẫn. Phần chênh lệch do điều chỉnh lộ trình PV POWER thanh toán khoản vay cho PVN

được PV POWER thanh toán vào thời điểm hợp lý và tạo ra dòng tiền tối ưu cho doanh nghiệp trong 5 năm đầu sau cổ phần hóa.

- Trường hợp đến thời điểm PV POWER chuyển thành công ty cổ phần mà các vấn đề tồn đọng về Hợp đồng vay chưa có cơ chế để xử lý, Tổng Công ty kiến nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn cụ thể để Tổng Công ty thực hiện hạch toán kế toán phù hợp các quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán kiểm toán, đồng thời đảm bảo tính minh bạch khi Tổng Công ty trở thành công ty đại chúng và tham gia thị trường chứng khoán.

**3. Tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các dự án mới trong tương lai**

Với mục tiêu để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh sau cổ phần hóa, tăng tính hấp dẫn cho cổ phiếu chào bán, PV POWER đề xuất PVN hỗ trợ tối đa trên tất cả các lĩnh vực để thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án thành công, bao gồm các nội dung sau:

- Đối với các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu khí, để tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường điện, kiến nghị giá khí cung cấp cho các Nhà máy điện của PV POWER ở mức phù hợp, đồng thời đảm bảo sản lượng cung cấp ổn định lâu dài (đối với nguồn khí khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, và các nguồn khí mới như Cá Voi Xanh, Lô B, LNG,..).
- Về việc cung cấp than, tạo cơ chế để PV POWER có thể từng bước chủ động trong việc tự đảm bảo nguồn cung cấp than (trong nước cũng như nhập khẩu).
- Hỗ trợ PV POWER tiếp cận các nguồn vốn vay hợp lý để thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện, đặc biệt là nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư các dự án sử dụng nguồn năng lượng sạch.
- Hỗ trợ giải quyết các vướng mắc liên quan đến kế hoạch thoái vốn của Tổng Công ty, đặc biệt là việc thoái vốn tại các công ty cổ phần đang vay vốn có bảo lãnh của Chính phủ/Bộ Tài chính. Tiến độ thoái vốn có ảnh hưởng rất lớn đến việc cân đối dòng tiền và nguồn vốn đầu tư cho các dự án mới trong tương lai.
- Đối với dự án thủy điện Luang Prabang tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23-7-2015 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, phù hợp với chiến lược của PV POWER đã được Tập đoàn phê duyệt; để tập trung phát triển các nguồn điện khí mới; kiến nghị PVN và Ban chỉ đạo CPH đề xuất với Chính phủ và các cấp có thẩm quyền chuyển giao dự án thủy điện Luang Prabang cho các nhà đầu tư khác phát triển cũng như có các chỉ đạo triển khai phù hợp với nội dung đã cam kết trong MOU của dự án.

# PHỤ LỤC 01:
# THÔNG TIN VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY CON PV POWER GIAI ĐOẠN 2013- 2016

## A. CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

### 1. Tổng quan về công ty

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Nhơn Trạch 2) được thành lập theo GCN ĐKKD số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 6 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 15 tháng 10 năm 2015. Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 2.848.760.290.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành công trình điện
- Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Nhập khẩu nhiên liệu và xuất khẩu vật tư phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện
- Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình điện.

Năm 2015 là năm đánh dấu những bước phát triển quan trọng của Công ty. Ngày 12/06/2015, Công ty chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán NT2. Ngày 11/10/2015, Công ty đạt mốc sản lượng điện 20 tỷ kWh. Trước đó, sau khi chính thức vận hành thương mại toàn bộ Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 vào năm 2011, năm 2012, Nhơn Trạch 2 đã ký kết hợp đồng mua bán điện giá tạm tính với Công ty mua bán điện (EPTC). Ngày 28/05/2014, Công ty ký kết Hợp đồng mua bán điện giá chính thức với EPTC.
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với công suất 750MW là đơn vị phát điện độc lập, nhà máy có hiệu suất nhiệt cao nhất trong số các nhà máy nhiệt điện của Việt Nam hiện nay.

### 2. Tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2013 – 2016

- Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản

**Bảng 59: Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản**

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2012 | 2013 | 2014(*) | 2015 | 2016 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Sản lượng điện | Tr.kWh | 4.649 | 4.687 | 4.763 | 5.499 | - |
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 5.575 | 5.935 | 7.517 | 6.729 | 7.983 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 7,7 | 8,2 | 1.591 | 1.202 | 1.148 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 7,7 | 8,2 | 1.591 | 1.142 | 1.086 |

*Nguồn: Báo cáo thường niên 2015, BCTC 2016 Nhơn Trạch 2*

*(*)Năm 2014, Doanh thu Công ty tăng cao do ghi nhận khoản doanh thu hồi tố tiền bán điện với số tiền là 658 tỷ đồng và khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản dư nợ có gốc ngoại tệ với số tiền 403 tỷ đồng.*

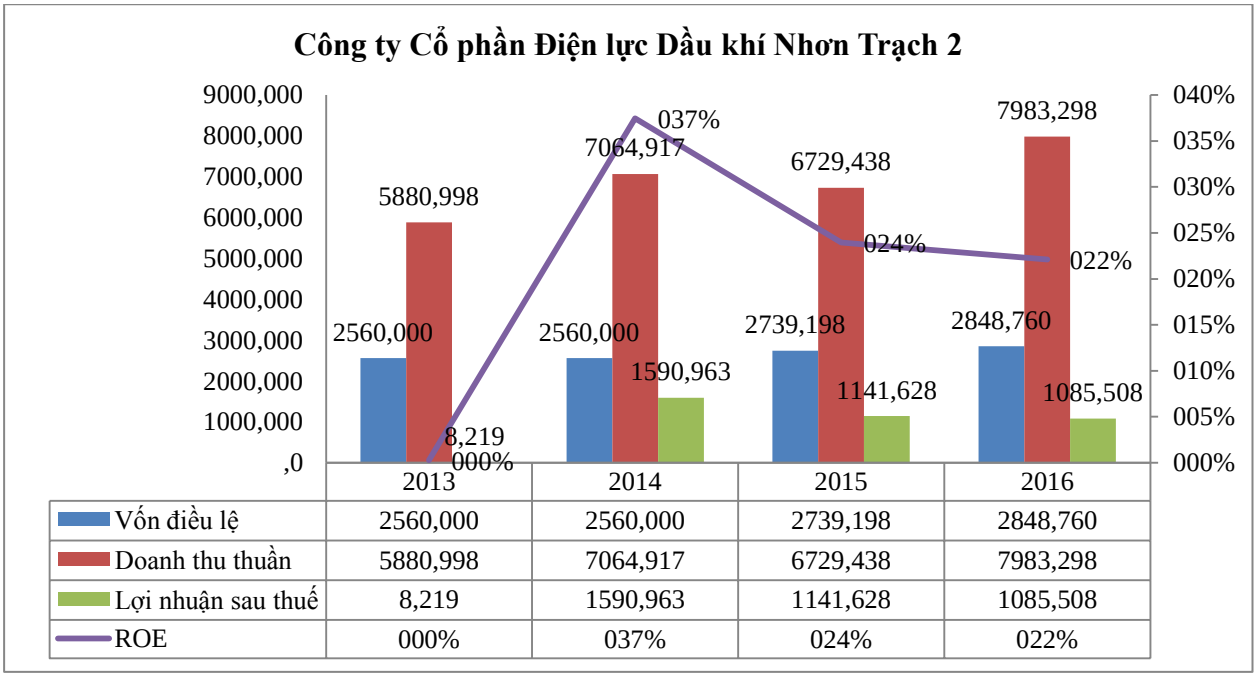


Có thể thấy được NT2 là một trong những những nhà máy điện có hoạt động cực kì hiệu quả: Sản lượng điện sản xuất tương đối ổn định trong giai đoạn vận hành chính thức từ 2012-2014. Trong năm 2015, nhờ có các yếu tố thuận lợi như giá khí đầu vào giảm mạnh giúp giá thành sản xuất điện tương đối cạnh tranh nên công ty có thể tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh mạnh hơn, hơn thế nữa, do thời tiết bất lợi nên nguồn điện từ thủy điện bị suy giảm, phải bổ sung công suất từ các nhà máy điện khí, do đó, sản lượng điện sản xuất của công ty tăng đột biến lên khoảng 5.500 tỷ kWh (tăng 15% so với 2014). Các chỉ tiêu về lợi nhuận thì sau giai đoạn vận hành ban đầu với các chi phí khấu hao và chi phí lãi vay rất lớn thì bắt đầu từ năm 2014, công ty bắt đầu ghi nhận lợi nhuận tương đối khả quan. Trong năm 2015, công ty đạt lợi nhuận sau thuế 1.142 tỷ đồng.

Thành công của NT2 đến 1 phần từ cơ cấu nợ vay của công ty: công ty tài trợ cho dự án với ½ nợ vay là đồng EUR. Trong những giai đoạn vừa qua, diễn biến tích cực của tỷ giá VND/EUR làm cho công ty được ghi nhận những khoản lợi nhuận tỷ giá lớn (hoặc không bị ghi nhận lỗ tỷ giá như các nhà máy tài trợ chỉ bằng tiền USD).

**B. CTCP Thủy điện ĐakĐrinh**

**1. Tổng quan về công ty**

CTCP Thủy điện ĐakĐrinh được thành lập theo GCN ĐKKD số 3403000106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 21 tháng 2 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 số 4300350203 ngày 15 tháng 7 năm 2011. Vốn điều lệ của Công ty là 930 tỷ đồng.Tại thời điểm 31/12/2016, vốn góp của chủ sở hữu là 1.021 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình điện, thủy điện

- Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Đầu tư, xây dựng các dự án thủy điện
- Xây lắp các công trình điện
- Kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực điện
- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch
- Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất nhập khẩu tài nguyên khoáng sản.
- Công ty cổ phần Thủy điện ĐăkĐrinh là đơn vị quản lý Nhà máy Thủy điện ĐăkĐrinh. Với công suất 125 MW, Nhà máy Thủy điện ĐăkĐrinh là dự án điện có công suất lớn nhất trong quy hoạch bậc thang thủy điện sông Trà Khúc, có nhiệm vụ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng hàng năm dự kiến 540,9 triệu kWh, đồng thời làm tăng lưu lượng cấp nước về mùa khô cho vùng hạ du và cắt lũ cho hạ lưu về mùa lũ, tạo nguồn nước ngọt phục vụ cho khu kinh tế Dung Quất.Tổ máy số 1 phát điện thương mại ngày 01/6/2014, tổ máy số 2 phát điện thương mại ngày 29/8/2014. Năm 2015, mặc dù gặp khó khăn về thủy văn, sản lượng điện của nhà máy đạt 525 triệu kWh, bằng 144% sản lượng điện năm 2014, doanh thu đạt 115% kế hoạch. Tuy nhiên, do mới đi vào hoạt động, chi phí lãi vay và chi phí khấu hao còn rất lớn, đồng thời công ty ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá nên lợi nhuận sau thuế của Công ty bị âm. Năm 2016, hoạt động sản xuất của công ty đã tốt hơn, chi phí lãi vay giảm nên mặc dù doanh thu giảm từ 524 tỷ đồng năm 2015 xuống còn 479 tỷ đồng năm 2016 nhưng năm 2016 lại có lợi nhuận sau thuế hơn 93 tỷ, đạt tỷ suất ROE hơn 8%.

**2. Tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2013 – 2016**

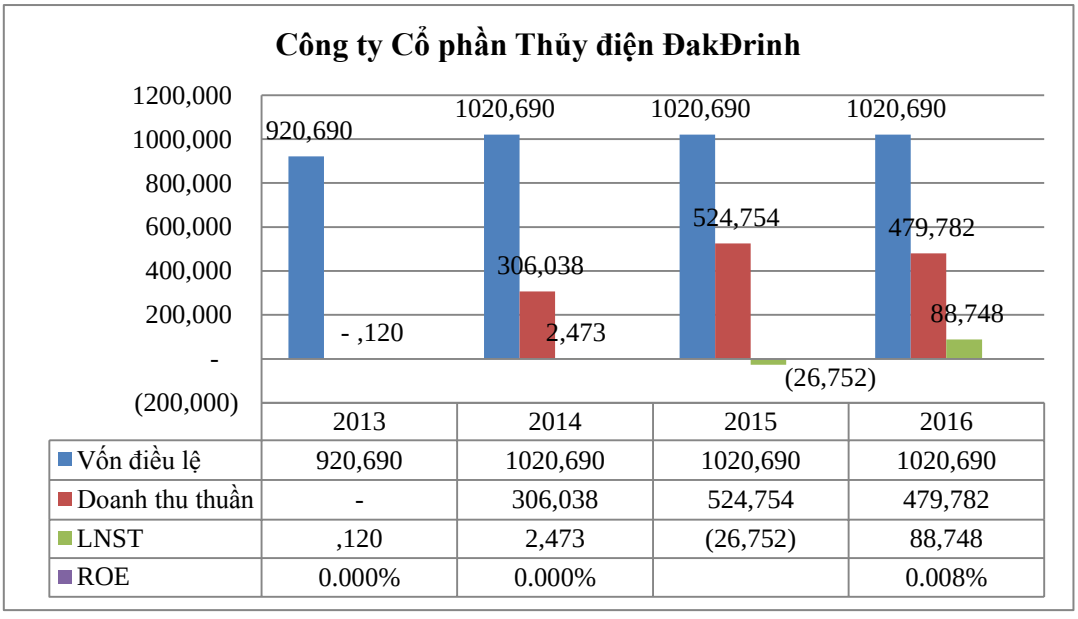


| | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 920,690 | 1020,690 | 1020,690 | 1020,690 |
| Doanh thu thuần | - | 306,038 | 524,754 | 479,782 |
| LNST | ,120 | 2,473 | (26,752) | 88,748 |
| ROE | 0.000% | 0.000% | | 0.008% |

## C.CTCP Thủy điện Hủa Na

### 1. Tổng quan về công ty

CTCP Thủy điện Hủa Na được thành lập theo GCN ĐKKD số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16 tháng 5 năm 2007. Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 2.257 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Cho thuê văn phòng
- Đầu tư xây dựng nhà ở văn phòng
- Khai thác quặng sắt
- Lắp đặt hệ thống điện
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện
- Bán buôn tổng hợp
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm và quặng kim loại khác không chứa sắt
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Kinh doanh Bất động sản, quyền Sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Kinh doanh khách sạn, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Hoạt động chính của công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Đây là nhà máy nằm trong quy hoạch Điện VII, được xây dựng trên dòng sông Chu, phía thượng nguồn công trình Cửa Đạt (Thanh Hóa). Với công suất 180 MW, nhà máy chiếm gần 40% tổng công suất hệ thống điện của tỉnh Nghệ An. Sau khi hai tổ máy lần lượt đi vào vận hành thương mại từ tháng 02/2013 và tháng 03/2013, Nhà máy đã ký hợp đồng mua bán điện với EVN cho cả đời dự án. Từ thời điểm Tổ máy số 1 hòa lưới điện quốc gia, đến thời điểm 10/04/2016, Nhà máy đã phát được 1.847 triệu kWh điện lên lưới điện quốc gia, đạt gần 84% tổng kế hoạch sản lượng mà Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã giao.

Trong năm 2015, do hiện tượng El Nino kéo dài dẫn đến thiếu hụt về nguồn nước, tình hình sản xuất kinh doanh không đạt được như kế hoạch đề ra: sản lượng điện là 459,2 triệu kWh (đạt 72% kế hoạch), doanh thu chỉ đạt đạt 68,7% kế hoạch.

**2. Tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2013 - 2016**

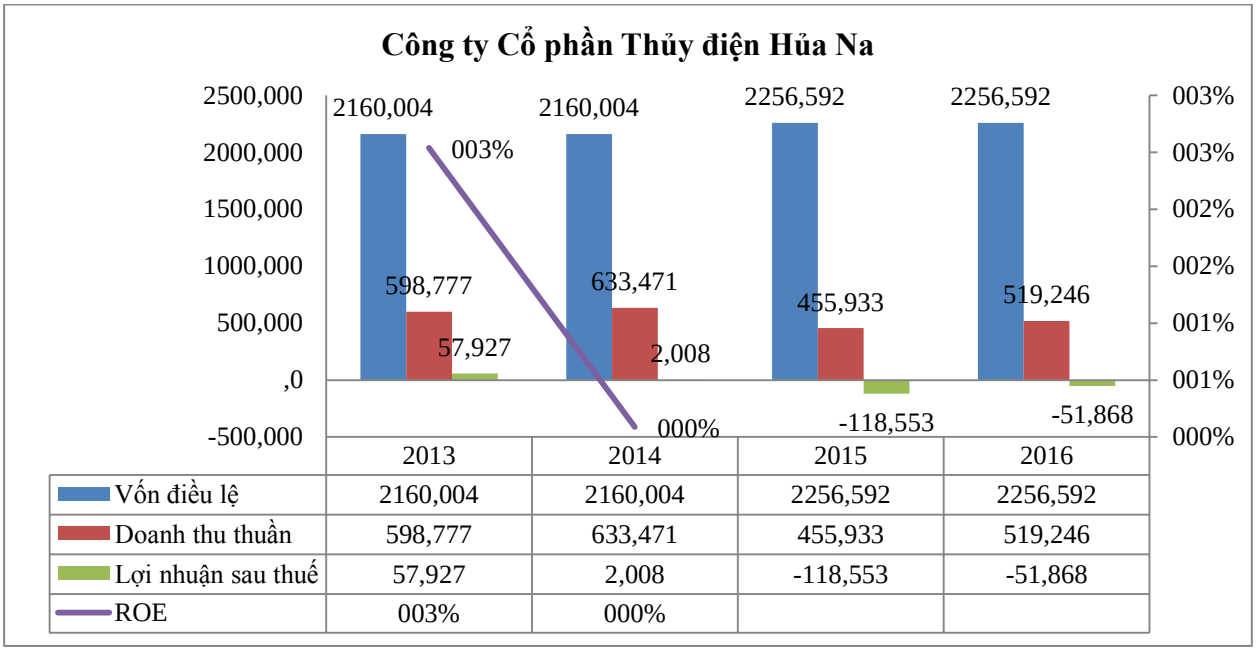


| | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 2160,004 | 2160,004 | 2256,592 | 2256,592 |
| Doanh thu thuần | 598,777 | 633,471 | 455,933 | 519,246 |
| Lợi nhuận sau thuế | 57,927 | 2,008 | -118,553 | -51,868 |
| ROE | 003% | 000% | | |

**D. CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

**1. Tổng quan về công ty**

CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PPS) được thành lập theo GCN ĐKKD số 0103021005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 150 tỷ đồng.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Lặp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Dịch vụ kỹ thuật: Bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp.

Công ty được thành lập trên cơ sở PV POWER nhận thấy cần có một đơn vị thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí. Ngày 27/11/2007, PPS chính thức thành lập với vốn điều lệ 150 tỷ đồng.

Ngày 28/8/2008 PPS thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu tiếp cận thị trường khu vực phía Nam và mở rộng mạng lưới hoạt động của mình

Ngày 03/8/2009, công ty đã thành lập hai chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp để phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau. Đến nay, 3 chi nhánh của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo dịch vụ sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng tại các nhà máy.

Ngày 07/1/2011, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch PPS.

Tháng 1/2015, Công ty đã thành lập chi nhánh Hà Tĩnh để đảm nhiệm bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.Hiện tại, Công ty đã chính thức được giao thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy này.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, PVPS đã có 5 chi nhánh trải dài từ Bắc vào Nam, thực hiện công tác bảo dưỡng cho các nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Nhiệt điện Vũng Áng 1, Thủy điện ĐăkĐrinh, Thủy điện Hủa Na,… Năm 2015, PVPS đã thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên các nhà máy điện, hoàn thành công tác tiểu tu trung gian Nhà máy điện Cà Mau 2 đúng tiến độ, đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2 vượt tiến độ 5 ngày; thực hiện thành công lần đầu trung tu tổ máy 2 – nhà máy Thủy điện Hủa Na vượt trước tiến độ 4 ngày, trung tu các tổ máy Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 vượt 54 giờ. Bên cạnh những chỉ tiêu tích cực về mặt tài chính trong 3 năm trở lại đây (doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng, ROE ở mức 2 con số), năm vừa qua doanh thu của Công ty là 1.279 tỷ đồng, đạt 164% kế hoạch đề ra.

Tuy vậy, vấn đề cơ bản trong việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng cho các nhà máy điện là phần lớn doanh thu hợp đồng lại thuộc về bên cung cấp dịch vụ thứ 3, gồm có các nhà cung cấp thiết bị ban đầu. Phần công việc do PPS trực tiếp làm mới chỉ dừng lại ở các sữa chữa, bảo dưỡng đơn giản, có giá trị gia tăng không lớn. Do vậy, mặc dù vẫn ghi nhận doanh thu tăng trưởng tốt qua các năm nhưng lợi nhuận sau thuế của công ty đều không lớn, biên lợi nhuận rất thấp.

**2. Tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2013 – 2016**

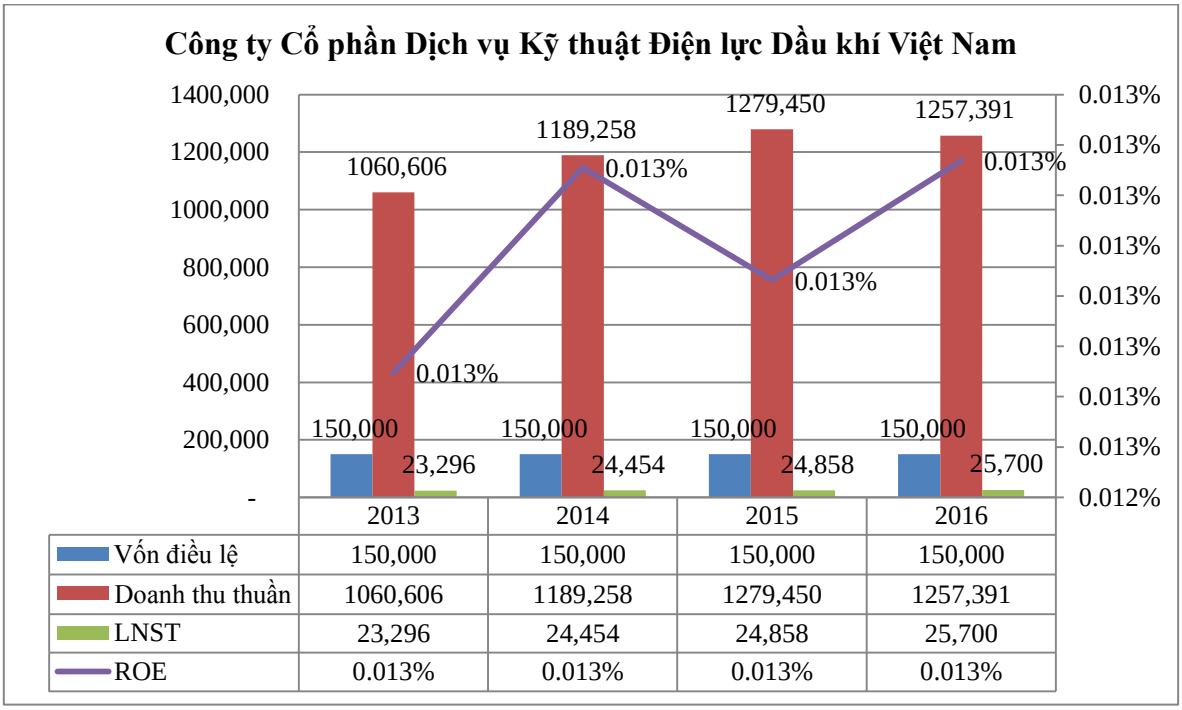


| | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 150,000 | 150,000 | 150,000 | 150,000 |
| Doanh thu thuần | 1060,606 | 1189,258 | 1279,450 | 1257,391 |
| LNST | 23,296 | 24,454 | 24,858 | 25,700 |
| ROE | 0.013% | 0.013% | 0.013% | 0.013% |

**E. CTCP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn**

**1. Tổng quan về công ty**

CTCP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn được thành lập theo GCN ĐKKD lần đầu số 4700191357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 16/12/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 26/06/2013. Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 là 85 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sửa chữa thiết bị điện
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Khai thác gỗ
- Khai thác quặng kim loại quí hiếm
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Công ty là đơn vị quản lý nhà máy Thủy điện Nậm Cắt. Đây là dự án nhỏ với công suất lắp máy 3,2 MW, nhưng là công trình trọng điểm của tỉnh Bắc Kạn, kể từ khi đi vào vận hành thương mại (từ tháng 4/2012) đến nay Nhà máy đã giải quyết tới 1/3 nhu cầu tiêu thụ điện và đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng công nghiệp 18%/năm của Bắc Kạn. Năm 2015, sản lượng điện nhà máy đạt 15,7 triệu kWh (xấp xỉ 130% kế hoạch sản lượng 2015 do PV POWER giao, đem về doanh thu 17,63 tỷ đồng, đạt 164% kế hoạch và bắt đầu có lợi nhuận (225 triệu đồng).

**2. Tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2013– 2016**

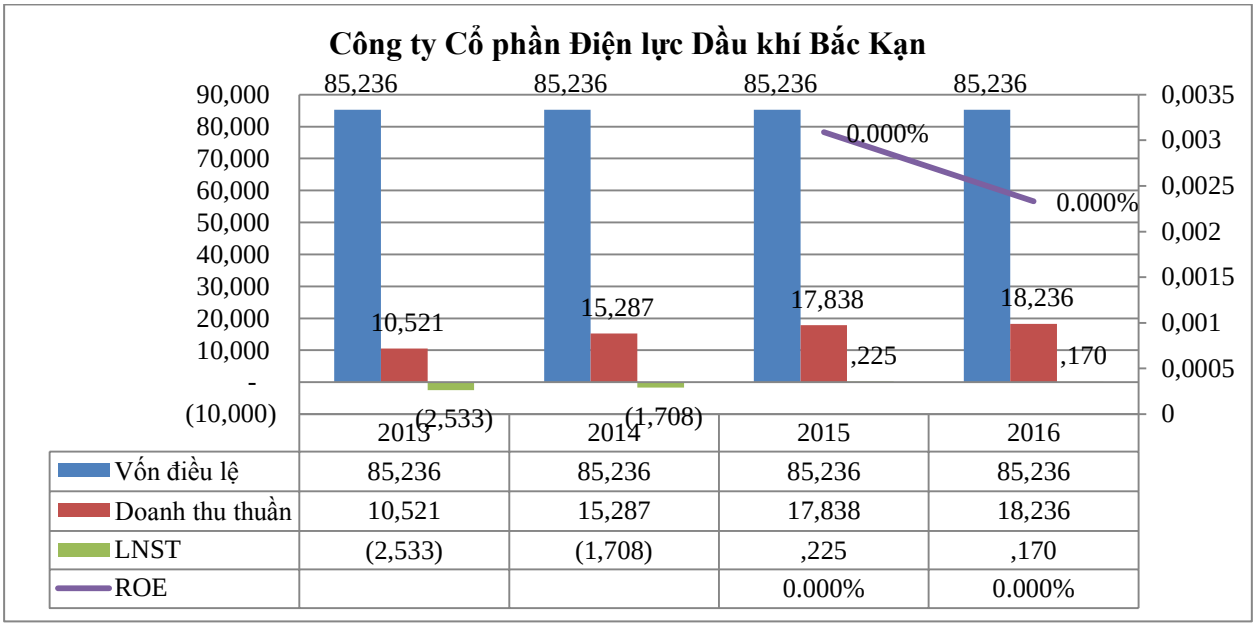


| | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 85,236 | 85,236 | 85,236 | 85,236 |
| Doanh thu thuần | 10,521 | 15,287 | 17,838 | 18,236 |
| LNST | (2,533) | (1,708) | ,225 | ,170 |
| ROE | | | 0.000% | 0.000% |

**F. Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí**

**1. Tổng quan về công ty**

CTCP Máy – Thiết bị Dầu khí (PV Machino) được thành lập theo GCN ĐKDN số 0101394512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/03/2010.

Tiền thân của Công ty là Tổng Công ty Máy và Phụ tùng – Tổng Công ty 90 Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại. Năm 2009, Công ty Máy và Phụ tùng chuyển thành Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, chuyển về làm đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngày 01/03/2010 PV Machino chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101394512. Từ tháng 11/2014 đến nay, PV Machino trở thành thành viên của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.Vốn điều lệ của Công ty là 386 tỷ đồng.

Công ty hoạt động chủ yếu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Cung cấp máy móc, vật tư, thiết bị,… cho các công trình, dự án
- Cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế do các nhà máy thủy điện, nhiệt điện
- Kinh doanh thương mại

Kể từ khi thành lập tới nay, PVMachino liên tục thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh, cung cấp máy móc thiết bị, phụ tùng vật tư cho các dự án cả trong và ngoài ngành Dầu khí, tiêu biểu như: PVTex Đình Vũ, PVPipe, PVGas D, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, cung cấp vật tư tiêu hao, thiết bị cho Nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy Đạm Cà Mau.

Trong 3 năm trở lại đây, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế và ROE của Công ty đều có xu hướng tăng tuy nhiên còn rất yếu. Năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đạt 860 tỷ

đồng (bằng khoảng 100,5% chỉ tiêu đề ra), lợi nhuận sau thuế chỉ đạt xấp xỉ 15 tỷ đồng, ROE ở mức trên 3%.

**2. Tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2013 – 2016**

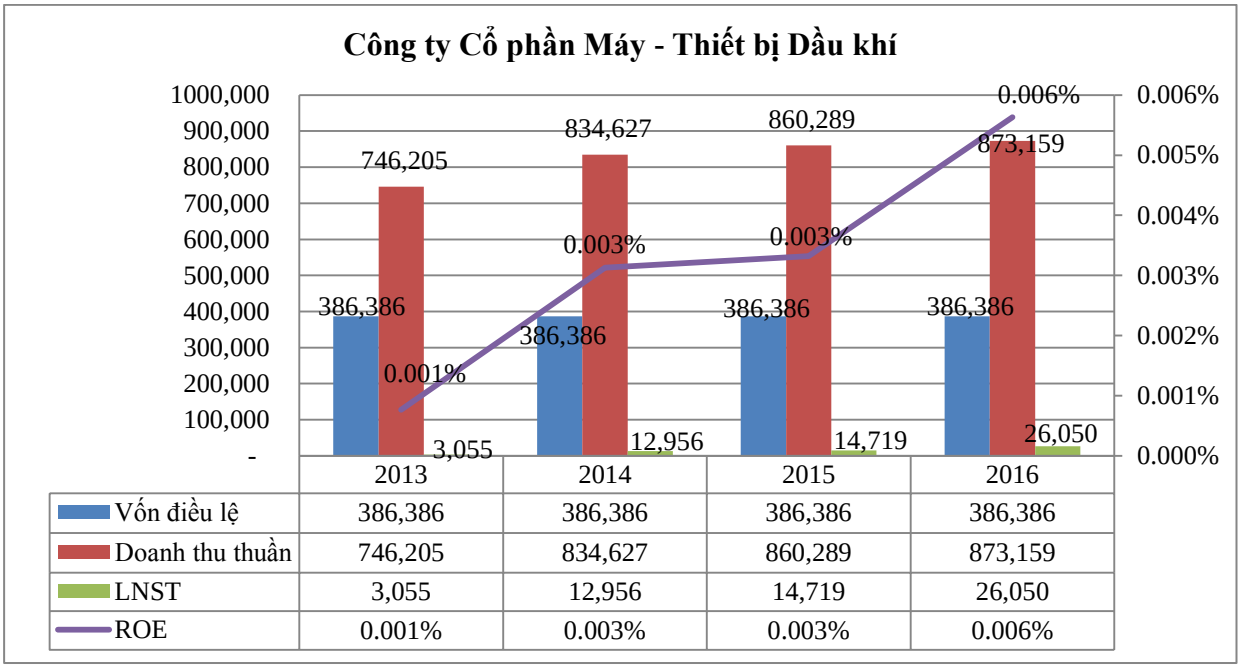


| | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ | 386,386 | 386,386 | 386,386 | 386,386 |
| Doanh thu thuần | 746,205 | 834,627 | 860,289 | 873,159 |
| LNST | 3,055 | 12,956 | 14,719 | 26,050 |
| ROE | 0.001% | 0.003% | 0.003% | 0.006% |

## PHỤ LỤC 02:
## PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM IPO

**1. Nguyên tắc xác định giá đấu giá khởi điểm IPO cho PV POWER**

Giá đấu giá khởi điểm chào bán lần đầu ra công chúng cổ phiếu của PV POWER được đề xuất trên cơ sở đánh giá các yếu tố dưới đây:

(i) Mức giá đấu giá khởi điểm được đề xuất lựa chọn, đảm bảo được nguyên tắc bảo toàn lợi ích phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Đây vừa là nguyên tắc nhưng cũng là thông lệ thị trường đối với việc lựa chọn mức giá đấu giá khởi điểm đối với các doanh nghiệp nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa.

(ii) Trên cơ sở giá trị cổ phiếu theo các phương pháp định giá phù hợp với DN và phản ánh những yếu tố kỳ vọng của nhà đầu tư vào tương lai phát triển của tổ chức phát hành. Theo đó, PV POWER và đơn vị tư vấn PSI dựa theo kết quả định giá doanh nghiệp bằng phương pháp tài sản của Tổ chức tư vấn định giá, có xem xét điều chỉnh kết hợp các phương pháp khác để đưa ra giá trị cổ phiếu phù hợp cho mục đích IPO.

(iii) Điều kiện thị trường tại thời điểm chào bán: nhằm đánh giá sức mua của thị trường và kỳ vọng/thông lệ trung bình của thị trường khi NĐT đứng trước nhiều cơ hội đầu tư.

(iv) Bối cảnh thị trường chứng khoán giai đoạn hiện nay, mặc dầu môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính, tiền tệ có những dấu hiệu hồi phục, song thị trường chứng khoán còn chưa có tín hiệu tăng trưởng vững chắc trong thời gian tới, và vẫn tiềm ẩn những biến cố phức tạp. Việc lựa chọn giá đấu giá khởi điểm có tính đến yếu tố hỗ trợ từ thị trường chứng khoán có thể gặp nhiều rủi ro, do vậy mức giá đấu giá khởi điểm cần được đề xuất trên cơ sở cẩn trọng.

(v) Khối lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: tuy tỷ lệ chào bán dự kiến ra công chúng và cán bộ nhân viên của PV POWER là không lớn nhưng khối lượng cổ phiếu dự kiến được chào bán hơn 90 triệu cổ phần. Đây không phải là một khối lượng cổ phần mà năng lực thị trường hiện tại có thể hấp thụ một cách dễ dàng, và là một thách thức lớn đối với đợt IPO sắp tới của PV POWER.

(vi) Về tổng thể, giá trị lợi ích của chiến lược cổ phần hóa PV POWER không chỉ dừng lại ở mục tiêu IPO thành công mà còn tạo tiền đề quan trọng cho việc chào bán cho các đối tác chiến lược tiếp sau. Vì vậy, việc đưa ra mức giá đấu giá khởi điểm không hợp lý sẽ là những thách thức lớn, tác động tiêu cực đến sự thành công của các đợt chào bán tiếp theo.

**2. Các phương pháp sử dụng**

Sử dụng 3 phương pháp để định giá IPO cho PV POWER, bao gồm:

Phương pháp so sánh P/B: So sánh với các công ty trong ngành điện ở Việt Nam đã niêm yết hoặc giao dịch tập trung trên sàn chứng khoán.

Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM): Giá trị hiện tại của dòng cổ tức dự kiến của công ty trong tương lai

Phương pháp NAV: Giá trị tài sản ròng của công ty (tổng giá trị thị trường của tài sản công ty trừ đi giá trị thị trường của nợ vay) chia cho số lượng cổ phiếu.

## 3. Chi tiết phương pháp định giá

### *3.1. Phương pháp so sánh P/B*

Tổng hợp P/B của các công ty thuộc lĩnh vực phát điện tại Việt Nam, sử dụng giá giao dịch trung bình trong 50 phiên gần nhất và giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (thời điểm hiện tại là BCTC Q1.2017) được tính toán bởi Bloomberg:

| Mã CP | P/B |
|---|---|
| BTP | 0,73 |
| CHP | 1,81 |
| DRL | 2,85 |
| HJS | 1,34 |
| KHP | 0,71 |
| NBP | 0,74 |
| NT2 | 1,63 |
| PIC | 1,23 |
| PPC | 1,10 |
| S4A | 1,76 |
| SHP | 1,69 |
| SJD | 1,40 |
| TBC | 1,80 |
| TIC | 1,25 |
| TMP | 2,24 |
| VSH | 1,21 |
| **Trung vị** | **1,37** |

*Nguồn: Bloomberg, ngày 28/06/2017*

Với giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu là 10.000 VND và mức P/B theo tính toán bên trên là 1,37 lần, giá trị cổ phiếu tương ứng là:

10.000 * 1,37 = 13.700 VND / CP

Như vậy, kết quả định giá theo phương pháp so sánh P/B là:

**$V_{P/B}$ = 13.700 VND/CP**

### *3.2. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM)*

Theo thông tư 127/2014/TT-BTC, giá trị cổ phiếu doanh nghiệp theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức được tính như sau:

$$\text{Giá trị cổ phiếu} = \sum_{i=1\to n} \frac{D_i}{(1+K)^i} + \frac{P_n}{(1+K)^n} + \text{Chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất đã được giao, hoặc chênh lệch về tiền thuê đất của số năm thuê đất đã trả tiền còn lại}$$

ghi tăng vốn nhà nước

Trong đó:

1. Các chỉ tiêu và xác định các chỉ tiêu

$\frac{D_i}{(1+K)^i}$: là Giá trị hiện tại của cổ tức năm thứ i

$\frac{P_n}{(1+K)^n}$: là Giá trị hiện tại của phần vốn Nhà nước năm thứ n

i: thứ tự các năm kế tiếp kể từ năm xác định giá trị doanh nghiệp (i:1→n).

$D_i$: Khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức năm thứ i.

n: Là số năm tương lai được lựa chọn (3-5 năm).

$P_n$: Giá trị phần vốn nhà nước năm thứ n và được xác định theo công thức:

$$P_n = \frac{D_{n+1}}{K - g}$$

$D_{n+1}$: Khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức dự kiến của năm thứ n+1

K: Tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của các nhà đầu tư khi mua cổ phần và được xác định theo công thức:

$$K = R_f + R_p$$

$R_f$: Tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro, chỉ tiêu này được tính bằng lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm đã phát hành ở thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

$R_p$: Tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư mua cổ phần của các công ty ở Việt Nam, chỉ tiêu này được xác định theo bảng chỉ số phụ phí rủi ro chứng khoán quốc tế tại niên giám định giá hoặc do các công ty định giá xác định cho từng doanh nghiệp nhưng không vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro ($R_f$).

g: Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức và được xác định như sau:

$$g = b \times R$$

Trong đó: b là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại bổ sung vốn.

R là tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân của các năm tương lai.

2. Chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất: PV POWER không ghi nhận chênh lệch này.
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến của công ty trong tương lai theo kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

| Tỷ lệ trả cổ tức (tính trên mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| *%Trả cổ tức bằng tiền mặt* | *0,0%* | *0,0%* | *0,0%* | *5,0%* | *5,0%* |
| *%Trả cổ tức bằng cổ phiếu* | *6,0%* | *6,0%* | *6,0%* | *0,0%* | *0,0%* |
| Tổng cổ tức trong năm | 6,0% | 6,0% | 6,0% | 5,0% | 5,0% |

Ứng với tỷ lệ trả cổ tức dự kiến như trên, dòng cổ tức tiền mặt cho mỗi cổ phiếu (có điều chỉnh cho việc trả cổ tức bằng cổ phiếu) như sau:

| Năm | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| Cổ tức tiền mặt trong năm (VND / CP) | - | - | - | 596 | 596 |

Tại thời điểm ngày 28/06/2017, lợi suất trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 5-7 năm theo công bố của HNX trung bình là 5,57%. Tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư vào cổ phiếu tại thị trường Việt Nam theo nguồn của Giáo sư Damodaran (trên trang web của trường New York University Sterm School of Business: http://pages.stern.nyu.edu/~adamodar/New_Home_Page/datafile/ctryprem.html) hiện ở mức 6,4%, vượt quá mức tối đa theo Thông tư 127 nêu trên. Do đó, lấy Rm theo mức tối đa là Rf = 5,57% và Rm = Rf = 5,57%.

Hệ số chiết khấu tương ứng là K = 11,14%.

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, ROE trung bình của công ty trong giai đoạn từ 2018 – 2022 là 10,4% và tỷ lệ lợi nhuận giữ lại để đầu tư trong giai doạn 2018 – 2022 là b = 50% (theo thông tư 127/2014/TT-BTC).

Như vậy, tỷ lệ tăng trưởng dự kiến trong dài hạn là g = ROE * b = 5,2 %

Giá trị của cổ phiếu với K = 11,14% và g = 5,2% là: 6.961 VND /CP, làm tròn thành 7.000 VND/CP.

Như vậy, kết quả định giá theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là:

**$V_{DDM}$ = 7.000 VND/CP**

### *3.3. Phương pháp NAV*

Sử dụng kết quả định giá DN để CPH, giá trị cổ phiếu của PV POWER được xác định như sau:

-Giá trị cổ phiếu của PV POWER được xác định như sau: quả định giá lại tài sản là 10.000 VND/CP

Như vậy, giá trị cổ phần tương ứng là 14.329 VND/CP, làm tròn thành 14.400 VND/CP.

**$V_{NAV}$ = 14.400 VND/CP**

**4. Tổng hợp kết quả định giá:**

| Phương pháp | Giá (đồng/cp) |
|---|---|
| P/B | 13.700 |
| DDM | 7.000 |
| NAV | 14.400 |

Với nguyên tắc mức giá đấu giá khởi điểm phải đảm bảo bảo toàn lợi ích phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Trong trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ theo giá trị xác định lại, thì giá khởi điểm bán đấu giá phải đảm bảo không thấp hơn giá quy đổi tương đương trường hợp điều chỉnh theo GTDN xác định lại. Mức giá 14.400 đồng/cổ phần với vốn điều lệ 23.418.716.000.000 đồng sẽ tương đương giá 10.000 đồng/cổ phần với vốn điều lệ 33.556.543.000.000 đồng.

**Do vậy, PV POWER đề xuất lựa chọn giá khởi điểm theo phương pháp tài sản là 14.400 đồng/cổ phần.**